

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

của dự án

**“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU VÀ  
ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH,  
HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG”**

Địa điểm: Xã Trà Côn và Xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long  
(*Đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản Phiên họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 30/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường*)

Vĩnh Long, tháng 01 năm 2024

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

của dự án

**“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU VÀ  
ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH,  
HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG”**

Địa điểm: Xã Trà Côn và Xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long  
(Đã chỉnh sửa, bổ sung theo Biên bản Phiên họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 30/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

CHỦ DỰ ÁN  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH KHOA

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ  
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ARTTEK  
GIÁM ĐỐC



BÙI VĂN NGUYỄN

Vĩnh Long, tháng 01 năm 2024



Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xác nhận: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Vĩnh Long làm Chủ đầu tư thuộc xã Trà Côn và xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long được phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long.

*Vĩnh Long, ngày ..... tháng.....năm 2024*

**CHỦ TỊCH**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	6
MỞ ĐẦU .....	8
1. Xuất xứ của dự án.....	8
1.1. Thông tin chung về dự án.....	8
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.....	9
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường .....	9
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM).9	
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM .....	9
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án .....	12
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM .....	13
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường .....	13
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường .....	15
4.1. Các phương pháp ĐTM được áp dụng.....	15
4.2. Các phương pháp khác .....	15
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM.....	15
5.1. Thông tin về dự án.....	15
a. Thông tin chung.....	15
b. Phạm vi, quy mô, công suất .....	16
c. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án .....	16
d. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	17
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường .....	18
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án .....	18
5.3.1. Nước thải, khí thải.....	18
5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại .....	19
5.3.3. Tiếng ồn, độ rung.....	19
5.3.4. Các tác động khác .....	19
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	19
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.....	21
CHƯƠNG 1 .....	22
THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	22
1.1. Thông tin về dự án.....	22
1.1.1. Tên dự án .....	22
1.1.2. Chủ dự án .....	22
1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án .....	22
1.1.4. Vị trí địa lý .....	22
1.1.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án .....	23
1.1.6. Khoảng cách đến khu dân cư và các yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	24
1.1.7. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.....	24
a. Mục tiêu của dự án .....	24

---

b. Loại hình dự án .....	25
c. Quy mô, công suất .....	25
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án .....	25
a. Các hạng mục công trình .....	25
b. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường .....	26
1.2.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp.....	27
điện, nước và các sản phẩm của dự án .....	27
1.2.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho dự án .....	27
1.2.3. Nguyên, nhiên liệu sử dụng của dự án .....	28
a. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình dự án .....	28
b. Nhu cầu lao động .....	31
c. Nhu cầu sử dụng nước .....	31
1.2.4. Nguồn cung cấp điện .....	31
1.2.5. Sản phẩm của dự án .....	32
1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành .....	32
1.4. Biện pháp tổ chức thi công .....	33
1.5. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	34
a. Tiến độ thực hiện dự án .....	34
b. Vốn đầu tư.....	34
c. Cách thức quản lý và thực hiện dự án.....	35
CHƯƠNG 2 .....	36
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN .....	36
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	36
2.1.1. Điều kiện tự nhiên .....	36
2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất .....	36
2.1.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng .....	37
a. Nhiệt độ không khí.....	37
b. Độ ẩm.....	37
c. Lượng mưa.....	38
d. Số giờ nắng .....	38
2.1.1.3. Điều kiện thủy văn.....	39
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội .....	39
a. Điều kiện kinh tế.....	39
b. Điều kiện xã hội .....	40
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.....	40
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....	40
a. Hiện trạng môi trường không khí.....	40
b. Hiện trạng môi trường nước mặt.....	42
c. Hiện trạng môi trường đất.....	43
c. Hiện trạng tầng sinh phèn tiềm tàng .....	43
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án .....	44
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.....	44
CHƯƠNG 3 .....	45

---

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	45
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng.....	45
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	45
3.1.1.1. Các tác động liên quan đến chất thải.....	45
a. Tác động của bụi và khí thải.....	45
b. Tác động của nước thải.....	49
c. Tác động của chất thải rắn thông thường.....	50
d. Tác động của chất thải nguy hại.....	51
3.1.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải.....	51
3.1.1.3. Tác động gây nên bởi các sự cố, rủi ro.....	54
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	55
3.1.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động liên quan đến chất thải.....	55
a. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.....	55
b. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải.....	57
c. Công trình, biện pháp quản lý, thu gom chất thải rắn thông thường.....	58
d. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại.....	59
3.1.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.....	59
a. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất đai của dự án.....	59
b. Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng.....	59
c. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung.....	59
d. Biện pháp giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự.....	60
e. Giảm thiểu sạt lở.....	60
f. Đảm bảo nhu cầu đi lại.....	61
g. Đảm bảo thoát nước, cấp điện, cấp nước của người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh khi thi công dự án.....	62
h. Đảm bảo hoạt động giao thông thủy.....	63
3.1.2.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố.....	63
a. Biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa tai nạn lao động.....	63
b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ.....	63
c. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông.....	63
d. Phòng tránh sự cố xì phèn.....	64
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	64
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	64
3.2.1.1. Đánh giá tác động liên quan đến chất thải.....	64
a. Tác động của bụi và khí thải.....	64
b. Tác động của nước thải: Hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động không phát sinh nước thải.....	65
c. Tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại: Hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động không phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.....	65
3.2.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải.....	65



---

3.2.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án .....	66
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	66
a. Sự cố về giao thông.....	67
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	67
a. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự trù kinh phí, tiến độ thực hiện các công trình BVMT của dự án .....	67
b. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	68
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo	68
CHƯƠNG 4 .....	69
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC .....	69
CHƯƠNG 5 .....	70
5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án .....	70
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án.....	75
CHƯƠNG 6 .....	76
KẾT QUẢ THAM VẤN .....	76
I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG.....	76
6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	76
6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử .....	76
6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	76
6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định.....	76
6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng .....	76
II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN (theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) .....	78
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT .....	79
1. Kết luận .....	79
2. Kiến nghị.....	79
3. Cam kết .....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	80

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>Ký hiệu, chữ viết tắt</b>	<b>Nội dung mô tả</b>
BOD	Biochemical oxygen demand - Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	Bộ Y tế
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRRT	Chất thải rắn thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Dissolved Oxygen - Hàm lượng oxy hòa tan
ĐVT	Đơn vị tính
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TSS	Total suspended solids - Tổng chất rắn lơ lửng
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
VOC	Volatile organic compounds - Hợp chất hữu cơ bay hơi
VXM	Vữa xi măng
WHO	World Health Organization - Tổ chức Y tế thế giới

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1 Bảng kê tọa độ các điểm khớp góc của dự án.....	22
Bảng 1. 2 Diện tích thu hồi, chiếm dụng của dự án .....	23
Bảng 1. 3 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án.....	27
Bảng 1. 4 Nguyên, vật liệu phục vụ công tác thi công, xây dựng.....	29
Bảng 1. 5 Nhu cầu nhiên liệu cho các thiết bị thi công dự án.....	29
Bảng 1. 6 Tiến độ dự kiến của dự án.....	34
Bảng 1. 7 Chi phí đầu tư dự án.....	34
Bảng 1. 8 Cách thức tổ chức và quản lý thực hiện dự án.....	35
Bảng 2. 1 Nhiệt độ trung bình các tháng trong các năm (đơn vị: °C) .....	37
Bảng 2. 2 Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong các năm (đơn vị: %) .....	37
Bảng 2. 3 Lượng mưa trung bình các tháng tại khu vực (đơn vị: mm) .....	38
Bảng 2. 4 Số giờ nắng trung bình tại khu vực (Đơn vị: giờ) .....	38
Bảng 2. 5 Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh .....	41
Bảng 2. 6 Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí khu vực dự án.....	41
Bảng 2. 7 Vị trí lấy mẫu nước mặt .....	42
Bảng 2. 8 Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	42
Bảng 2. 9 Vị trí lấy mẫu đất .....	43
Bảng 2. 10 Kết quả phân tích chất lượng đất.....	43
Bảng 3. 1 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ các máy đào.....	45
Bảng 3. 2 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển VLXD vào và ra khỏi dự án (Đối với xe từ 3,5 – 16 tấn, sử dụng dầu DO).....	46
Bảng 3. 3 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ thiết bị, máy móc phục vụ xây dựng dự án .....	46
Bảng 3. 4 Ảnh hưởng của khí CO đối với sức khỏe con người .....	49
Bảng 3. 5 Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công .....	49
Bảng 3. 6 Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....	50
Bảng 3. 7 Tiếng ồn phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công .....	52
Bảng 3. 8 Mức độ rung phát sinh từ quá trình xây dựng dự án .....	53
Bảng 3. 9 Tải lượng khí thải phát sinh khi phương tiện giao thông di chuyển 1 km đoạn đường .....	64
Bảng 3. 10 Tải lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông di chuyển ngang dự án .....	65
Bảng 3. 11 Bảng danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện .....	68
Bảng 5. 1 Chương trình quản lý môi trường của dự án.....	70
Bảng 6. 2 Tổng hợp kết quả tham vấn cộng đồng.....	76

---

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1. 1 Vị trí Dự án..... 21  
Hình 1. 2 Quy trình thi công dự án ..... 32



## MỞ ĐẦU

### 1. Xuất xứ của dự án

#### 1.1. Thông tin chung về dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Vĩnh Long làm Chủ dự án được đầu tư trên địa phận xã Trà Côn và xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Dự án gồm phần đường có điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, điểm cuối giao với Đường tỉnh 901 thuộc xã Thới Hòa.

Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” là dự án đầu tư xây dựng mới. Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Bổ sung nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 Về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

Dự án có tổng chiều dài khoảng 6.773,48 m đi qua địa phận các xã Trà Côn, xã Thới Hòa thuộc huyện Trà Ôn với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 99.068,3m<sup>2</sup> (Theo quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 31/7/2023) trong đó có khoảng 6.390,1m<sup>2</sup> diện tích đất chuyên trồng lúa nước; còn lại là các loại đất khác với diện tích khoảng 92.678,2m<sup>2</sup>. Căn cứ theo điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chuyên đổi mục đích sử dụng đất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Theo quy định tại số thứ tự 6, Mục II, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa có diện tích chuyển đổi thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, thuộc nhóm dự án đầu tư nhóm II (Nhóm dự án được quy định tại điểm c, điểm đ khoản 4, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 30 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, “dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28” của Luật bảo vệ môi trường thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường. Dự án nằm trên địa phận huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, do đó theo quy định tại Khoản 3, Điều 35 của Luật

Bảo vệ môi trường năm 2020 dự án thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức.

Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án, đảm bảo rằng hoạt động của Dự án tuân thủ đúng theo Quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020. Đây là công việc hết sức cần thiết, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững.

Báo cáo ĐTM của dự án do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông phối hợp với Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Môi trường Arttek thực hiện. Báo cáo ĐTM là cơ sở khoa học để đánh giá và dự báo những tác động tích cực, tiêu cực, các tác động trực tiếp, gián tiếp, trước mắt và lâu dài từ các hoạt động của dự án đối với môi trường từ đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, rủi ro môi trường góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đồng thời, báo cáo này là cơ sở pháp lý để Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đúng với quy định hiện hành của nhà nước.

## **1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư**

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

## **1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thống nhất chủ trương đầu tư do đó về mặt đầu tư dự án hoàn toàn phù hợp.

Dự án nằm trong Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 theo Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 15/6/2023 và Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 15/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long do đó việc triển khai dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

## **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)**

### **2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM**

#### **a. Các văn bản pháp lý**

##### **❖ Luật**

-Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 13/11/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

-Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014.

-Luật trồng trọt số 38/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/11/2018.

-Luật Xây dựng 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

-Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020.

**❖ Nghị định**

-Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

-Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

-Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

-Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn.

-Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

-Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

-Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng Nghị định về Thoát nước và xử lý nước thải.

-Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

-Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**❖ Thông tư**

-Thông tư số 121/2012/TT-BQP ngày 12/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành QCVN 01:2012/BQP, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ.

-Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

- Thông tư số 65/2015/TT – BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD của Bộ xây dựng ngày 06/02/2018 về quy bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

#### ❖ Quyết định, văn bản

- Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

#### **b. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan**

- QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.



-QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

-QCVN 07-4:2016/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông.

-QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

-QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

-QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

-QCVN 06:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về quy chuẩn phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình.

## **2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án**

-Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

-Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long Bổ sung nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

-Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long Về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

-Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

-Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

-Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

-Quyết định số 157/QĐ-BQLDAGT ngày 28/4/2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

-Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 15/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022  
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông

của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

-Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 15/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án.

-Quyết định số 1798/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long ngày 31/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long .

### **2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM**

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
- Thiết kế cơ sở của dự án.
- Kết quả đo đạc môi trường khu vực dự án.

### **3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

#### **❖ Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông**

+Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó Giám đốc.

+Địa chỉ: Số 83, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

+ Điện thoại: 02703. 836. 407.

#### **❖ Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Môi trường Arttek.**

+ Người đại diện: Ông Bùi Văn Nguyên Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà An Phú Plaza, 117 -119 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

+Điện thoại: (028)3 8 100 038 Fax: 028 38 100 038

+Email: arttek.company@gmail.com

Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0313277419 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/5/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 05/10/2022.

#### **❖ Đơn vị phối hợp: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng**

+ Địa chỉ: B24, Cư xá 301, Đường D1, P.25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.

+ Chi nhánh Phòng Thí nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu phố 4, P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

+ Điện thoại: (0251) 6 293 577

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312014368 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp,HCM cấp ngày 18 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 10 năm



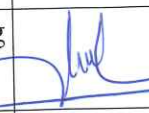

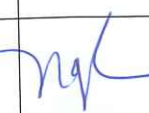
2015.

+ Quyết định số 581/QĐ-BTNMT ngày 02/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, với mã số VIMCERTS 076.

**❖ Quá trình lập Báo cáo ĐTM của dự án bao gồm các bước sau:**

- + Bước 1: Thành lập tổ công tác và phân công nhiệm vụ lập Báo cáo ĐTM;
  - + Bước 2: Thu thập thông tin, dữ liệu của dự án;
  - + Bước 3: Nghiên cứu và khảo sát hiện trạng khu vực Dự án: hiện trạng môi trường, điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội địa phương;
  - + Bước 4: Lập Báo cáo ĐTM dự thảo của dự án;
  - + Bước 5: Tham vấn ý kiến cộng đồng;
  - + Bước 6: Lập Báo cáo ĐTM tổng hợp;
  - + Bước 7: Trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Báo cáo.
- Các thành viên chính tham gia lập Báo cáo được trình bày dưới bảng sau:

**Bảng 1. Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo ĐTM**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Chuyên ngành đào tạo	Số năm kinh nghiệm	Nội dung thực hiện	Ký tên
<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>							
1	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thạc sĩ	Phó Giám Đốc	XD công trình giao thông	-	Cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung của báo cáo	
<b>CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ARTTEK</b>							
1	Ông Bùi Văn Nguyên	Kỹ sư	Giám đốc	Kỹ thuật môi trường	17 năm	Quản lý chung, kiểm tra nội dung báo cáo	
2	Lê Hà Thúy An	Kỹ sư	TP. Kỹ thuật	KTMT	11 năm	Tổng hợp nội dung báo cáo	
3	Huỳnh Thị Nhi	Cử nhân	Nhân viên	CNMT	07 năm	Viết Mở đầu, chương I, chương III, chương V, Kết luận	
3	Trần Thị Mộng Kiều	Cử nhân	Nhân viên	CNMT	5 năm	Viết chương II, IV, VI	

Ngoài ra trong quá trình thực hiện chúng tôi còn nhận được sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan sau:

- + UBND xã Trà Côn và UBND xã Thới Hòa thuộc huyện Trà Ôn.
- + Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

#### **4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường**

Trong quá trình thực hiện Báo cáo ĐTM của dự án, các phương pháp sau được tham khảo và nghiên cứu sử dụng:

##### **4.1. Các phương pháp ĐTM được áp dụng**

+ Phương pháp Đánh giá nhanh: Dựa vào các số liệu về hệ số tải lượng ô nhiễm do WHO, các số liệu nghiên cứu của các tác giả có uy tín công bố để ước tính tải lượng các chất ô nhiễm và đánh giá mức độ ô nhiễm cho dự án.

+ Phương pháp So sánh: Dựa vào các kết quả khảo sát, đo đạc tại hiện trường, kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm và các kết quả tính toán theo lý thuyết so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam tương ứng để xác định chất lượng môi trường tại khu vực xây dựng dự án và mức độ ô nhiễm do dự án gây ra.

+ Phương pháp Dự tính, dự báo: Dựa trên các cơ sở lý luận và kinh nghiệm để phỏng đoán các tác động có thể có nhằm xem xét các tác động của dự án đến chất lượng môi trường và hệ sinh thái trong vùng qua các giai đoạn thực hiện dự án.

##### **4.2. Các phương pháp khác**

Ngoài ra, trong quá trình lập báo cáo đơn vị tư vấn còn kết hợp với chủ đầu tư khảo sát thực tế tại khu vực triển khai dự án để ghi nhận các đối tượng tự nhiên, KT-XH nhằm phục vụ cho quá trình đánh giá tác động.

Riêng phương pháp lấy mẫu và đo đạc môi trường hiện trạng được thực hiện bởi đơn vị chuyên nghiệp (Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng), phòng thí nghiệm đã được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường tại Quyết định số 581/QĐ-BTNMT ngày 02/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, với mã số VIMCERTS 076.

#### **5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM**

##### **5.1. Thông tin về dự án**

###### **a. Thông tin chung**

+ Tên dự án: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH, HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG.

+ Địa điểm thực hiện: Xã Trà Côn và Xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

+Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó Giám đốc.



+Địa chỉ: Số 83, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

**b. Phạm vi, quy mô, công suất**

Điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn; điểm cuối giao với đường tỉnh 901 thuộc xã Thới Hòa. Toàn tuyến chia làm 02 phân đoạn cụ thể phân đoạn 1 chiều dài 4.079,53m, lý trình từ Km 0+000 đến Km 4+079,53 và 01 cầu Trà Ngoa. Phân đoạn 2 có chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ km 4+079,53m đến km 6+773,48m và 02 cầu (Cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm).

Quy mô xây dựng: Dự án có tổng chiều dài 6.773,48m, gồm phần đường dài 6.575,28m xây mới 03 cầu Cầu Trà Ngoa dài 106,20m (Km0+158,38), cầu Già Dách dài 46m (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm dài 46m (Km6+571,99); cải tạo và thay thế 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quân); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang). Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng, đường dân sinh và hệ thống an toàn giao thông... theo quy định.

Diện tích sử dụng đất: 99.068,3m<sup>2</sup>.

Phạm vi dự án không bao gồm các hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, xây dựng dự án.

Quy trình hoạt động của dự án: Phát quang, vệ sinh mặt bằng → Rà phá bom mìn → Đào đắp đất, san lấp mặt bằng → Tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị → Thi công nền đường, công trình thoát nước và cầu → Thi công móng đường và cầu → Thi công mặt đường và cầu → Lắp đặt hệ thống biển báo, cảnh báo, ATGT, chiếu sáng → Nghiệm thu và bàn giao → Đưa công trình giao thông vào vận hành.

**c. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

**❖ Các hạng mục công trình của dự án**

**🚧 Phần đường**

Có chiều dài 6.575,28m. Được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, nền đường rộng 6,5m, bề rộng mặt đường láng nhựa rộng 3,5m, lề đường rộng 3m (trong đó lề gia cố 1,7m; lề đất 1,3m), tải trọng thiết kế trục đơn 10 tấn, cao độ thiết kế tim đường 2,4m (Hệ mốc cao độ VN-2000). Độ dốc ngang mặt đường 3%, độ dốc ngang lề đường 6%, độ dốc mái taluy đắp nền đường 1:1,5. Toàn tuyến chia làm

02 phân đoạn cụ thể phân đoạn 1 chiều dài 4.079,53m, lý trình từ Km 0+000 đến Km 4+079,53 và 01 cầu Trà Ngoa. Phân đoạn 2 có chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ km 4+079,53m đến km 6+773,48m và 02 cầu (Cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm)

#### **🚧 Phân cầu**

Gồm 03 cầu xây mới với tổng chiều dài 198,20m: 03 cầu Cầu Trà Ngoa dài 106,20m (Km0+158,38), cầu Già Dách dài 46m (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm dài 46m (Km6+571,99). Tải trọng thiết kế 0,5HL93.

#### **🚧 Hệ thống công thoát nước**

Bố trí 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dày); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Út Thi), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiêu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nar); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Rạch Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quẩn); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Năm Ngươn). Các cống tròn BTCT có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200 và D.1500, nhằm phục vụ cho công tác lưu thông trên tuyến và đảm bảo tưới tiêu, đảm bảo ngăn, thoát lũ.

**🚧 Thiết kế an toàn giao thông:** Bố trí tuân theo TCVN 4054- 2005 và QCVN41:2019/BGTVT; Bố trí cọc tiêu tại hai đầu cống, các vị trí đường cong, các vị trí đắp cao,...

#### **❖ Các hoạt động của dự án**

- + Vệ sinh mặt bằng, rà phá bom mìn và đào đắp đất.
- + Tập kết các máy móc, thiết bị, phương tiện thi công và nguyên vật liệu;
- + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình;
- + Hoạt động vận hành tuyến đường.

#### **d. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án là hoạt động chuyển đổi 6.390,1m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước (trong đó diện tích đất trồng lúa phân đoạn 1 là 4.930,2m<sup>2</sup> và phân đoạn 2 là 1.459,9m<sup>2</sup>) thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua việc chuyển đổi này đảm bảo không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người khu vực này theo quy định pháp luật hiện hành, được người dân đồng thuận trong quá trình tham vấn.

## **5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Dự án thu hồi khoảng 6.390,1m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước, làm suy giảm diện tích đất trồng lúa và ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá loại, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, sạt lở ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; Nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông đường bộ; Hoạt động bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại.

## **5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### **5.3.1. Nước thải, khí thải**

#### **❖ Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải**

##### **✚ Trong giai đoạn xây dựng**

- Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện máy móc, thiết bị, rửa xe ra vào công trường, lưu lượng khoảng 4,5m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cát, sạn.

- Nước thải từ quá trình bơm cát: phát sinh khoảng 200m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu là SS.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 100 công nhân xây dựng dự án. Lưu lượng khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, chất dinh dưỡng, dầu mỡ và các vi sinh vật gây bệnh.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt tuyến đường thi công với lưu lượng khoảng 156.426 m<sup>3</sup>/năm, thành phần chủ yếu chứa các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng do cuốn theo chất thải, đất cát trên bề mặt công trường.

##### **✚ Trong giai đoạn hoạt động: Không phát sinh nước thải.**

#### **❖ Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất khí thải**

##### **✚ Trong giai đoạn xây dựng**

- Hoạt động đào đất thi công nền đường, chân taluy, hệ thống thoát nước; hoạt động vận chuyển, tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng; hoạt động rải đá cấp phối, vệ sinh nền đường phát sinh chủ yếu là bụi; hoạt động của máy móc thi công phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOCs,...

### **✚ Trong giai đoạn hoạt động**

Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOCs.

#### **5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

##### **a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất chất thải rắn thông thường**

###### **❖ Trong giai đoạn xây dựng dự án**

Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 2.000 – 2.500 kg/tháng, chủ yếu là phế thải xây dựng rơi vãi như xi măng, cát, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu,... Đất đào 49.912,12 m<sup>3</sup> đất.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 80kg/ngày. Thành phần gồm thực phẩm thải bỏ, vỏ đồ hộp, giấy,... Chất thải sinh hoạt có chứa 60 -70% chất hữu cơ, 30 -40% các chất khác. Trong giai đoạn hoạt động: Không phát sinh.

##### **b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại chỉ phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng trung bình khoảng 20-25kg/tháng. Thành phần là: đuôi que hàn, que hàn thải, thùng chứa sơn thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, nhớt thải,....

#### **5.3.3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, rung chỉ phát sinh trong giai đoạn xây dựng do các hoạt động phát quang dọn dẹp mặt bằng; Hoạt động phá dỡ các hạng mục công trình; Hoạt động thi công đầm nén và hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công trên công trường, hoạt động đóng cọc thi công cầu,...

Quy chuẩn áp dụng: Đảm bảo đạt giới hạn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### **5.3.4. Các tác động khác**

- Tác động từ chiếm dụng đất, ảnh hưởng đến đời sống, sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất.
- Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố sạt lở,...
- Ảnh hưởng đến đi lại của người dân và cấp thoát nước.

#### **5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

##### **❖ Đối với thu gom và xử lý nước thải**

###### **✚ Trong giai đoạn xây dựng**

+ Nước phát sinh từ quá trình thi công hồ gas: được bơm xả vào các kênh, rạch, mương thủy lợi dọc tuyến.

+ Nước thải từ quá trình bơm cát: Nước phát sinh trong quá trình san lấp nền được khống chế bằng cách: Bơm cát theo từng đoạn, mỗi đoạn bơm cát được khống

ché trong khoảng cách giữa hai cống ngang hoặc giữa 1 cống ngang và 1 cầu hoặc giữa 2 cầu. Quá trình bơm cát được thực hiện sau khi đã nạo vét bùn nền, đắp bờ bao phía ngoài và đắp bờ chặn ở 2 đầu của đoạn cần bơm cát. Kết hợp bơm cát ở một đầu của đoạn để nước chảy tràn về đầu kia và thoát ra ngoài, còn khi bơm cát ở giữa đoạn thì để nước chảy về hai đầu và thoát ra ngoài. Cách quản lý này làm cho nước bơm cát được lắng cặn sơ bộ, hạn chế được thất thoát cát ra bên ngoài và hạn chế được nước bơm cát chảy tràn ra 2 bên gây ảnh hưởng đến cây trồng và sinh hoạt của người dân cấp tuyến. Mặt khác, để hạn chế sạt lở do nước bơm cát chảy tràn ra ngoài, vị trí chảy tràn được lót bạt cao su.

+ Nước thải xây dựng khác: Được tận dụng tưới mặt bằng thi công.

+ Nước thải sinh hoạt: Do cấp hai bên tuyến hầu hết là nhà dân nên Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thỏa thuận quán ăn uống hay nhà dân trong khu vực thực hiện dự án để sử dụng chung nhà vệ sinh, hầm tự hoại với quán ăn uống hay nhà dân.

+ Nước mưa chảy tràn: Thu gom vật liệu thừa trong mỗi ca làm việc, không để nước mưa cuốn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm, cam kết sử dụng máy móc, thiết bị thi công còn thời gian đăng kiểm; sử dụng máy móc, thiết bị không bị hỏng, rò rỉ dầu nhớt và cam kết không để dầu nhớt rơi vãi trong thời gian thay dầu nhớt.

❖ **Trong giai đoạn hoạt động:** Không phát sinh.

❖ **Đối với xử lý bụi, khí thải**

✚ **Trong giai đoạn xây dựng**

- Hoạt động đào đắp đất và rải đá cấp phối: Tưới nước mặt bằng thi công, tưới ẩm vật liệu, đá cấp phối trước khi rải đá.

- Hoạt động tập kết VLXD: Không tập kết khối lượng lớn vật liệu trong ngày, chia nhỏ khối lượng tập kết hàng ngày theo tiến độ thi công; che đậy kín vật liệu trong quá trình vận chuyển.

- Hoạt động vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa: không sử dụng máy thổi, sử dụng máy hút bụi để vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa.

- Hoạt động nấu và tưới nhựa đường: Dự án không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng tại dự án; nhựa nấu tại dự án chủ yếu cung cấp tưới nền để tạo độ dính bám cho đá nền, bố trí điểm nấu nhựa ở nơi ít dân cư, xa trụ sở cơ quan, miếu, chùa, trường học.

✚ **Trong giai đoạn hoạt động**

- Kết hợp cơ quan chức năng lắp đặt panô, băng rôn,... theo tuyến đường nhằm tuyên truyền quy định pháp luật về giao thông bộ, giúp người dân am hiểu quy định, không sử dụng phương tiện quá hạn đăng kiểm, quá thời hạn sử dụng.

- Đề nghị cơ quan chức năng như công an thị trấn, công an huyện,... thường xuyên tuần tra tuyến đường dự án để sớm phát hiện, ngăn chặn những phương tiện chuyên chở VLXD không che đậy kín, làm rơi vãi vật liệu khi tham gia giao thông.

❖ **Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

✚ **Trong giai đoạn xây dựng**



Chất thải rắn xây dựng: Đất đào được tận dụng đắp nền đường, đắp taluy,... xà bần cho người dân; ván cốp pha, giấy, nilon, đinh ốc, sắt thép vụn bán cho các cơ sở mua phế liệu.

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác tại công trường để thu gom rác. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại: yêu cầu đơn vị thi công bố trí nơi chứa an toàn, trang bị thùng chứa riêng từng loại CTNH theo quy định, ... và định kỳ đơn vị thi công hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

❖ **Trong giai đoạn hoạt động:** Không phát sinh.

❖ **Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

✚ **Giai đoạn thi công, xây dựng**

Sử dụng các thiết bị thi công còn thời hạn đăng kiểm và được trang bị bô hãm thanh, không bố trí nhiều máy móc, thiết bị làm việc cùng thời điểm; không tập kết VLXD, thi công và san lấp mặt bằng sau 21 giờ tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau. Tiến hành khảo sát công trình, nhà dân lân cận hai bên trước khi thi công, thường xuyên theo dõi công trình, nhà cửa gần dự án trong quá trình lu nền. Thực hiện biện pháp đóng cọc dưới sông, rạch và ép cọc trên bờ với vị trí thi công gần nhà dân; trường hợp không có dân cư xung quanh tiến hành đóng cọc trong quá trình thi công cầu.

Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

✚ **Giai đoạn vận hành dự án:** Không phát sinh.

### **5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải định kỳ.

## CHƯƠNG 1 THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

### 1.1. Thông tin về dự án

#### 1.1.1. Tên dự án

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH, HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG.

#### 1.1.2. Chủ dự án

Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

+Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Kèm theo Giấy Ủy quyền số 12/GUQ-BQLDAGT ngày 09/6/2023)

+Địa chỉ: Số 83, Đường 30 tháng 4, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

+ Điện thoại: 02703. 836. 407.

#### 1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án

+ Đến hết Quý IV/2023: Hoàn thành các thủ tục pháp lý;

+ Đến hết Quý II/2024: Triển khai công tác bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

+ Từ tháng 07/2023 đến tháng 07/2024: Triển khai thi công xây dựng.

+ Từ tháng 08/2024 trở đi: Đưa vào vận hành chính thức.

#### 1.1.4. Vị trí địa lý

##### a. Vị trí địa lý dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” có chiều dài khoảng 6.773,48 m (bao gồm cả chiều dài cầu 198,20m) được thực hiện tại xã Trà Côn và xã Thới Hòa, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn; điểm cuối giao với đường tỉnh 901 thuộc xã Thới Hòa.

Về vị trí dự án theo Quyết định số 157/QĐ-BQLDAGT ngày 28/4/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đi qua xã Nhơn Bình, Trà Côn và Thới Hòa. Tuy nhiên phần tuyến thuộc xã Nhơn Bình trùng với đoạn tuyến thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2) theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn làm Chủ dự án, do đó trong phạm vi dự án này không triển khai phần đoạn tuyến thuộc xã Nhơn Bình (Đính kèm Quyết định tại Phụ lục báo cáo).

Dự án có tổng chiều dài 6.773,48m, gồm phần đường dài 6.575,28m, xây mới 03 cầu Cầu Trà Ngoa dài 106,20m (Km0+158,38), cầu Già Dách dài 46m (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm dài 46m (Km6+571,99); cải tạo và thay mới 18 cống thoát nước ngang, tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61

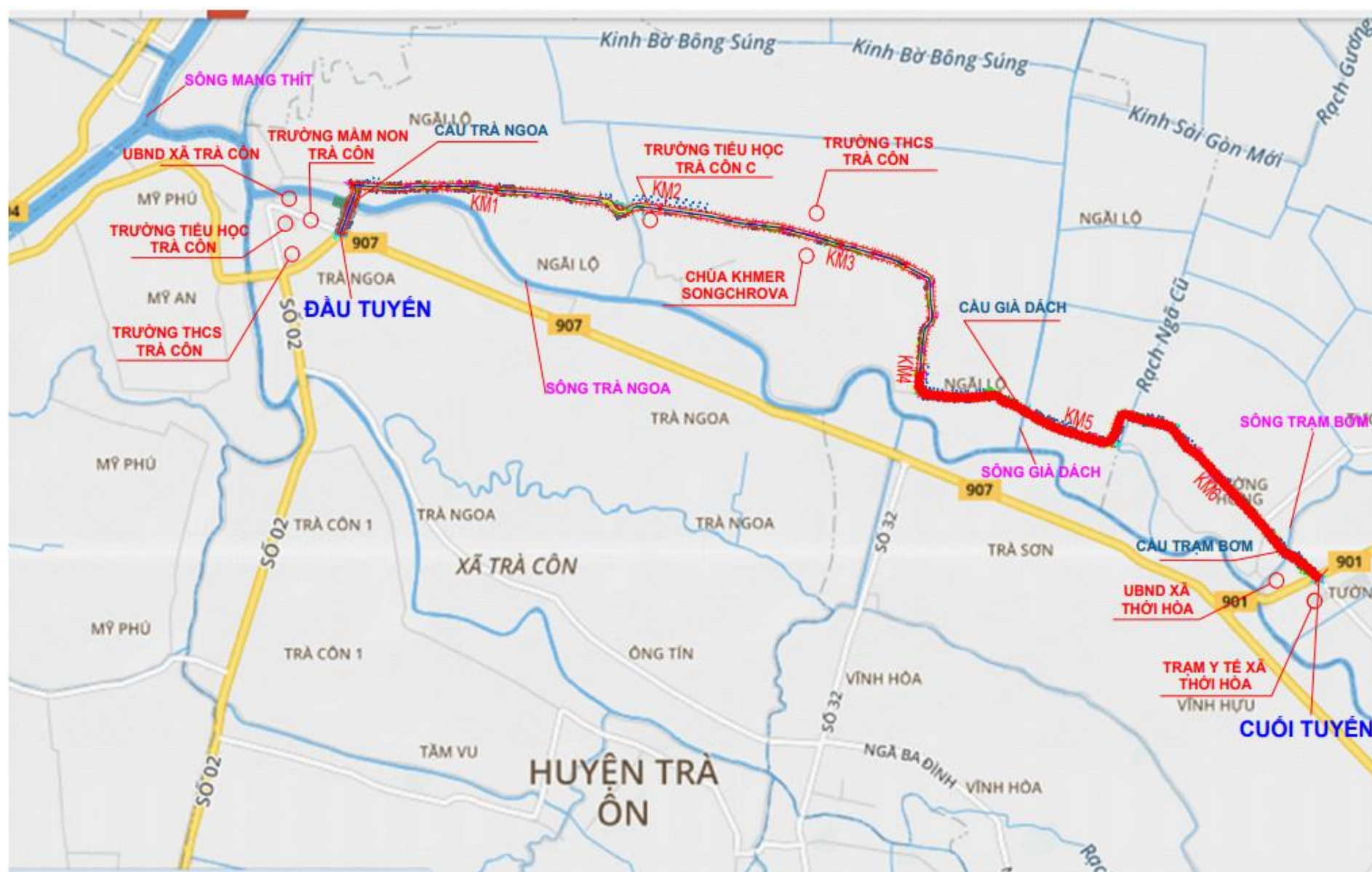
---

(Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quân); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang).

Toàn tuyến chia làm 02 phân đoạn cụ thể phân đoạn 1 chiều dài 4.079,53m, lý trình từ Km 0+000 đến Km 4+079,53 và 01 cầu Trà Ngoa. Phân đoạn 2 có chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ km 4+079,53m đến km 6+773,48m và 02 cầu (Cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm).







Hình 1. 1 Vị trí Dự án

**Bảng 1. 1 Bảng kê tọa độ các điểm khớp góc của dự án**

STT	Điểm	Tọa độ theo hệ VN 2000		GHI CHÚ
		X	Y	
1	Đầu tuyến	1107568	553841	Tim Tuyến
2	Cuối tuyến	1105746	559147	Tim Tuyến

*Nguồn: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, 2023*

**❖ Vị trí tương quan đối với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội**

Toàn tuyến chia làm 02 phân đoạn cụ thể phân đoạn 1 chiều dài 4.079,53m, lý trình từ Km 0+000 đến Km 4+079,53 và 01 cầu Trà Ngoa. Phân đoạn 2 có chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ km 4+079,53m đến km 6+773,48m và 02 cầu (Cầu Giã Dách và cầu Trạm Bơm). Vị trí tương quan của dự án đối với các đối tượng xung quanh cụ thể như sau:

Phân đoạn 1:

+ Hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến của đường hiện hữu, tim tuyến chủ yếu đi qua đất trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái của người dân địa phương, một phần là nền đường giao thông hiện hữu (hiện trạng là đường đất và đường bê tông với bề rộng nền đường khoảng 1-1,5m). Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 4.930,2m<sup>2</sup>.

+ Sông, suối, ao, hồ: Tuyến giao cắt với sông Trà Ngoa (vị trí xây cầu Trà Ngoa) và một số kênh, rạch, mương thủy lợi. Các kênh, rạch này được sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu, cấp thoát nước. Sông Trà Ngoa vừa sử dụng cho mục đích giao thông thủy vừa sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

+ Đường giao thông: Tuyến có cắt qua một số đường dân sinh hiện trạng, đường quy hoạch thuộc khu vực xã Trà Côn, giao cắt với Đường tỉnh 907.

+ Khu dân cư: Dự án đi qua một số nhà dân ấp Trà Ngoa, Ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn.

+ Dự án cách Trường mầm non Trà Côn khoảng 160m, cách Trường Tiểu học Trà Côn A khoảng 260m, cách UBND xã Trà Côn khoảng 220m, cách Trạm Y tế xã Trà Côn khoảng 430m, cách Chợ Trà Côn khoảng 460m về hướng Đông.

+ Dự án cặp với Trường Tiểu học Trà Côn C về hướng Bắc, cách Trường THCS Trà Côn khoảng 320m, cách Đình Trà Côn khoảng 130m, cách chùa Sangchavathmay khoảng 40m về hướng Bắc.

+ Dự án cách sông Trà Ngoa khoảng 30m đến 870m về hướng Bắc và Đông Bắc.

Phân đoạn 2:

+ Hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến của đường hiện hữu, tim tuyến chủ yếu đi qua đất trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái của người dân địa phương, một

phần là nền đường giao thông hiện hữu (hiện trạng là đường đất và đường bê tông với bề rộng nền đường khoảng 1-1,5m). Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 1.459,9m<sup>2</sup>.

+ Sông, suối, ao, hồ: Tuyến giao cắt một số kênh, rạch, mương thủy lợi như Kênh Già Dách. Các kênh, rạch này được sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu, cấp thoát nước.

+ Đường giao thông: Tuyến có cắt qua một số đường dân sinh hiện trạng, đường quy hoạch thuộc khu vực xã Thới Hòa, giao cắt với Đường tỉnh 901.

+ Khu dân cư: Dự án đi qua một số nhà dân Ấp Tường Hưng thuộc xã Thới Hòa.

+ Dự án cách UBND xã Thới Hòa khoảng 40m, cách chợ Thới Hòa khoảng 180m, cách Trạm Y tế xã Thới Hòa khoảng 30m về hướng Bắc.

+ Dự án cách chợ Thới Hòa khoảng 250m về hướng Đông Bắc.

### **1.1.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án**

#### **❖ Hiện trạng quản lý, sử dụng đất**

Tổng diện tích sử dụng của dự án khoảng 99.068,3m<sup>2</sup> (Quyết định số 1798/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long ngày 31/7/2023), nằm trên địa phận xã Trà Côn và xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn. Hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến của đường hiện hữu, tìm tuyến chủ yếu đi qua đất trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái của người dân địa phương, một phần là nền đường giao thông hiện hữu (hiện trạng là đường đất và đường bê tông với bề rộng nền đường khoảng 1-1,5m).

**Bảng 1. 2 Diện tích thu hồi, chiếm dụng của dự án**

<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích đất thu hồi (m<sup>2</sup>)</b>
<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>31.036,6</b>
<i>Đất trồng lúa nước</i>	<i>6.390,1</i>
<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>24.646,5</i>
<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>68.031,7</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.068,3</b>

*Nguồn: Quyết định số 1798/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long ngày 31/7/2023*

#### **❖ Hiện trạng cầu, công khu vực dự án**

Tuyến giao cắt với sông Trà Ngoa (vị trí xây cầu Trà Ngoa) và một số kênh, rạch, mương thủy lợi. Các kênh, rạch này có chiều dài khoảng 5-10km, rộng khoảng 10-15m và sâu khoảng 3-5m, được sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu, cấp thoát nước. Sông Trà Ngoa dài khoảng 40km, rộng khoảng 45m và sâu khoảng 10m, vừa sử dụng cho mục đích giao thông thủy vừa sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

Tại các vị trí giao cắt với sông Trà Ngoa, các kênh rạch và các mương thủy lợi sẽ bố trí 03 cầu và 18 cống thoát nước ngang:

- 03 cầu bố trí tại các lý trình: Cầu Trà Ngoa (Km0+158,38), cầu Giã Dách (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm (Km6+571,99). Cầu xây mới, hiện trạng tại vị trí xây Cầu Trà Ngoa và cầu Trạm Bơm không có cầu cũ, Cầu Giã Dách có cầu cũ BT hiện trạng rộng 1,8m, dài 30m. Mật độ giao thông thủy tại các vị trí này không nhiều, chủ yếu là ghe thuyền nhỏ của người dân địa phương.

- 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quẩn); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang). Hiện trạng có cống thoát nước ngang với đường kính D600 đến 1.500mm đã hư hỏng xuống cấp, do đó cần cải tạo và thay mới hoàn toàn 18 cống thoát nước trên.

### **1.1.6. Khoảng cách đến khu dân cư và các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

#### **❖ Khoảng cách đến khu dân cư**

+ Cặp 2 bên đường chủ yếu là nhà dân thuộc ấp Trà Ngoa, ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn thuộc phân đoạn 1 và Ấp Tường Hưng thuộc xã Thới Hòa Phân đoạn 2. Tổng số hộ chịu ảnh hưởng bởi hoạt động thu hồi đất là 334 hộ và 03 tổ chức (Trường Tiểu học Trà Côn C, Nhà Văn hóa, chùa Mới).

#### **❖ Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án là hoạt động chuyển đổi 6.390,1m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua (trong đó diện tích đất trồng lúa phân đoạn 1 là 4.930,2m<sup>2</sup> và phân đoạn 2 là 1.459,9m<sup>2</sup>).

### **1.1.7. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án**

#### **a. Mục tiêu của dự án**

Dự án được đầu tư với mục tiêu: Đầu tư xây dựng tuyến đường sẽ góp phần thực hiện đạt mục tiêu 100% xã trên địa bàn tỉnh có đường ô tô đến trung tâm xã, hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp, tránh ngập,

chủ động ngăn lũ bảo vệ vườn cây ăn trái và cuộc sống của người dân, góp phần thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

### **b. Loại hình dự án**

- Loại hình dự án: Dự án thuộc nhóm B theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Dự án thuộc loại hình đầu tư xây dựng mới và có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc số thứ tự 6, mục II, Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Loại công trình: Công trình giao thông cấp IV đồng bằng.

### **c. Quy mô, công suất**

Tổng chiều dài: Khoảng 6.773,48m. Dự án có tổng chiều dài 6.773,48m, gồm phần đường dài 6.575,28m; xây mới 03 cầu Cầu Trà Ngoa dài 106,20m (Km0+158,38), cầu Già Dách dài 46m (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm dài 46m (Km6+571,99); 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dày); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Út Thi), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nar); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Rạch Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quẩn); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Năm Ngươn).

Điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn; điểm cuối giao với đường tỉnh 901 thuộc xã Thới Hòa.

## **1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

### **a. Các hạng mục công trình**

Theo Quyết định số 157/QĐ-BQLDAGT ngày 28/4/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long có các hạng mục công trình của dự án như sau:

#### **❖ Phần đường**

Có chiều dài 6.575,28m. Được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, nền đường rộng 6,5m, bề rộng mặt đường láng nhựa rộng 3,5m, lề đường rộng 3m (trong đó lề gia cố 1,7m; lề đất 1,3m), tải trọng thiết kế trục đơn 10 tấn, cao độ thiết kế tim đường 2,4m (Hệ mốc cao độ VN-2000). Độ dốc ngang mặt đường 3%, độ dốc

ngang lề đường 6%, độ dốc mái taluy đắp nền đường 1:1,5. Toàn tuyến chia làm 02 phân đoạn cụ thể phân đoạn 1 chiều dài 4.079,53m, lý trình từ Km 0+000 đến Km 4+079,53 và 01 cầu Trà Ngoa. Phân đoạn 2 có chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ km 4+079,53m đến km 6+773,48m và 02 cầu (Cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm).

#### ❖ Phần cầu

Gồm 03 cầu xây mới với tổng chiều dài 198,20m: 03 cầu Cầu Trà Ngoa dài 106,20m (Km0+158,38), cầu Già Dách dài 46m (Km4+706,59) và cầu Trạm Bơm dài 46m (Km6+571,99). Tải trọng thiết kế 0,5HL93.

#### ❖ Hệ thống cống thoát nước

Bố trí 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thọ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quẩn); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang). Các cống tròn BTCT có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200 và D.1500, nhằm phục vụ cho công tác lưu thông trên tuyến và đảm bảo tưới tiêu, đảm bảo ngăn, thoát lũ.

#### ❖ Thiết kế an toàn giao thông

Tổ chức giao thông: Bố trí tuân theo TCVN 4054-2005 và QCVN41:2019/BGTVT; Bố trí cọc tiêu tại hai đầu cống, các vị trí đường cong, các vị trí đắp cao,...

Chủ dự án cam kết liên hệ cơ quan chức năng thỏa thuận đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực theo quy định.

#### **b. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Do đây là dự án công trình giao thông, nên sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng dự án, Chủ dự án sẽ bàn giao lại cho cơ quan quản lý địa phương giám sát, vận hành dự án. Quá trình thi công xây dựng dự án bao gồm các bước sau đây: Phát quang, vệ sinh mặt bằng → Rà phá bom mìn → Đào đắp đất, san lấp mặt bằng -> Tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị -> Thi công nền đường, công trình thoát nước và cầu -> Thi công móng đường và cầu -> Thi công mặt đường và cầu -> Lắp

đặt hệ thống biển báo, cảnh báo, ATGT, chiếu sáng → Nghiệm thu và bàn giao →  
Đưa công trình giao thông vào vận hành.

Các hoạt động của dự án bao gồm:

- + Thu dọn mặt bằng, rà phá bom mìn.
- + Đào đắp đất, san lấp mặt bằng.
- + Tập kết các máy móc, thiết bị, phương tiện thi công và nguyên vật liệu;
- + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình gồm thi công cầu, thi công nền đường, công trình thoát nước, thi công móng đường và mặt đường; Lắp đặt hệ thống biển báo, cảnh báo, ATGT, chiếu sáng. Công tác thi công cầu diễn ra song song với quá trình thi công nền đường, móng đường và mặt đường cho đến khi hoàn thiện.

+ Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường..

Các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- + Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 6.390,1m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước.
- + Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá loại, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, sạt lở ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; Nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông đường bộ; Hoạt động bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn.

### 1.2.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

#### 1.2.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho dự án

Máy móc, thiết bị phục vụ cho thi công dự án được trình bày trong bảng dưới đây:

**Bảng 1. 3 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án**

STT	Máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy trộn bê tông 250L	Cái	10	Trung Quốc	80 – 90%
2	Máy đào bánh xích, dung tích gàu $\geq 0,8 \text{ m}^3$	Cái	04	Trung Quốc	
3	Máy đào bánh xích, dung tích gàu $1,63\text{m}^3$	Cái	02	Việt Nam	
4	Máy ủi 110CV	Cái	03	Trung Quốc	
5	Máy lu rung 25T	Cái	03	Trung Quốc	
6	Lu bánh lốp 16T (tối thiểu 7 bánh)	Cái	02	Trung Quốc	
7	Lu bánh thép 10 T	Cái	02	Việt Nam	



Báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Máy móc	DVT	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
8	Máy nén khí 240 - 600 m <sup>3</sup> /h	Cái	06	Nhật Bản	80 – 90%
9	Máy rải 50 – 60 m <sup>3</sup> /h	Cái	06	Trung Quốc	
10	Máy san 110CV	Cái	03	Trung Quốc	
11	Máy xúc 1,25m <sup>3</sup>	Cái	02	Trung Quốc	
12	Ô tô chuyển trộn BTXM	Cái	04	Trung Quốc	
13	Ô tô tưới nước 5m <sup>3</sup>	Cái	04	Trung Quốc	
14	Ô tô tự đổ ≥ 10 tấn	Cái	08	Trung Quốc	
15	Máy sơn dẻo nhiệt	Cái	06	Trung Quốc	
16	Máy phát điện 3 phase, công suất 37,5KVA	Cái	04	Trung Quốc	
17	Máy bơm nước ≥ 15CV	Cái	03	Trung Quốc	
18	Máy phun nhựa công suất 190cv	Cái	04	Trung Quốc	
19	Máy bơm vữa xi măng	Cái	03	Trung Quốc	
20	Máy khoan đứng 2,5 – 4,5kW	Cái	10	Trung Quốc	
21	Máy hàn điện 23 kW	Cái	10	Trung Quốc	
22	Máy đầm dùi 1,5 KW	Cái	10	Trung Quốc	
23	Máy đầm cóc	Cái	08	Trung Quốc	
24	Máy duỗi thép	Cái	10	Trung Quốc	
25	Máy cắt thép	Cái	08	Trung Quốc	
26	Máy mài 2,7kW	Cái	10	Trung Quốc	
27	Cầu tháp	Cái	04	Trung Quốc	
28	Máy đầm bàn	Cái	08	Việt Nam	
29	Cần cầu bánh hơi	Cái	04	Việt Nam	
30	Máy ép thủy lực	Cái	06	Việt Nam	
31	Tàu đóng cọc 1,2 – 3,5T	Cái	06	Việt Nam	
32	Máy thủy bình	Cái	08	Việt Nam	
33	Tàu kéo và phục vụ thi công thủy 150CV	Cái	02	Việt Nam	
34	Máy cắt bê tông 7,5kW	Cái	08	Việt Nam	
35	Đầm đất cầm tay 70kg	Cái	10	Việt Nam	
36	Biến thế hàn xoay chiều 23kW	Cái	10	Việt Nam	
37	Búa rung 170kW	Cái	08	Việt Nam	
38	Búa căn khí nén 3m <sup>3</sup> /phút	Cái	06	Việt Nam	
39	Máy hút bụi	Cái	04	Việt Nam	
40	Máy bơm cát	Cái	01	Việt Nam	80 – 90%
41	Sà lan	Cái	01	Việt Nam	80 – 90%
42	Tàu kéo	Cái	01	Việt Nam	80 – 90%

Nguồn: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, 2023

**1.2.3. Nguyên, nhiên liệu sử dụng của dự án**

**a. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình dự án**

**❖ Nhu cầu nguyên, vật liệu**

Nguyên, vật liệu phục vụ cho công tác thi công các hạng mục công trình dự án được trình bày chi tiết trong bảng sau đây:

**Bảng 1. 4 Nguyên, vật liệu phục vụ công tác thi công, xây dựng**

STT	Loại nguyên, vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Trọng lượng (Tấn)
1	Xi măng PC40	Tấn	25.600	25.600
2	Xi măng PC30	Tấn	15.500	15.500
3	Cát vàng	m <sup>3</sup>	35.320	45.916
4	Đá 4x6	m <sup>3</sup>	5.145	7.974,7
5	Đá 2x4	m <sup>3</sup>	6.100	9.455
6	Đá 1x2	m <sup>3</sup>	13.600	21.760
7	Đá dăm	m <sup>3</sup>	15.780	25.248
8	Đá hộc	m <sup>3</sup>	5.525	8.563,7
9	Bột đá	Tấn	1.068	1.068
10	Thép các loại	Tấn	8.657	8.657
11	Nhựa đường	Tấn	59,5	59,5
12	Nhựa nhũ tương	Tấn	105	105
13	Bê tông nhựa nóng	Tấn	40.150	40.150
14	Que hàn	Tấn	10	10
15	Ván gỗ các loại	Tấn	450	450
16	Vật liệu khác	Tấn	1.050	1.050
	<b>Tổng cộng</b>			<b>211.566,9</b>
	<b>Đào, đắp đất các loại</b>			
	Đất đào	m <sup>3</sup>	49.912,12	
	Đất đắp	m <sup>3</sup>	106.307,2	

Nguồn: Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, 2023

❖ **Nhu cầu về nhiên liệu**

**Bảng 1. 5 Nhu cầu nhiên liệu cho các thiết bị thi công dự án**

TT	Tên máy móc	Số lượng sử dụng (cái) (*)	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/máy/ca)	Khối lượng sử dụng (lít/ca)	Khối lượng sử dụng (Tấn/ca) (01 ca/01 ngày)	Loại nhiên liệu
1	Máy trộn bê tông 250L	10	11	110	0,09	Dầu DO
2	Máy đào thủy lực, dung tích gầu ≥ 0,8 m <sup>3</sup>	04	65	260	0,224	Dầu DO
3	Máy đào thủy lực, dung tích gầu 1,63m <sup>3</sup>	02	113	226	0,194	Dầu DO
4	Máy ủi 75CV	03	38	114	0,098	Dầu DO
5	Máy ủi 110CV	03	46	138	0,118	Dầu DO
6	Máy lu rung 25T	03	67	357	0,307	Dầu DO
7	Lu bánh lốp 16T (tối thiểu 7 bánh)	02	39	78	0,067	Dầu DO

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Tên máy móc	Số lượng sử dụng (cái) (*)	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/máy/ca)	Khối lượng sử dụng (lít/ca)	Khối lượng sử dụng (Tấn/ca) (01 ca/01 ngày)	Loại nhiên liệu
8	Lu bánh thép 10T	02	26	52	0,045	Dầu DO
9	Máy nén khí 240-600 m <sup>3</sup> /h	06	46	276	0,204	Xăng
8	Máy rải 50 – 60 m <sup>3</sup> /h	06	30	180	0,155	Dầu DO
10	Máy san 110CV	03	39	117	0,10	Dầu DO
11	Máy xúc 1,25m <sup>3</sup>	02	47	94	0,08	Dầu DO
12	Ô tô chuyên trộn BTXM	04	93	372	0,32	Dầu DO
13	Ô tô tưới nước 5m <sup>3</sup>	04	23	128	0,11	Dầu DO
14	Ô tô tự đổ ≥ 10 tấn	08	57	304	0,26	Dầu DO
15	Máy sơn dẻo nhiệt	06	5	30	0,025	Dầu DO
16	Máy phát điện 3 phase, công suất 37,5KVA	04	24	96	0,083	Dầu DO
17	Máy bơm nước ≥ 15CV	03	10	30	0,025	Dầu DO
18	Máy phun nhựa công suất 190cv	04	57	228	0,196	Dầu DO
19	Máy bơm vữa xi măng	03	19	57	0,049	Dầu DO
20	Máy khoan đứng 2,5-4,5kW	05	53	265	0,228	Dầu DO
21	Cầu tháp	04	118	472	0,406	Dầu DO
22	Tàu đóng cọc 1,2-3,5T	06	47	282	0,242	Dầu DO
23	Tàu kéo và phục vụ thi công thủy 150CV	02	95	190	0,163	Dầu DO
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Dầu DO</b>			<b>3,585 tấn/ngày</b>	
		<b>Xăng</b>			<b>0,204 tấn/ngày</b>	

Nguồn (\*): Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công Công trình: Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, 2023

**Ghi chú:** Xăng có tỷ trọng khoảng 0,74 tấn/m<sup>3</sup>, dầu DO có tỷ trọng khoảng 0,86 tấn/m<sup>3</sup> (theo QCVN 1:2015/BKHCN – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học; hàm lượng lưu huỳnh trong xăng, dầu S=0,05%). Định mức tính theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng. Các thiết bị như máy ép thủy lực, máy hàn, máy đầm, máy cắt thép, máy uốn thép, máy hút bụi sử dụng điện.

Ngoài ra, dự án còn sử dụng củi nấu nhựa đường; tổng khối lượng củi sử dụng khoảng 0,1 tấn/ngày, tổng cộng khoảng 4,5 tấn/tổng thời gian thi công.

Nguồn cung cấp nguyên, nhiên liệu của dự án:

Nguyên vật liệu, nhiên liệu phục vụ xây dựng dự án được mua từ các đơn vị cung ứng trên địa bàn huyện Trà Ôn và các khu vực lân cận.

Đất đắp nền đường lấy từ đất đào nền đường của dự án (Đất đào được tận dụng hết).

Cát chủ yếu sử dụng từ các mỏ cát ở địa phương. Chủ dự án sẽ hợp đồng với các cơ sở kinh doanh để chở cát đến công trường bằng xe tải.

Bê tông nhựa nóng được hợp đồng thu mua từ các công ty chuyên sản xuất bê tông nhựa nóng trong, ngoài tỉnh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như thiết kế. Dự án không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng tại dự án; nhựa nấu tại dự án chủ yếu cung cấp tươi nền để tạo độ dính bám cho đá nền và lớp bê tông nhựa bên trên nên khối lượng nhựa nấu tại dự án không nhiều và sẽ phân tán theo tuyến đường.

Dự án không bố trí riêng bãi tập kết VLXD phục vụ dự án mà hợp đồng với cơ sở kinh doanh VLXD định kỳ vận chuyển VLXD đến dự án để thi công hàng ngày theo tiến độ.

### **b. Nhu cầu lao động**

Tổng lao động sử dụng trong quá trình thi công xây dựng Dự án tối đa 100 người. Thời gian làm việc mỗi ngày 01 ca/01 ngày, 08 giờ làm việc/01 ca.

Dự án ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương do đó không bố trí lán trại lưu trú mà chỉ bố trí lán trại phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giữa ca của công nhân. Bố trí tại mỗi lán trại 02 nhà vệ sinh di động để phục vụ công tác sinh hoạt của công nhân, cán bộ, thi công dự án.

### **c. Nhu cầu sử dụng nước**

#### **✚ Tiêu chuẩn cấp nước giai đoạn thi công**

Nước cấp sinh hoạt: Số công nhân lao động trên công trường: 100 người. Nhu cầu dùng nước sinh hoạt của mỗi công nhân bình quân theo QCVN 01:2021/BXD mỗi công nhân tiêu thụ khoảng 80 lít nước/ngày.  $Q_{\text{cấp}} = (100 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người.ngày})/1.000 = 8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Nước thải tương đương 100% nước cấp =  $8\text{m}^3/\text{ngày}$ .

Nước cấp cho quá trình thi công xây dựng: Ước tính khoảng  $9,5\text{m}^3/\text{ngày}$ .

+ Nước từ công đoạn xịt rửa xe ra vào công trường:  $3\text{m}^3/\text{ngày}$ .

+ Nước vệ sinh thiết bị, máy móc:  $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$ .

+ Nước tưới đường:  $3\text{m}^3/\text{lần tưới} \times 2 \text{ lần/ngày} = 6\text{m}^3/\text{ngày}$ . Nước tưới đường được ước tính trên lượng sử dụng tối đa, vì quá trình thi công cuốn chiếu theo từng đoạn, nên lượng nước này cũng được sử dụng tương ứng phục vụ cho quá trình thi công theo từng đoạn tuyến.

Vậy nước cấp trong giai đoạn xây dựng ước tính khoảng  $17,5\text{m}^3/\text{ngày}$ .

Nguồn cung cấp nước: Hợp đồng với hộ dân gần khu vực dự án để sử dụng hoặc mua từ các đơn vị cấp nước ở địa phương. Nước xịt rửa xe ra vào công trường, Nước tưới đường, được lấy từ nguồn nước mặt tại sông, rạch dọc tuyến.

#### **1.2.4.Nguồn cung cấp điện**

Nguồn điện được lấy từ nhà dân gần khu vực lán trại dọc tuyến. Trước khi triển khai thi công, đơn vị thi công sẽ phối hợp với Chủ dự án để thỏa thuận với người dân đầu nối

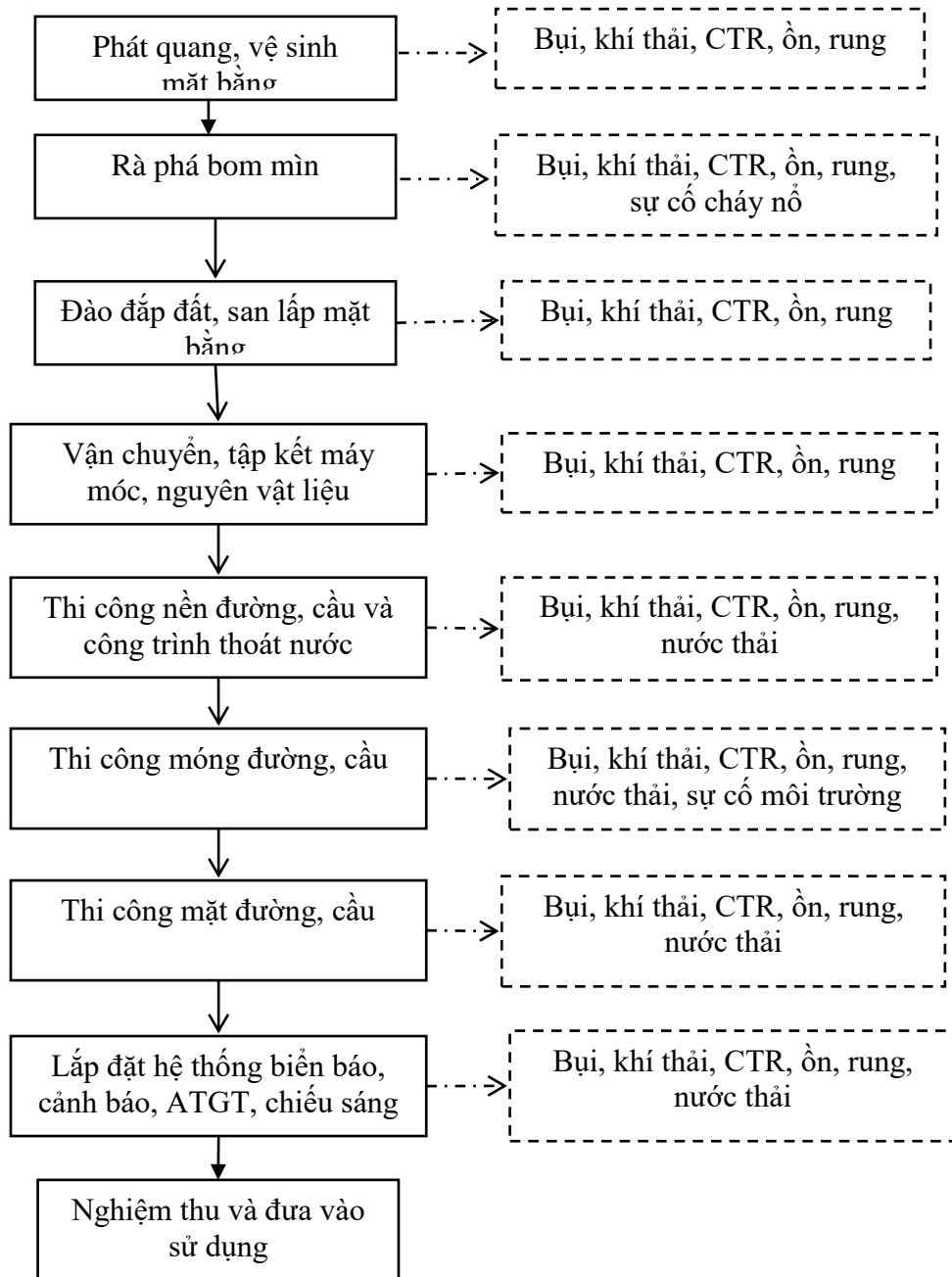
tạm và sử dụng cho các hoạt động. Hàng tháng, Đơn vị thi công thanh toán chi phí cho người dân. Nhu cầu sử dụng điện ước tính khoảng 1.075kW/tháng.

### 1.2.5. Sản phẩm của dự án

Hoàn thiện hệ thống giao thông địa phương gồm phần đường dài 6.575,28m bề rộng nền đường 6,5m (bề rộng mặt đường 3,5m; bề rộng lề đường 3m), 03 cầu giao thông xây mới tổng chiều dài 198,20m; cải tạo và thay thế 18 cống thoát nước ngang được hình thành góp phần hoàn chỉnh mạng lưới giao thông của địa phương.

### 1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Do đây là dự án công trình giao thông, nên sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng dự án, Chủ dự án sẽ bàn giao lại cho cơ quan quản lý địa phương giám sát, vận hành dự án. Quá trình thi công xây dựng bao gồm các bước sau đây:



Hình 1. 2 Quy trình thi công dự án

## **Thuyết minh quy trình thi công dự án**

Quy trình thi công dự án bao gồm các bước: Vệ sinh mặt bằng (Sau khi tiến hành bồi thường, hỗ trợ Chủ dự án sẽ thỏa thuận người dân tự tháo dỡ các công trình vật kiến trúc, hoa màu,... Chủ dự án sẽ tổ chức tháo dỡ công trình và chặt phá cây trồng, đồng thời thu gom hết sinh khối thực vật, chất thải trước khi thi công trong trường hợp người dân không tháo dỡ triệt để). Tiếp đến là công tác rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại. Sau đó sẽ tiến hành công tác san nền, đào đắp đất và tập kết vật liệu xây dựng, máy móc thi công. Dự án không bố trí riêng bãi tập kết VLXD phục vụ dự án mà hợp đồng với cơ sở kinh doanh VLXD định kỳ vận chuyển VLXD đến dự án để thi công hàng ngày theo tiến độ.

Tiếp đến sẽ thi công nền đường, cầu, công trình thoát nước, móng đường cầu, mặt đường cầu, lắp đặt hệ thống chiếu sáng; lắp đặt cọc tiêu, biển báo, sơn phân làn giao thông; cuối cùng tổ chức nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác. Các hạng mục cầu sẽ được thi công song song với quá trình thi công phần đường. Quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án được thực hiện cuốn chiếu theo từng giai đoạn và theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **1.4. Biện pháp tổ chức thi công**

Các biện pháp chủ đầu tư sẽ thực hiện để thực hiện thi công công trình bằng các biện pháp sau:

Công tác giải phóng mặt bằng: Dự án sẽ tính toán, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân có đất, hoa màu, công trình,... chịu ảnh hưởng bởi dự án. Sau khi tiến hành bồi thường, hỗ trợ Chủ dự án sẽ thỏa thuận người dân tự tháo dỡ các công trình ảnh hưởng (như nhà cửa, hàng rào,...) và chặt phá cây trồng. Trường hợp người dân không thực hiện việc tháo dỡ các công trình ảnh hưởng và không chặt phá cây trồng hay không thu gom hết sinh khối thực vật, chất thải khi tháo dỡ công trình trước khi giao mặt bằng thi công, chủ dự án sẽ tổ chức tháo dỡ công trình và chặt phá cây trồng, đồng thời thu gom hết sinh khối thực vật, chất thải trước khi thi công.

Công tác chuẩn bị bao gồm công tác bố trí lán trại, công trường, vị trí tập kết nguyên vật liệu cho quá trình thi công. Dự án ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương do đó không bố trí lán trại lưu trú và mượn nhà dân, hàng quán để sử dụng các nhu cầu vệ sinh cho công nhân. Dự án không bố trí riêng bãi tập kết VLXD phục vụ dự án mà hợp đồng với cơ sở kinh doanh VLXD định kỳ vận chuyển VLXD đến dự án để thi công hàng ngày theo tiến độ.

Công tác phát quang, vệ sinh mặt bằng, phá dỡ công trình được thực hiện bằng cơ giới kết hợp thủ công, chất thải được vận chuyển bằng ô tô tự đổ ra khỏi phạm vi công trường theo đúng vị trí quy định.

Công tác san nền, đào đắp đất được thực hiện bằng cơ giới kết hợp với thủ công, nhà thầu dự kiến sử dụng đất từ quá trình đào nền đường để tận dụng cho việc đắp

đường. Đất, cát và cát san lấp phục vụ thi công Dự án sẽ được tận dụng từ nguồn đất đào và mua tại các mỏ/bãi vật liệu đã được cấp phép. Vật liệu thi công sẽ được chuyển về khu vực Dự án bằng xe tải. Dự án có hoạt động bơm cát từ sà lan xuống bãi chứa tại vị trí mố M1 cầu Trà Ngoa, diện tích bãi chứa cát là 350m<sup>2</sup>, xung quanh có xây tường bằng gạch cao 2,5m nhằm tránh nước và cát bị chảy tràn xuống sông. Sau đó lượng cát này sẽ vận chuyển bằng xe tải đến chân công trình.

Tiếp đến sẽ thi công nền đường, công trình thoát nước, móng đường, mặt đường, lắp đặt hệ thống chiếu sáng; lắp đặt cọc tiêu, biển báo, sơn phân làn giao thông; cuối cùng tổ chức nghiệm thu, đưa dự án vào khai thác. Các hạng mục cầu sẽ được thi công song song với quá trình thi công phần đường. Quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án được thực hiện cuốn chiếu theo từng giai đoạn và theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 1.5. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

#### a. Tiến độ thực hiện dự án

**Bảng 1. 6 Tiến độ dự kiến của dự án**

TT	Nội dung dự án	Tiến độ/ Thời gian thực hiện
1	Hoàn thành các thủ tục pháp lý	Đến hết quý IV/2023
2	Triển khai công tác bồi thường và hỗ trợ tái định cư	Đến hết quý II/2024
3	Triển khai thi công xây dựng.	Từ tháng 07/2023 đến tháng 07/2024
4	Đưa vào vận hành chính thức	Từ tháng 08/2024 trở đi

*Nguồn: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông*

#### b. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư dự án là 114.037.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn).

**Bảng 1. 7 Chi phí đầu tư dự án**

STT	Hạng mục	Chi phí (Đồng)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	31.716.617.000
2	Chi phí xây dựng	57.674.616.000
4	Chi phí quản lý dự án	1.153.699.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.165.750.000
6	Chi phí khác	2.205.121.000
7	Chi phí dự phòng	16.121.197.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.037.000.000</b>

*Nguồn: Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*

**c. Cách thức quản lý và thực hiện dự án**

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng dự án: Chủ đầu tư dự án sẽ quản lý trực tiếp dưới sự hỗ trợ của tư vấn giám sát có chức năng.
- Giai đoạn hoạt động dự án: Chủ đầu tư dự án sẽ bàn giao dự án cho địa phương quản lý dự án.
- Trong giai đoạn xây dựng cần khoảng 100 công nhân, toàn bộ công nhân sinh hoạt tự túc.
- Chủ đầu tư dự án sẽ bố trí 01 cán bộ phụ trách quản lý môi trường cho dự án trong thời gian giải phóng mặt bằng và thi công công trình.

**Bảng 1. 8 Cách thức tổ chức và quản lý thực hiện dự án**

Giai đoạn	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/Cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh	Quản lý và thực hiện dự án
Thi công	Chiếm dụng đất đai, đền bù, giải tỏa	Suốt giai đoạn chuẩn bị	- Đo đạc, kiểm kê	Tác động đến cuộc sống người dân có đất bị thu hồi	Chủ đầu tư dự án sẽ quản lý trực tiếp dưới sự hỗ trợ của tư vấn giám sát có chức năng
	Giải phóng mặt bằng thi công		- Cho người dân tự tháo dỡ, di dời, chặt phá vật kiến trúc, cây trồng. - Đơn vị thi công chủ yếu phát hoang cỏ dại.	- Bụi - Tiếng ồn - Chất thải rắn - Tai nạn lao động	
	Thi công đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước, chiếu sáng,...	Suốt giai đoạn xây dựng (dự kiến từ tháng 07/2023 đến tháng 07/2024)	Thủ công kết hợp cơ giới. Phương tiện thi công chủ yếu sử dụng dầu DO vận hành	- Bụi, khí thải. - Nước thải xây dựng. - Chất thải rắn thông thường và nguy hại. - Tiếng ồn, độ rung. - An ninh trật tự, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ,...	
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng		Khoảng 100 công nhân làm việc tại dự án, sinh hoạt tự túc	- Nước thải sinh hoạt. - Rác thải sinh hoạt	
Hoạt động	Hoạt động của các phương tiện giao thông bộ ngành dự án	Suốt thời gian dự án hoạt động	Sử dụng xăng, dầu vận hành	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung động. - Tai nạn giao thông. - Sinh khối thực vật.	Chủ đầu tư dự án sẽ bàn giao dự án cho địa phương quản lý dự án

Nguồn: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Môi trường Arttek tổng hợp



## CHƯƠNG 2

### ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

##### 2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất

Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 1.525,73km<sup>2</sup>. Phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; Phía Tây Bắc, Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Phía Đông Nam giáp với tỉnh Trà Vinh; Phía Tây Nam giáp các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Thành phố Cần Thơ.

Tỉnh Vĩnh Long có dạng địa hình khá bằng phẳng với độ dốc nhỏ hơn 2°, có cao trình khá thấp so với mực nước biển. Với dạng địa hình đồng bằng ngập lụt của sông, tiểu địa hình của tỉnh có dạng lòng chảo ở giữa trung tâm tỉnh và cao.

Vĩnh Long có cấu trúc địa chất tương đồng với khu vực, chủ yếu là trầm tích biển của kỉ Đệ Tứ trong Đại Tân sinh. Vĩnh Long tuy có diện tích đất phèn lớn, tầng sinh phèn ở rất sâu, tỉ lệ phèn ít, song đất có chất lượng cao, màu mỡ vào bậc nhất so với các tỉnh trong vùng. Đặc biệt tỉnh có hàng vạn ha đất phù sa ngọt ven sông Tiền và sông Hậu (lượng phù sa trung bình là 374 g/m<sup>3</sup> nước sông vào mùa lũ), đất tốt, độ phì nhiêu cao, trồng được hai vụ lúa trở lên, cho năng suất cao, sinh khối lớn lại thuận lợi về giao thông kể cả thủy và bộ. Vĩnh Long còn có lượng cát sông và đất sét làm vật liệu xây dựng khá dồi dào. Cát sông với trữ lượng khoảng 100 - 150 triệu m<sup>3</sup>, được sử dụng chủ yếu cho san lấp và đất sét với trữ lượng khoảng 200 triệu m<sup>3</sup>, là nguyên liệu sản xuất gạch và làm gốm.

Khu đất xây dựng dự án có địa hình khá bằng phẳng, địa hình đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Địa chất khu vực dự án gồm các lớp như sau:

- Lớp A: Đất đắp: Sét lẫn xác thực vật, màu xám đen.
- Lớp 1: Sét hữu cơ lẫn cát (OH), màu xám nâu, trạng thái chảy – dẻo chảy.
- Lớp 2: Sét (CL) lẫn ít sỏi san, màu xám xanh, trạng thái dẻo cứng – nửa cứng.
- Lớp 3: Sét lẫn cát (CL), màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng.
- Lớp 4: Sét, màu xám xanh – nâu vàng, trạng thái nửa cứng.
- Lớp 5: Cát lẫn sét (SC), màu xám xanh – nâu vàng, kết cấu chặt vừa – chặt.

*(Tham khảo Thuyết minh địa chất công trình “Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình – huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long”, tháng 12 năm 2017.)*

Với cấu tạo địa chất vùng đồng bằng đặc trưng nên có sức chịu tải yếu, do đó, chân dự án được vét bùn hữu cơ và thay bằng lớp cát san lấp để nâng độ chịu tải, toàn bộ công trình được lu lèn để đảm bảo độ chặt theo quy định. Ngoài ra, đáy hố gas, cống ngang đường và những đoạn giao cắt với sông, kênh rạch gần vỉa hè sẽ được gia cố cừ tràm để tránh sạt lở đất.

### 2.1.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng

Theo “Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2021” thì điều kiện khí tượng khu vực Dự án có các đặc điểm như sau:

#### a. Nhiệt độ không khí

Tại khu vực dự án, khí hậu trong năm có sự phân hóa thành hai mùa rõ rệt (mùa khô và mùa mưa). Một số giá trị về nhiệt độ tại khu vực được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 2. 1 Nhiệt độ trung bình các tháng trong các năm (đơn vị: °C)**

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Bình quân năm</b>	<b>27,5</b>	<b>27,3</b>	<b>27,4</b>	<b>27,6</b>	<b>27,7</b>	<b>27,2</b>
Tháng 1	24,8	26,6	26,0	26,5	26,9	25,0
Tháng 2	25,1	26,4	26,0	26,8	26,8	25,6
Tháng 3	27,5	27,6	27,7	28,2	28,2	28,0
Tháng 4	28,9	28,9	28,7	29,5	29,3	28,3
Tháng 5	29,4	27,9	28,4	28,7	30,0	28,7
Tháng 6	28,0	27,9	27,4	27,9	27,7	28,3
Tháng 7	28,1	27,0	27,3	27,5	27,9	27,4
Tháng 8	27,8	27,3	27,2	27,1	27,9	27,7
Tháng 9	27,4	27,9	27,0	27,1	27,3	27,1
Tháng 10	27,8	27,4	27,7	28,0	26,9	27,2
Tháng 11	28,2	27,3	27,7	27,4	27,4	27,4
Tháng 12	27,3	25,9	27,5	25,9	26,2	26,0

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long

#### b. Độ ẩm

Độ ẩm không khí trung bình tại khu vực dự án qua các năm được trình bày trong bảng dưới đây.

**Bảng 2. 2 Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong các năm (đơn vị: %)**

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Bình quân năm</b>	<b>83</b>	<b>85</b>	<b>83</b>	<b>82</b>	<b>83</b>	<b>86</b>
Tháng 1	80	81	86	76	77	82
Tháng 2	78	81	78	77	74	81
Tháng 3	76	78	77	75	76	76
Tháng 4	77	79	76	76	79	88
Tháng 5	80	88	84	85	91	86
Tháng 6	84	87	87	88	88	87
Tháng 7	86	89	88	87	88	90
Tháng 8	87	89	87	89	90	90
Tháng 9	90	87	89	87	92	91
Tháng 10	88	87	85	83	86	91
Tháng 11	87	89	83	83	84	88
Tháng 12	83	85	82	80	84	84

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long

**c. Lượng mưa**

Lượng mưa trung bình của khu vực dự án được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 2. 3 Lượng mưa trung bình các tháng tại khu vực (đơn vị: mm)**

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Bình quân năm</b>	<b>1.017</b>	<b>1.725</b>	<b>1.409</b>	<b>1.160,8</b>	<b>1.742,0</b>	<b>1.678,6</b>
Tháng 1	1	57	37	-	-	64,8
Tháng 2	-	53	5	-	14,8	15
Tháng 3	-	49	6	-	-	0,4
Tháng 4	21	39	18	2,4	43,2	112,8
Tháng 5	14	311	184	158,2	36,2	82,4
Tháng 6	113	143	296	173	415,6	67,8
Tháng 7	97	197	233	242,2	135	250,6
Tháng 8	76	206	120	187	181,6	301,2
Tháng 9	304	208	172	198,6	394,4	229,6
Tháng 10	212	296	159	164,2	365,2	219,2
Tháng 11	128	93	72	32,8	74,2	317,2
Tháng 12	51	73	107	3,4	81,8	17,6

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long*

**d. Số giờ nắng**

Số giờ nắng trung bình mỗi tháng từ 140 đến 280 giờ. Số giờ nắng trung bình khu vực dự án như sau:

**Bảng 2. 4 Số giờ nắng trung bình tại khu vực (Đơn vị: giờ)**

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Bình quân năm</b>	<b>2.616</b>	<b>2.197</b>	<b>2.276</b>	<b>2.511</b>	<b>2.445</b>	<b>2.237</b>
Tháng 1	235	189	160	237	273	216
Tháng 2	234	196	238	244	240	211
Tháng 3	281	242	228	264	265	270
Tháng 4	248	243	239	237	230	207
Tháng 5	265	157	208	219	132	173
Tháng 6	181	163	148	160	165	178
Tháng 7	166	145	155	186	194	155
Tháng 8	214	175	152	158	186	196
Tháng 9	174	181	166	157	173	147
Tháng 10	189	156	208	215	115	144
Tháng 11	213	162	175	187	184	140
Tháng 12	217	188	199	247	189	200

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long*

**e. Chế độ gió**

Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long nói chung, khu vực dự án nói riêng chịu ảnh hưởng bởi ba hướng gió chính.

- Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10. Hướng gió thịnh hành là Tây Nam đến Tây.

- Gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 năm trước đến tháng 01 năm sau.
- Gió mùa Đông Nam đến Đông (gió chướng) từ tháng 02 đến tháng 4.

Tốc độ gió trung bình khoảng 2 - 3 m/s, tốc độ gió mạnh nhất không vượt quá 25 m/s.

### **2.1.1.3. Điều kiện thủy văn**

Khu vực dự án chịu ảnh hưởng bởi chế độ bán nhật triều biển Đông và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chế độ triều của sông Hậu thông qua sông Mang Thít, sông Trà Ngoa và một số kênh rạch có nguồn nước ngọt quanh năm.

Dự án đi qua đất dân chủ yếu, giao cắt với sông Trà Ngoa và khá nhiều kênh, mương thủy lợi; địa hình khu vực thấp trũng nên thường xuyên xảy ra ngập úng. Ngoài ra, các kênh rạch này chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; thoát nước của người dân trong vùng; chiều sâu nông nên trong những năm qua các rạch giao cắt với dự án bị sạt lở không đáng kể.

Tuyến giao cắt với sông Trà Ngoa (vị trí xây cầu Trà Ngoa) và một số kênh, rạch, mương thủy lợi. Các kênh, rạch này được sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu, cấp thoát nước. Sông Trà Ngoa vừa sử dụng cho mục đích giao thông thủy vừa sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu.

### **2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã Trà Côn và xã Thới Hòa thuộc huyện Trà Ôn, theo Báo cáo Tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội; Quốc phòng- An ninh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của 02 xã Trà Côn và xã Thới Hòa, khu vực dự án có điều kiện kinh tế - xã hội được tham khảo từ Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 16/5/2023 của xã Thới Hòa và Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 10/5/2023 của xã Trà Côn, cụ thể như sau:

#### **a. Điều kiện kinh tế**

Người dân thuộc các xã chủ yếu hoạt động sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, rau màu, cây ăn trái (cam, bưởi, dứa,...)... Tổng diện tích vườn xã Thới Hòa hiện nay là 1.657,23 ha. Trong đó, cam sành 1.262,5 ha, còn lại là cây trồng khác như bưởi, dứa. Tổng diện tích cây lâu năm của xã Trà Côn là 1.669,47 ha. Trong đó, diện tích cây ăn trái 1.646,02 ha (phần lớn cam sành 1.061,68 ha và cây ăn trái khác 584,34 ha). Rau màu tại các địa phương này chủ yếu là dưa leo, rau cải, bầu, bí với diện tích khoảng 0,5ha thuộc xã Thới Hòa và 05ha thuộc xã Trà Côn.

Hoạt động chăn nuôi chủ yếu là bò, heo và gia cầm. Tổng đàn chăn nuôi của xã Thới Hòa là 62.639 con, xã Trà Côn là 31.700 con. Công tác phòng chống dịch bệnh và tiêm phòng được thực hiện tốt.

Nuôi trồng thủy sản phát triển ở khu vực xã Thới Hòa chủ yếu là nuôi trong mương vườn, diện tích duy trì khoảng 13,96ha.

Tiểu thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ: Các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động tốt với các loại hình sản xuất phổ biến đặc trưng của khu vực như gia công vàng, sắt, mộc, nhôm, may mặc với 83 cơ sở hoạt động thuộc xã Thới Hòa, 457 cơ sở

sản xuất tại xã Trà Côn... Chợ xã và các tiểu thương buôn bán ổn định các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu của người dân trên địa bàn xã.

Kinh tế tập thể: Xã Thới Hòa có 01 HTX gồm 18 thành viên, 48 lao động với diện tích 60,4ha. HTX xã Trà Côn gồm 18 thành viên, 02 tổ hợp tác sản xuất với diện tích 13,4ha.

## **b. Điều kiện xã hội**

### **+ Đặc điểm dân số**

Dân số xã Thới Hòa là 8.133 người với 2.391 hộ dân trong đó có 100 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,17%; 60 hộ cận nghèo, chiếm 2,5% dân số. Dân số xã Trà Côn là 11.216 người với 3.205 hộ dân trong đó có 370 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,54%, 72 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 2,24% và 53 hộ có mức sống trung bình, chiếm 1,65%. Dân cư xung quanh dự án phân bố rải rác. Dân cư trong khu vực chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

### **+ Văn hóa, thể thao, du lịch và truyền thông**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa – thông tin và truyền thông. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin.

### **+ Giáo dục**

Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm. Xã Thới Hòa có 4 trường, trong đó 3/4 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia. Xã Trà Côn có 4 trường, duy trì các cấp mầm non, tiểu học và THCS. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 100%.

### **+ Y tế**

Điều kiện y tế của các xã ngày càng được nâng cao. Trạm y tế xã đảm bảo tốt công tác khám và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế thuộc xã Trà Côn là 100%, xã Thới Hòa đạt 98,68%.

## **2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án**

### **2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

-Để đánh giá hiện trạng môi trường dự án, Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn và Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng tiến hành lấy mẫu phân tích, đo đạc chất lượng môi trường khu vực dự án. Thời gian lấy mẫu vào các ngày 06/5/2023; 08/5/2023 và ngày 09/5/2023.

-Kết quả phân tích mẫu được trình bày dưới đây:

#### **a. Hiện trạng môi trường không khí**

Vị trí lấy mẫu và chất lượng không khí tại thời điểm đo đạc được trình bày chi tiết trong bảng sau:

❖ Vị trí lấy mẫu, đo đạc

**Bảng 2. 5 Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh**

TT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Tọa độ vị trí lấy mẫu	
			Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	KK1	1107598	553857
2	Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	KK2	1107746	555494
3	Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	KK3	1107633	556162
4	Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Già Dách thuộc ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	KK4	1106665	557574
5	Giữa tuyến thuộc ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn	KK5	1106041	558880
6	Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn	KK6	1105769	559182

❖ Kết quả phân tích

**Bảng 2. 6 Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí khu vực dự án**

TT	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm							
		Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Bụi (µg/m <sup>3</sup> )	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	CO (µg/m <sup>3</sup> )	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )
<b>Đợt 1: Ngày lấy mẫu 06/05/2023</b>									
1	KK1	55,3	31,1	63,8	0,8	159	46	3.462	31
2	KK2	54,2	31,3	64,1	0,9	168	53	4.115	52
3	KK3	45,6	31,4	64,4	0,9	151	51	3.870	48
4	KK4	42,3	31,2	63,6	0,7	148	54	3.736	46
5	KK5	42,8	31,0	64,3	0,8	154	56	3.947	42
6	KK6	58,1	31,3	63,9	0,7	142	51	3.348	37
<b>Đợt 2: Ngày lấy mẫu 08/05/2023</b>									
1	KK1	56,3	31,3	64,2	0,8	148	54	3.445	32
2	KK2	55,0	31,5	63,6	0,9	168	56	4.117	48
3	KK3	46,8	31,1	64,1	0,7	151	51	3.838	43
4	KK4	43,3	31,2	63,8	0,8	154	52	3.714	46
5	KK5	43,8	31,4	63,3	0,8	151	48	3.918	42
6	KK6	57,7	31,3	64,0	0,9	142	49	3.313	36
<b>Đợt 3: Ngày lấy mẫu 09/05/2023</b>									
1	KK1	57,6	31,3	64,6	1,009	151	49	3.434	33
2	KK2	55,3	31,4	63,9	0,7	165	53	4.075	47
3	KK3	44,6	31,2	63,8	0,6	159	52	3.847	44
4	KK4	41,3	31,1	63,2	0,8	151	56	3.708	45
5	KK5	43,2	31,5	63,5	0,8	160	51	3.925	42
6	KK6	57,9	31,4	63,9	0,9	145	48	3.326	39
<b>QCVN 05:2013/BTNMT</b>		<b>70<sup>(1)</sup></b>	-	-	-	<b>300</b>	<b>350</b>	<b>30.000</b>	<b>200</b>

- Ghi chú:

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

(1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Nhận xét chung

Qua kết quả đo đạc trên ta thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Kết luận: Môi trường không khí xung quanh của khu vực dự án còn rất tốt.

**b. Hiện trạng môi trường nước mặt**

Vị trí lấy mẫu và chất lượng nước mặt tại thời điểm đo đạc được trình bày chi tiết trong bảng sau:

❖ **Vị trí lấy mẫu nước mặt**

**Bảng 2. 7 Vị trí lấy mẫu nước mặt**

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ vị trí lấy mẫu	
		X(m)	Y(m)
NM1	Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng cầu Trà Ngoa thuộc ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	1107748	553907
NM2	Vị trí xây cầu Già Dách thuộc ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	1106669	557574
NM3	Vị trí xây cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn	1105883	559023

❖ **Kết quả phân tích**

**Bảng 2. 8 Kết quả phân tích chất lượng nước mặt**

TT	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm								
		pH	DO (mgO <sub>2</sub> /L)	TSS (mg/L)	BOD (mg/L)	COD (mg/L)	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/L)	Cl <sup>-</sup> (mg/L)	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/L)	Tổng Coliform (MPN/100ml)
<b>Đợt 1: Ngày lấy mẫu 10/02/2023</b>										
1	NM1	6,46	4,66	19	12	24	KPH	28	0,77	2,3x10 <sup>3</sup>
2	NM2	6,48	4,47	84	10	21	KPH	57	0,94	3,3x10 <sup>3</sup>
3	NM3	6,49	4,05	52	13	27	KPH	56	0,76	2,4x10 <sup>3</sup>
<b>Đợt 2: Ngày lấy mẫu 13/02/2023</b>										
1	NM1	6,50	4,27	20	11	23	KPH	29	0,73	2,3x10 <sup>3</sup>
2	NM2	6,49	4,27	78	14	30	KPH	56	0,93	3,1x10 <sup>3</sup>
3	NM3	6,46	4,76	56	13	29	KPH	57	0,86	2,1x10 <sup>3</sup>
<b>Đợt 3: Ngày lấy mẫu 14/02/2023</b>										
1	NM1	6,44	4,64	17	10	22	KPH	29	0,75	2,4x10 <sup>3</sup>
2	NM2	7,30	5,04	80	14	32	KPH	58	0,91	2,8x10 <sup>3</sup>
3	NM3	6,20	5,55	54	14	31	KPH	56	0,785	2,2x10 <sup>3</sup>
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2</b>		<b>6,5-8,5</b>	<b>≥5</b>	<b>30</b>	<b>6</b>	<b>15</b>	<b>0,3</b>	<b>350</b>	<b>5</b>	<b>5.000</b>

Ghi chú: MDL của N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> = 0,009 mg/L

Qua so sánh các số liệu trong bảng trên cho thấy phần lớn các thông số như pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD tại các vị trí quan trắc vượt giới hạn cho phép, các thông số còn lại có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

### c. Hiện trạng môi trường đất

Vị trí lấy mẫu và chất lượng môi trường đất tại thời điểm đo đạc được trình bày chi tiết trong bảng sau:

#### ❖ Vị trí lấy mẫu đất

**Bảng 2. 9 Vị trí lấy mẫu đất**

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN2000)	
		X(m)	Y(m)
Đ1	Đất Thuộc Ấp Trà Ngoa, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn	1107643	553884
Đ2	Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn	1106046	558849

#### ❖ Kết quả phân tích chất lượng đất

**Bảng 2. 10 Kết quả phân tích chất lượng đất**

TT	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm (mg/Kg)					
		As	Cd	Cr	Pb	Cu	Zn
<b>Đợt 1: Ngày lấy mẫu 06/05/2023</b>							
1	Đ1	KPH	KPH	4,87	3,04	14,6	52,3
2	Đ2	KPH	KPH	5,40	3,58	14,2	45,2
<b>Đợt 2: Ngày lấy mẫu 08/05/2023</b>							
1	Đ1	KPH	KPH	4,40	3,63	14,8	51,4
2	Đ2	KPH	KPH	4,01	3,87	13,9	44,8
<b>Đợt 3: Ngày lấy mẫu 09/05/2023</b>							
1	Đ1	KPH	KPH	6,85	3,30	13,9	53,3
2	Đ2	KPH	KPH	4,01	3,92	12,3	47,6
<b>QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất nông nghiệp)</b>		<b>15</b>	<b>1,5</b>	<b>150</b>	<b>70</b>	<b>100</b>	<b>200</b>

Ghi chú: MDL của As= 0,40 mg/kg; MDL Cd = 0,049 mg/kg.

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng đất tại bảng trên cho thấy tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành.

### c. Hiện trạng tầng sinh phèn tiềm tàng

Theo Bản đồ đất tỉnh Vĩnh Long, tại khu vực dự án chủ yếu là đất phù sa không có tầng sinh phèn tiềm tàng hoặc có tầng sinh phèn tiềm tàng sâu khoảng 100 - 150 cm.



## **2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

### **❖ Các đối tượng tác động**

Tác động đến yếu tố vi khí hậu, thay đổi cảnh quan môi trường. Tác động đến hệ sinh thái khu vực

Các sự cố rủi ro, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn giao thông, sự cố sạt lở.

### **❖ Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án là hoạt động chuyển đổi 6.390,1m<sup>2</sup> đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

## **2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án**

### **a. Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên**

- *Đối với điều kiện địa lý, địa chất:* Khu vực dự án có nền đất yếu nên tốn kém kinh phí lớn cho việc gia cố nền móng các công trình xây dựng, tuy nhiên dự án gần Đường tỉnh 907, Đường tỉnh 901,... nên thuận lợi cho việc tiếp nhận nguyên, vật liệu.

- *Đối với khí hậu, khí tượng:* Khu vực dự án có lượng mưa và độ ẩm lớn dễ gây sạt lở khu vực giao cắt với sông Trà Ngoa, kênh mương thủy lợi. Tuy nhiên, nhược điểm này có thể khắc phục bằng cách ép cừ gia cố.

- *Đối với môi trường không khí, môi trường nước:* Kết quả phân tích môi trường hiện trạng cho thấy môi trường nước ở khu vực dự án đã bị ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân trong vùng; môi trường không khí còn khá trong lành. Khi xây dựng dự án và khi dự án hoạt động có phát sinh bụi, khí thải, nước thải nhưng tải lượng không lớn nên không ảnh hưởng lớn đến môi trường không khí xung quanh và sức khỏe con người.

Ngoài ra, căn cứ vào vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên cho thấy việc xây dựng dự án tại khu vực là rất hợp lý. Việc đầu tư tuyến đường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi mua bán hàng hóa, sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế.

### **b. Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực dự án**

- Khi dự án đi vào hoạt động sẽ hình thành thêm các khu dân cư và dịch vụ dọc tuyến đường, từ đó góp phần thu hút dân cư cũng như phát triển hoạt động thương mại. Gia tăng nhu cầu cung ứng các loại dịch vụ.

- Hệ thống giao thông và điều kiện vận tải của khu vực được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận tải hàng hóa, nông sản,...góp phần phát triển kinh tế địa phương.

- Cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện các công trình phục vụ công cộng trên địa bàn.

### CHƯƠNG 3

## ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các tác động môi trường trong báo cáo chủ yếu được đánh giá qua 02 giai đoạn chính:

- Giai đoạn thi công, xây dựng dự án.
- Giai đoạn hoạt động dự án.

Chi tiết các đánh giá và các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường được trình bày dưới đây:

### 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

#### 3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

##### 3.1.1.1. Các tác động liên quan đến chất thải

##### a. Tác động của bụi và khí thải

##### ❖ Hoạt động đào đất thi công nền đường, chân taluy, hệ thống thoát nước

Dự án dùng máy đào để đào, đắp đất, cát; Tổng khối lượng đào đất khoảng 49.912,12m<sup>3</sup>, mỗi ngày đào, đắp từ 200 – 300 m<sup>3</sup>/ngày. Theo WHO, 1993 khi đào, đắp đất, cát sẽ phát sinh bụi với hệ số phát thải vào khoảng 1 – 100 g/m<sup>3</sup> đất, cát đào, đắp nên tải lượng bụi phát sinh khi đào đắp đất cát vào khoảng 0,2 – 30 kg/ngày.

Ngoài ra, hoạt động của máy đào, đắp đất, cát cũng phát sinh bụi, khí thải. Máy đào hoạt động khoảng 8 giờ/ngày, lượng nhiên liệu sử dụng khoảng 486 lít/6 máy/ngày hay khoảng 0,418 tấn/6 máy/ngày nên tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ máy đào không lớn, cụ thể như sau:

**Bảng 3. 1 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ các máy đào**

STT	Thông số ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu đốt)	Tải lượng (kg/ngày)
1	Bụi	0,71	0,296
2	SO <sub>2</sub>	20S	0,418
3	NO <sub>x</sub>	9,62	4,02
4	CO	2,19	0,915
5	VOC	0,791	0,331

*Nguồn: Hệ số ô nhiễm: PGS.TS Nguyễn Văn Phước, năm 2006, Giáo trình quản lý chất lượng môi trường, NXB Xây dựng*

##### ❖ Hoạt động vận chuyển, tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng

Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ xây dựng khoảng 211.566,9 tấn. Dự án không bố trí bãi tập kết, lưu trữ vật liệu xây dựng mà chia nhỏ khối lượng vật liệu xây dựng tập kết hàng ngày theo tiến độ thi công, mỗi ngày tập kết tối đa khoảng 200 tấn VLXD (Thời gian thi công khoảng 12 tháng) nên có khoảng 40 chuyến xe tải vận chuyển VLXD vào và ra khỏi dự án hàng ngày (kể cả có tải và không tải).

Dựa vào vị trí và chiều dài tuyến đường dự kiến thi công cho thấy khoảng cách phương tiện vận chuyển VLXD di chuyển xa nhất trong dự án khoảng 7km nên chiều dài đoạn đường phương tiện vào và ra khỏi dự án tối đa khoảng 14km/ngày.

Dựa vào hệ số tải lượng ô nhiễm của WHO ước tính tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển VLXD vào và ra khỏi dự án như sau:

**Bảng 3. 2 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển VLXD vào và ra khỏi dự án (Đối với xe từ 3,5 – 16 tấn, sử dụng dầu DO)**

STT	Thông số ô nhiễm	Khối lượng	
		Hệ số ô nhiễm, g/km <sup>(*)</sup>	g/ngày
1	Bụi khô	0,9	12,6
2	SO <sub>2</sub>	4,29S	-
3	NO <sub>x</sub>	11,8	165,2
4	CO	6	84
5	VOC	2,6	36,4

Nguồn: (\*) PGS.TS Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Vân Hà, năm 2006, Giáo trình quản lý chất lượng môi trường, NXB Xây dựng

Ngoài ra, bụi còn phát sinh từ VLXD trên xe rơi vãi xuống đường giao thông khi vận chuyển và khi các phương tiện chuyên chở VLXD vào dự án các bánh xe sẽ dính theo đất, cát và khi phương tiện ra khỏi dự án, lượng đất, cát này sẽ rơi lại và phát tán vào môi trường không khí, gây ô nhiễm

**❖ Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình**

*Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công:* Các thiết bị như cầu, xe lu, máy đào, máy rải, máy ủi, máy tưới nhựa, xe tải, máy bơm nước, ô tô tưới nước,... được sử dụng thi công công trình, nên khi các thiết bị này vận hành sẽ phát sinh bụi và khí thải. Lượng bụi và khí thải phát sinh phụ thuộc vào loại nhiên liệu sử dụng và tuổi thọ của thiết bị.

Dựa vào khối lượng nhiên liệu sử dụng cho máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng nêu tại mục 1.3.2 (khoảng 3,167 tấn/ngày, đã trừ lượng nhiên liệu sử dụng cho máy đào) và hệ số ô nhiễm cho thấy tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ thiết bị, máy móc phục vụ xây dựng dự án như sau:

**Bảng 3. 3 Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ thiết bị, máy móc phục vụ xây dựng dự án**

STT	Thông số ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu đốt)	Tải lượng (kg/ngày)
1	Bụi	0,71	2,25
2	SO <sub>2</sub>	20S	3,167
3	NO <sub>x</sub>	9,62	30,46
4	CO	2,19	6,94
5	VOC	0,791	2,505

Nguồn: (\*) PGS.TS Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Vân Hà, năm 2006, Giáo trình quản lý chất lượng môi trường, NXB Xây dựng

**Ghi chú:** Hàm lượng khí SO<sub>2</sub> được tính trong trường hợp hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là S=0,05%.

Phần lớn các máy móc, thiết bị thi công không hoạt động thường xuyên, không sử dụng đồng thời và không hoạt động tại cùng địa điểm mà phân tán theo tuyến công trình nên tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng không lớn.

Bên cạnh đó, trong thi công, dự án còn sử dụng máy nén khí. Thiết bị này sử dụng xăng vận hành, với khối lượng nhỏ, khoảng 46 lít/ca – 8 giờ và thiết bị này cũng không hoạt động thường xuyên nên tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ máy nén khí không đáng kể.

+ **Hoạt động rải đá cấp phối:** Dự án sử dụng máy rải đá cấp phối và lao động thủ công thực hiện. Dự án chia nhỏ khối lượng VLXD, kể cả đá cấp phối tập kết hàng ngày theo tiến độ thi công; lượng đá cấp phối tập kết nhiều nhất khoảng 160 tấn/ngày hay khoảng 100m<sup>3</sup>/ngày. Theo WHO, 1993 ước tính tải lượng bụi phát sinh khi rải đá cấp phối vào khoảng 0,016 – 1,6kg/ngày.

+ **Hoạt động vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa:** Trước khi tưới nhựa, dự án sẽ vệ sinh nền đường nhằm đảm bảo độ kết dính giữa mặt đường với nhựa; trong quá trình vệ sinh nền đường sẽ phát sinh bụi đất, bụi cát, bụi đá. Bụi này có tải lượng khá lớn, nếu không có giải pháp giảm thiểu phù hợp sẽ ảnh hưởng lớn đến môi trường và sức khỏe con người.

+ **Hoạt động nấu và tưới nhựa đường:** Dự án không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng tại dự án; nhựa nấu tại dự án chủ yếu cung cấp tưới nền để tạo độ dính bám cho đá nền và lớp bê tông nhựa bên trên nên khối lượng nhựa nấu tại dự án không nhiều và sẽ phân tán theo tuyến đường. Tại dự án có bố trí các điểm nấu nhựa, tưới dính bám nhằm làm tăng khả năng kết dính giữa lớp bê tông nhựa bên trên và lớp đá nền bên dưới nên hoạt động nấu nhựa sẽ phát sinh ô nhiễm bụi, khí thải từ việc đốt củi nấu nhựa đường phát sinh bụi, khí thải; Để hạn chế ô nhiễm, dự án bố trí điểm nấu nhựa cách xa nhà dân, thời gian nấu nhựa đường không lâu chỉ thực hiện trong vài ngày rải nhựa đường; bụi và khí thải chỉ phát sinh tạm thời, trong thời gian ngắn nên tác động không lớn đến môi trường và sức khỏe con người.

+ **Hoạt động hàn tiện kim loại trong thi công các cấu kiện thép:** Dự án dùng phương pháp hàn điện, hàn khí hàn kết nối trong thi công các cấu kiện thép. Trong quá trình hàn sẽ phát sinh bụi, xỉ hàn có chứa các oxit độc hại như Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, CuO, NiO hoặc có cả ZnO (khi hàn sắt thép mạ kẽm); khói thải từ quá trình hàn chứa các chất khí như CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>,... (Nguồn: TS. Nguyễn Thúc Hà và những người khác, năm 2006, Giáo trình Công nghệ hàn, NXB Giáo dục). Tuy nhiên, bụi khí thải phát sinh từ quá trình hàn tiện kim loại trong thi công các cấu kiện thép chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp thực hiện thao tác hàn, ảnh hưởng không lớn đến môi trường và sức khỏe người dân khu vực.

**Hoạt động khác:** Bên cạnh đó, trong quá trình thi công bụi, khí thải còn phát sinh từ phương tiện giao thông của công nhân xây dựng; bụi phát sinh từ mặt bằng xây dựng trong ngày nắng và mùi hôi phát sinh từ quá trình sơn phân làn đường giao thông, mùi nhựa phát sinh khi tưới và từ sản phẩm bê tông nhựa; tuy nhiên mùi hôi

phát sinh có tải lượng nhỏ, ảnh hưởng không lớn đến môi trường và sức khỏe con người.

\* **Đánh giá tác động:** Trong giai đoạn xây dựng, bụi phát sinh từ hoạt động rải đá cấp phối, hoạt động vệ sinh nên trước khi tưới nhựa là nguồn có khả năng gây ô nhiễm lớn đến môi trường và sức khỏe con người; bụi, khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng (bụi khói, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC) và các hoạt động khác gây ô nhiễm không lớn đến môi trường và sức khỏe con người.

Khu vực dự án gần UBND xã Trà Côn, UBND xã Thới Hòa, Chợ Trà Côn, Chợ Thới Hòa, Trường học, chùa... dân cư đông nên bụi, khí thải phát sinh dễ ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và môi trường không khí ở khu vực dự án. Các số liệu nghiên cứu cho thấy bụi và khí thải phát sinh từ dự án có ảnh hưởng như sau:

-*Tác động của bụi:*

+ *Bụi đất, bụi cát, bụi đá:*

• Đối với sức khỏe cộng đồng: Bụi có thể gây tổn thương đối với mắt, da hoặc hệ tiêu hoá (một cách ngẫu nhiên) nhưng quan trọng nhất bụi có khả năng thâm nhập vào phổi gây bệnh bụi phổi.

• Đối với môi trường sinh thái: Bụi gây ảnh hưởng đến cây trồng thông qua việc che phủ thân, lá cây làm giảm khả năng quang hợp của cây, ảnh hưởng quá trình thụ phấn và cản trở sự phát triển cây trồng.

• Đối với công trình, nhà cửa: Bụi làm dơ nhà cửa, giảm tuổi thọ công trình.

+ *Bụi khói (mô hóng):* Bụi khói khi vào phổi có thể gây nên các bệnh về đường hô hấp, như gây bệnh hen suyễn, viêm cuống phổi, khí thũng, viêm cơ phổi. Ngoài ra, bụi khói còn có thể chứa các hydrocacbon đa vòng (giống như 3,4-benzpyrene) với độc tố cao, có thể gây ung thư (Nguồn: *Sở Khoa học và Công nghệ TP Hồ Chí Minh, năm 1998, Sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tập 2*).

-*Tác động của khí SO<sub>2</sub> và NO<sub>2</sub>:*

+ Đối với sức khỏe cộng đồng: Khí SO<sub>2</sub> có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người và động vật. Ở nồng độ thấp đã kích thích bộ máy hô hấp của con người và động vật, ở nồng độ cao sẽ gây ra biến đổi bệnh lý đối với bộ máy hô hấp và có thể gây tử vong. Khí NO<sub>2</sub> cũng độc hại không kém. Nồng độ khí NO<sub>2</sub> khoảng 100 ppm có thể gây tử vong cho con người sau một số phút tiếp xúc. Con người tiếp xúc lâu với không khí có nồng độ khí NO<sub>2</sub> khoảng 0,06 ppm đã gây trầm trọng thêm các bệnh về phổi.

+ Đối với môi trường sinh thái: Các chất khí như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> khi bị oxy hoá trong không khí và kết hợp với nước sẽ hình thành axit sunfuric (H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>) hoặc axit nitric (HNO<sub>3</sub>), đây là nguyên nhân chính gây mưa axit ảnh hưởng sự phát triển của cây trồng và thảm thực vật.

+ Đối với công trình, nhà cửa: Khói thải chứa các chất NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>... khi gặp khí trời ẩm ướt tạo nên các axit ăn mòn các kết cấu công trình, thiết bị máy móc, làm giảm tuổi thọ của chúng. Khí CO<sub>2</sub> khi tác dụng với hơi ẩm tạo nên H<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> có thể ăn mòn cả da.

Tuy nhiên, tải lượng khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> phát sinh từ hoạt động của dự án không lớn nên chỉ tác động nhẹ đến môi trường và sức khỏe con người.

- *Tác động của khí CO:* Các tác hại của khí CO đối với con người xảy ra khi nó hoá hợp thuận nghịch với hemoglobin (Hb) trong máu. Mối quan hệ giữa nồng độ CO, lượng HbCO trong máu và các triệu chứng chính như sau:

**Bảng 3. 4 Ảnh hưởng của khí CO đối với sức khoẻ con người**

STT	Nồng độ CO trong không khí (ppm)	Nồng độ HbCO (%)	Triệu chứng chính
1	50	7	Nhiễm độc nhẹ
2	100	12	Nhiễm độc vừa phải và chóng mặt
3	250	25	Nhiễm độc nặng và chóng mặt
4	500	45	Buồn nôn, nôn, trụy
5	1.000	60	Hôn mê
6	10.000	95	Chết

Nguồn: GS.TS Hoàng Văn Bình, năm 2010, Vệ sinh lao động, NXB Khoa học và Kỹ thuật

### **b. Tác động của nước thải**

\* Nguồn phát sinh nước thải:

- *Nước mưa chảy tràn:* Theo thống kê của WHO, nước mưa chảy tràn thường chứa từ 0,5 – 1,5 mgN/l, 0,004 – 0,03 mgP/l, 10 – 20 mgCOD/l và 10 – 20 mgSS/l nên nước mưa chảy tràn có chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên, nếu để nước mưa chảy tràn qua khu vực chứa vật liệu phục vụ xây dựng, khu vực thi công,... nước mưa sẽ cuốn theo rác thải, đất, cát,... từ mặt bằng xây dựng vào nguồn tiếp nhận gây ảnh hưởng.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước bơm cát: mỗi ngày dự án bơm khoảng 200 tấn cát, mỗi tấn cát tương đương 1m<sup>3</sup> nước. Vì vậy lượng nước từ quá trình bơm cát là 200m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước này chủ yếu là SS.

+ Nước thải xây dựng khác: Phát sinh chủ yếu từ quá trình đào đất vét hữu cơ nền đường, đào đất thi công hệ thống thoát nước, trộn bê tông, vệ sinh dụng cụ xây dựng, bảo dưỡng bê tông,... Nước thải này có tải lượng nhỏ (khoảng 9,5 m<sup>3</sup>/ngày).

Theo kết quả tính toán từ các đề tài nghiên cứu, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công như sau:

**Bảng 3. 5 Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công**

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Nồng độ	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)
1	pH	-	6,99	6 – 9
2	SS	mg/l	636	50
3	COD	mg/l	640,9	75
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	429,26	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	9,6	5
6	Tổng nitơ	mg/l	49,27	20
7	Tổng phot pho	mg/l	4,25	4
8	Zn	mg/l	0,004	3
9	Pb	mg/l	0,055	0,1
10	Dầu mỡ	mg/l	0,02	5
11	Coliform	MPN/100ml	530.000	3.000

Nguồn: Tổng cục Môi trường – Bộ TN&MT, năm 2009

**Nhận xét:** Qua so sánh các số liệu trong bảng trên cho thấy nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng bị ô nhiễm chủ yếu do SS, chất hữu cơ và vi sinh.

- **Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng:** Dự kiến số lượng công nhân tập trung tại công trình xây dựng khoảng 100 người, với định mức cấp nước khoảng 80lít/người.ca (QCVN 01:2021) thì lượng nước cấp sử dụng là 8.000lít/ngày. Lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp sử dụng vậy lượng nước thải 8m<sup>3</sup>/ngày. Trong nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi khuẩn,... Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được trình bày dưới đây:

**Bảng 3. 6 Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt**

Chất ô nhiễm	Nồng độ ô nhiễm (mg/L)		QCVN 14:2008/BTNMT cột A
	Chưa qua xử lý	Qua bể tự hoại	
BOD <sub>5</sub>	469 - 563	104 - 208	30
COD	750 – 1.063	188 - 375	-
Chất rắn lơ lửng	730 – 1.510	83 - 167	50
Dầu mỡ	104 - 313	-	10
Tổng Nitơ	63 - 125	21 - 42	-
Amoni	25 – 1.510	5 - 16	5
Tổng Phospho	8 - 42	-	-
Coliform (*)	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>	3.000

Nguồn: Hoàng Huệ - Xử lý nước thải

(\*): Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp – tính toán thiết kế công trình - 2013

Nước thải sinh hoạt công nhân chưa qua xử lý có nồng độ ô nhiễm cao, vượt tiêu chuẩn so với giới hạn quy định cho phép, nên cần thu gom, xử lý.

\* Đánh giá tác động:

- **Nước thải sinh hoạt:** Trong thời gian xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng có tải lượng không lớn (khoảng 8m<sup>3</sup>/ngày đêm), nhưng trong thành phần chứa hàm lượng lớn các chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh; nếu lượng nước thải này không được thu gom, xử lý trước khi xả thải sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn tiếp nhận. Ngoài ra, quá trình phân hủy nước thải sẽ phát sinh mùi hôi ảnh hưởng sức khỏe con người, kể cả sức khỏe công nhân xây dựng dự án.

### c. Tác động của chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh chất thải rắn:

- **Rác thải xây dựng:** Việc thi công các hạng mục công trình của dự án sẽ phát sinh chất thải rắn thông thường. Chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án có thành phần chủ yếu là bê tông vụn, bao bì ni lông, các tông, cốp pha hư hỏng, sắt thép vụn, thùng nhựa,...

Dự kiến khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình xây dựng dự án có khối lượng khoảng 2.000 – 2.500 kg/tháng.

Riêng đất đào trong quá trình thi công hồ móng, cọc cầu, lòng đường, thi công cống,... có khối lượng khoảng 49.912,12 m<sup>3</sup> nếu không thu gom xử lý sẽ ảnh hưởng

môi trường và dân cư xung quanh.

- *Rác thải sinh hoạt*: Trong thời gian xây dựng dự án, dự kiến số lượng công nhân tập trung tại công trình xây dựng khoảng 100 người sinh hoạt tự túc. Tham khảo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng ước tính khối lượng rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng không sinh hoạt tại dự án khoảng 0,8 kg/người/ngày; khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng:

$$100 \text{ người} \times 0,8 \text{ kg/người/ngày} = 80\text{kg/ngày}$$

\* *Đánh giá tác động*: Chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án có khối lượng không nhiều nhưng nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây tác động tiêu cực đến mỹ quan khu vực xây dựng, tiến độ thực hiện dự án cũng như an toàn trong xây dựng. Ngoài ra, rác thải sinh hoạt có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học, khi phân huỷ sẽ phát sinh mùi hôi thối, tạo điều kiện thuận lợi để ruồi nhặng phát triển ảnh hưởng môi trường và sức khoẻ con người.

#### **d. Tác động của chất thải nguy hại**

Trong giai đoạn xây dựng dự án, CTNH phát sinh có thành phần như đuôi que hàn, que hàn thải, thùng chứa sơn thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, nhớt thải,... với khối lượng khoảng 20 – 25 kg/tháng.

\* *Đánh giá tác động*: CTNH phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án có khối lượng không lớn nhưng nếu không được thu gom, lưu trữ đúng quy định, các chất độc hại trong chất thải như chì,... có điều kiện phát tán vào môi trường đất, môi trường nước sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sức khoẻ con người.

### **3.1.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải**

#### **a. Tác động của việc chiếm dụng đất đai**

Tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư: Tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 99.068,3m<sup>2</sup>. Việc thu hồi đất của người dân sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của các hộ dân có đất bị giải tỏa, tuy nhiên Chủ dự án sẽ tiến hành bồi thường thỏa đáng cho người dân theo đúng quy định của pháp luật. Tuyến chủ yếu là nhà dân cấp 2 bên đường thuộc ấp Trà Ngoa, ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn thuộc phân đoạn 1 và Ấp Tường Hưng thuộc xã Thới Hòa phân đoạn 2.

- *Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng*: Trên phần đất thực hiện dự án có công trình, vườn cây,... cần phải tháo dỡ, phát hoang. Chủ đầu tư dự kiến thỏa thuận người dân tự tháo dỡ, di dời và tự chặt phá cây trồng thuộc phần đất phạm vi dự án nhằm tận dụng gạch vỡ, sắt thép, gỗ cũ,... cải tạo, xây dựng lại nhà cửa và làm chất đốt ổn định cuộc sống nên hoạt động giải phóng mặt bằng phát sinh chất thải có thành phần chủ yếu là sinh khối thực vật, với khối lượng khoảng 50-60 tấn. Ngoài ra, hoạt động giải phóng mặt bằng còn phát sinh bụi, khí thải từ máy cắt cỏ, máy cưa cây,... Tuy nhiên, các thiết bị này không



hoạt động thường xuyên, bụi, khí thải phát sinh tạm thời, gây tác động không lớn đến môi trường và sức khỏe con người.

**b. Tác động do tiếng ồn**

Trong quá trình xây dựng, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị sử dụng thi công dự án như xe tải, máy đào, cầu, xe lu, máy rải, máy ủi, máy phun nhựa, máy bơm nước, máy trộn bê tông,...

Các số liệu nghiên cứu cho thấy tiếng ồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án có cường độ như sau:

**Bảng 3. 7 Tiếng ồn phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công**

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Cường độ ồn cách thiết bị		QCVN 26:2010/BTNMT	
			2m	30m	6 – 21 giờ	21 – 6 giờ
1	Máy ủi	dBA	80	56	70	55
2	Xe tải	dBA	83 - 94	59 – 70		
3	Máy trộn bê tông	dBA	74 - 88	50 - 64		
4	Máy đào	dBA	93	69		
5	Xe lu	dBA	73 – 75	49 – 51		
6	Máy rải	dBA	86 – 88	62 – 64		
7	Cầu	dBA	75 – 77	51 – 53		

*Nguồn: Tổng cục Môi trường – Bộ TN&MT, năm 2009, Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM các dự án sản xuất hoá chất cơ bản và PGS.TS Đinh Xuân Thắng, năm 2014, Giáo trình kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh*

**Nhận xét:** Các số liệu trong bảng trên cho thấy tiếng ồn phát sinh từ thiết bị thi công dự án chủ yếu ảnh hưởng đến những nhà dân, công trình lân cận dự án; những nhà dân, công trình cách dự án trên 30m bị ảnh hưởng không lớn.

Xung quanh dự án, nhiều nhà dân, đặc biệt tuyến đi qua nhà dân thuộc ấp Trà Ngoa, ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn thuộc phân đoạn 1 và Ấp Tường Hưng thuộc xã Thới Hòa Phân đoạn 2, nên tiếng ồn phát sinh từ các thiết bị, máy móc phục vụ xây dựng và các phương tiện vận chuyển vật liệu có khả năng vượt quy chuẩn cho phép tối đa khoảng 1,3 lần, trong thời gian từ 6 – 21 giờ hoặc khoảng 1,7 lần, trong thời gian từ 21 – 6 giờ.

Mặt khác, nếu các thiết bị này hoạt động đồng thời tiếng ồn sẽ gia tăng cường độ do cộng hưởng. Khi đó, cường độ ồn phát sinh sẽ ảnh hưởng lớn hơn.

Các số liệu nghiên cứu cho thấy tiếng ồn phát sinh từ hoạt động thi công dự án có khả năng ảnh hưởng như sau:

- Đối với công nhân lao động: Chịu tác động của tiếng ồn có mức âm trên 90 dBA. Các dấu hiệu cho thấy sự ảnh hưởng của tiếng ồn như dễ bị căng thẳng thần kinh, mất tập trung, gây rắc rối nhiệm vụ và kích thích tính cáu kỉnh các ảnh hưởng này dễ làm cho người lao động hỏng việc và bị tai nạn lao động.

- Đối với các hộ gia đình sinh sống lân cận công trường: Dễ bị quấy rầy giấc ngủ, quấy rối sự tập trung, tư duy, việc giải trí và cũng dễ bị căng thẳng thần kinh, kích thích tính cáu kỉnh dẫn đến mất ngủ, hạn chế khả năng trao đổi thông tin và dễ gây xung đột trong xã hội và gia đình.

### c. Tác động của độ rung

Hoạt động của các máy móc, thiết bị sử dụng thi công sẽ phát sinh rung động. Các số liệu nghiên cứu cho thấy rung động (tính theo mức gia tốc rung) phát sinh từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án có mức độ rung động như sau:

**Bảng 3. 8 Mức độ rung phát sinh từ quá trình xây dựng dự án**

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Mức độ rung		QCVN 27:2010/BTNMT Từ 6 – 21 giờ
			Cách máy 10 m	Cách máy 30 m	
1	Máy ủi	dB	79	69	75
2	Máy trộn bê tông	dB	76	66	
3	Máy đào	dB	80	71	
4	Xe lu (lu rung)	dB	82	71	
5	Xe tải	dB	74	64	
6	Cầu	dB	77	67	

*Nguồn: Tổng cục Môi trường – Bộ TN&MT, năm 2009, Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM các dự án sản xuất hoá chất cơ bản và PGS.TS Nguyễn Huỳnh Hương, năm 2009,*

*Hài hòa ĐTM giữa nhà tài trợ và chính phủ Việt Nam (Quy trình ĐTM – cơ sở lý thuyết và thực tiễn), Bộ Kế hoạch và đầu tư*

Nhận xét:

- Vị trí đóng cọc gia cố móng hồ gas, cống ngang đường,... cách nhà dân và các công trình lân cận vài mét nhưng dự án sử dụng cọc trầm gia cố móng cho các công trình này nên rung động phát sinh không lớn, gây ảnh hưởng không đáng kể.

Vị trí lu mặt đường, nền đường sử dụng phương pháp lu rung, vị trí lu gần nhà dân, Trường mầm non Trà Côn, Trường Tiểu học Trà Côn A, UBND xã Trà Côn, Trường Tiểu học Trà Côn C, chùa Sangchavathmay (Chùa Mới), UBND xã Thới Hòa, Trạm Y tế xã Thới Hòa, ... nên rung động phát sinh từ hoạt động lu lèn có khả năng ảnh hưởng đến nhà dân, hoạt động sinh hoạt nhà dân, Trường mầm non Trà Côn, Trường Tiểu học Trà Côn A, UBND xã Trà Côn, Trường Tiểu học Trà Côn C, chùa Sangchavathmay (Chùa Mới), UBND xã Thới Hòa, Trạm Y tế xã Thới Hòa,...

- Vị trí thi công cầu có đóng cọc sẽ tạo nên rung động, ảnh hưởng đến nhà dân xung quanh vị trí thi công.

### d. Tác động an ninh trật tự

Việc tập trung nhiều công nhân xây dựng ở công trường có khả năng ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trong khu vực như mâu thuẫn giữa công nhân với nhau hay giữa công nhân với người dân địa phương. Ngoài ra, bụi phát tán từ mặt bằng dự án ra các thửa đất lân cận và việc văng ném rác thải sinh hoạt, rác thải xây dựng bừa bãi ra xung quanh sẽ gây bức xúc trong dân, ảnh hưởng an ninh trật tự trong khu vực

### e. Sạt lở bờ bao và bờ rạch

Trong quá trình san lấp mặt bằng nếu bờ bao xung quanh dự án bị sạt lở sẽ làm đất, cát từ dự án chảy tràn ra ruộng, vườn, nhà dân gây ảnh hưởng đến cây trồng và

sinh hoạt của người dân xung quanh dự án. Mặt khác, trường hợp sạt lở bờ bao những đoạn giao cắt với các kênh, rạch, như sông Trà Ngoa, kênh Già Dách,... sẽ gây bồi đắp rạch, làm tắt nghẽn nước, ảnh hưởng đến cấp thoát nước của khu vực.

#### **f. Ảnh hưởng đi lại của người dân**

Việc tập kết VLXD, thi công công trình dự án sẽ ảnh hưởng việc đi lại của người dân sinh sống cấp theo dự án và ảnh hưởng nhu cầu đi lại của người dân sinh sống ở Xã Trà Côn, xã Thới Hòa, cụ thể ấp Trà Ngoa, ấp Thôn Rôn, ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn thuộc phân đoạn 1 và Ấp Tường Hưng thuộc xã Thới Hòa Phân đoạn 2.

#### **g. Ảnh hưởng từ việc cúp điện, nhu cầu cấp thoát nước khi thi công**

- Hoạt động cấp điện, hoạt động cấp nước sinh hoạt: Khi thi công dự án có di dời một số trụ điện, đường ống cấp nước của khu vực nên sẽ làm gián đoạn hoạt động cấp điện, cấp nước trong quá trình di dời trụ điện, ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh của người dân trong vùng.

- Hoạt động thoát nước, hoạt động cấp nước sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: Toàn tuyến bố trí 18 công thoát nước ngang. Hiện trạng các vị trí này đã có cống, do mở rộng nên tiến hành nối cống, cải tạo tường đầu, tường cánh nên mức độ ảnh hưởng đến hoạt động thoát nước mưa, nước thải của công trình, nhà dân, vườn dân ở khu vực này là không đáng kể. Ngoài ra, các kênh, rạch, sông giao cắt với dự án là nơi tiếp nhận nước mưa, nước thải và cũng là nguồn cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở khu vực dự án nên khi lòng kênh, rạch, sông bị bồi lắng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động cấp thoát nước của kênh, rạch.

#### **h. Tác động đến hoạt động giao thông thủy của việc thi công cầu**

Quá trình thi công cầu sử dụng nhiều máy móc thiết bị thi công sẽ gây cản trở dòng chảy và ảnh hưởng hoạt động giao thông thủy nội địa diễn ra tại sông Trà Ngoa và các kênh rạch dọc tuyến. Tuy nhiên mật độ giao thông thủy tại dự án không đáng kể, chủ yếu là ghe thuyền nhỏ của người dân với mật độ thấp. Do đó, tác động của việc thi công cầu đến giao thông thủy là không lớn.

##### **3.1.1.3. Tác động gây nên bởi các sự cố, rủi ro**

#### **a. Sự cố cháy, nổ**

Sự cố cháy, nổ xảy ra chủ yếu trong quá trình hàn sắt thép, tưới nhựa đường do lựa chọn vị trí gia nhiệt để nấu nhựa đường và nấu sơn không phù hợp.

Sự cố cháy, nổ khi xảy ra không chỉ gây thiệt hại về mặt vật chất mà còn ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân và gây ảnh hưởng cho môi trường trong khu vực dự án.

#### **b. Sự cố tai nạn giao thông**

Đường bộ: Việc tập kết VLXD, máy móc, phương tiện thi công bất cẩn, tập kết bè bộn, không bố trí hợp lý nơi tập kết,... dễ phát sinh tai nạn giao thông, ảnh hưởng người dân khi tham gia giao thông ngang dự án.

Đường thủy: Trong thi công cầu tai nạn có thể xảy ra do thiết bị, vật liệu hay mảnh bê tông rơi từ trên cao xuống gây tai nạn cho người và phương tiện giao thông đường thủy.

### **c. Sự cố về tai nạn lao động**

Các nguyên nhân có khả năng gây ra tai nạn lao động trong giai đoạn xây dựng dự án như:

- Không trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.
- Công nhân không tuân thủ các biện pháp an toàn lao động.
- Chất ô nhiễm như khói thải có chứa bụi, SO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>,...tùy thuộc vào thời gian và mức độ tác động có khả năng làm ảnh hưởng đến người lao động, gây choáng váng, mệt mỏi, thậm chí ngất xỉu (thường xảy ra đối với công nhân nữ hoặc người có sức khỏe yếu).
- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì nguy cơ gây ra tai nạn lao động do đất mềm, trơn sẽ dễ xảy ra.
- Nguy cơ giẫm phải các vật sắc nhọn, mảnh chai,... lẫn trong lớp đất mặt công trình.
- Trong quá trình thi công cầu tai nạn có thể xảy ra cho người và phương tiện giao thông đường thủy do thiết bị, vật liệu hay mảnh bê tông rơi từ trên cao xuống.
- Nguy cơ bị lật đổ xe khi thi công sát mép nền đường hoặc do sơ xuất khi điều khiển lái xe.
- Quá trình trải nhựa bê tông nhựa nóng trên bề mặt đường có thể dẫn đến tai nạn lao động do phỏng bởi sự bất cẩn của công nhân.
- Trong quá trình xây dựng dự án, nhiệt dư và bức xạ điện từ phát sinh chủ yếu từ quá trình hàn, tiện kim loại. Nhiệt dư và các bức xạ điện từ ảnh hưởng đến sức khỏe của con người như gây bỏng, ung thư da, thậm chí gây mù mắt. Tuy nhiên, nhiệt dư và bức xạ điện từ chỉ có thể gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp không ảnh hưởng đến người dân trong khu vực.

### **d. Sự cố xì phèn**

Xì phèn có thể xảy ra do trong thi công có đào đắp khối lượng đất lớn nếu không thực hiện đúng quy trình thi công. Do đó, để đảm bảo không xảy ra sự cố cần có biện pháp giảm thiểu.

**3.1.2.Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

**3.1.2.1.Công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động liên quan đến chất thải**

**a. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường**

**❖ Đối với hoạt động đào, đắp đất thi công nền đường, chân taluy, hệ thống thoát nước**

Khi đào và đắp đất thi công nền đường, chân taluy, hệ thống thoát nước sẽ làm phát tán bụi đất, cát vào môi trường không khí, gây ô nhiễm do đó chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công tưới nước mặt bằng thi công để tạo ẩm cho lớp đất cần bốc dỡ trước khi đào, đắp đất để hạn chế bụi bốc lên khi thi công. Tưới nước trên công trường khi thực hiện công tác lu lèn, đầm nén để giảm bụi phát tán. Đào đủ lượng đất đắp nền, không để lượng đất đào thừa ra.

**❖ Hoạt động tập kết, lưu trữ VLXD**

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển VLXD: Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp VLXD che đậy kín vật liệu trên xe, không để vật liệu rơi vãi khi vận chuyển giao dự án, hạn chế tốc độ xe, chạy chậm để hạn chế phát tán bụi.

+ Hoạt động bốc dỡ, lưu chứa VLXD tại bãi chứa: Dự án không tập kết khối lượng lớn vật liệu trong ngày, chia nhỏ khối lượng tập kết hàng ngày theo tiến độ thi công nhằm đảm bảo đủ vật liệu thi công và hạn chế khối lượng vật liệu cần lưu trữ tại dự án.

Bố trí nơi chứa và sử dụng bạt ni lông hoặc tôn che chắn kín nơi chứa xi măng, các loại VLXD khác (đá, cát, gạch,...) được chia nhỏ khối lượng tập kết và chọn nơi tập kết xa nhà dân để hạn chế bụi do gió cuốn phát tán qua vườn cây hay công trình lân cận, gây ảnh hưởng.

**❖ Đối với hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của dự án**

+ *Hoạt động rải đá cấp phối*: Để giảm bụi phát sinh sẽ yêu cầu đơn vị thi công dùng nước tạo ẩm đá trước khi vận chuyển đến công trình, rải đá.

+ *Hoạt động vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa*: Chủ đầu tư dự án sẽ ràng buộc vào hồ sơ đấu thầu, yêu cầu đơn vị thi công không sử dụng phương án thổi bụi mà sử dụng máy hút bụi để vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa và thông báo đến người dân, địa phương lịch triển khai dự án,... nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong khu vực thực hiện dự án, đặc biệt là các khu vực đông dân cư, gần khu hành chính các xã, chùa, miếu, chợ, trường học,...

+ *Hoạt động nấu và tưới nhựa đường*: Dự án không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng tại dự án; nhựa nấu tại dự án chủ yếu cung cấp tưới nền để tạo độ dính bám cho đá nền và lớp bê tông nhựa bên trên nên khối lượng nhựa nấu tại dự án không nhiều và sẽ phân tán theo tuyến đường. Dự án sử dụng nhựa bitum (nhựa đường dạng lỏng/ nhũ tương dùng để tưới thấm bám) nên mức độ bay hơi nhựa không cao và sẽ yêu cầu nhà thầu chọn vị trí nấu nhựa ở những nơi thông thoáng, ít dân cư, xa trụ sở cơ quan (trường học, UBND xã, trạm y tế, chợ, chùa, miếu,...) và dưới hướng gió thổi vào trụ sở cơ quan, nhà dân đồng thời chọn nguyên liệu đốt khô - cháy tốt, không dùng nhựa đường môi lửa nhằm giảm tác động của mùi nhựa, bụi, khói ảnh hưởng người dân, trụ sở cơ quan ở khu vực dự án. Đối với tro phát sinh

trong quá trình nấu nhựa được đơn vị thi công hàng ngày tưới nước tạo ẩm và làm nguội, sau đó chôn lấp tại lề lộ hoặc thu gom vào bao ni lông cho người dân.

+ *Hoạt động hàn tiện kim loại*: Trong quá trình hàn, tiện, bụi, khí thải phát sinh chủ yếu gây ảnh hưởng cho công nhân thực hiện thao tác hàn tiện kim loại. Biện pháp giảm thiểu được thực hiện là trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như ủng, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, găng tay hàn, tấm da che chân, mũ bảo vệ, mặt nạ hàn và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc.

+ *Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công*: Bụi, khí thải phát sinh từ thiết bị, máy móc phục vụ thi công không lớn, dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công sử dụng máy móc, thiết bị còn niên hạn sử dụng và sử dụng nhiên liệu vận hành đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.

#### ❖ Các giải pháp hỗ trợ khác

+ Sử dụng ô tô hoặc sử dụng máy bơm để tưới nước mặt bằng mặt bằng xây dựng vào những ngày nắng, với tần suất khoảng 2 lần/ngày để giảm bụi phát tán từ dự án ra xung quanh môi trường cũng như nhà dân, vườn cây ăn trái của người dân cấp hai bên đường.

+ Trong suốt thời gian thi công, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công bố trí công nhân vệ sinh nền đường tại các điểm giao với các đường hiện trạng (như đường tỉnh 907, đường tỉnh 901,...) và khu vực gần chợ, trường học, miếu, chùa... để giảm bụi.

+ Đối với các máy móc, thiết bị phục vụ thi công, các phương tiện vận chuyên VLXD,... chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công, đơn vị cung cấp VLXD, đơn vị san lấp sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị còn thời hạn đăng kiểm, sử dụng nhiên liệu đúng yêu cầu của nhà sản xuất nhằm đảm bảo các phương tiện, thiết bị này luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất, hạn chế bụi, khí thải phát sinh khi sử dụng.

#### **b. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải**

##### ❖ Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Để hạn chế tác động của nước thải cũng như thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh Chủ dự án sẽ sử dụng tối đa lực lượng lao động tại địa phương để giảm việc lưu trú, từ đó giảm thiểu lượng nước thải phát sinh.

Do cấp hai bên tuyến hầu hết là nhà dân nên Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thỏa thuận quán ăn uống hay nhà dân trong khu vực thực hiện dự án để sử dụng chung nhà vệ sinh, hầm tự hoại với quán ăn uống hay nhà dân.

Vì cấp hai bên tuyến của dự án hầu hết là nhà dân, đồng thời dự án ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương do đó không cần bố trí lán trại để lưu trú. Chủ dự án sẽ thỏa thuận với người dân địa phương để sử dụng chung nhà vệ sinh của nhà dân, hàng quán phục vụ nhu cầu vệ sinh công nhân, cán bộ, thi công dự án mà không bố trí nhà vệ sinh di động.

##### ❖ Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Để quản lý và xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau đây:

+ *Nước phát sinh từ quá trình thi công hồ gas*: Hoạt động đào đất thi công hồ gas sẽ phát sinh nước thải, nước thải này bị ô nhiễm chủ yếu do phen và vi sinh. Tuy

nhiên, nồng độ phèn không lớn do đáy hồ gas nằm trên tầng phèn tiềm tàng. Do đó, nước thải này được bơm xả vào kênh, rạch, mương dọc tuyến.

+ *Nước phát sinh từ quá trình bơm cát:*

Nước phát sinh trong quá trình san lấp nền được khống chế bằng cách: Bơm cát theo từng đoạn, mỗi đoạn bơm cát được khống chế trong khoảng cách giữa hai cống ngang hoặc giữa 1 cống ngang và 1 cầu hoặc giữa 2 cầu. Quá trình bơm cát được thực hiện sau khi đã nạo vét bùn nền, đắp bờ bao phía ngoài và đắp bờ chặn ở 2 đầu của đoạn cần bơm cát. Kết hợp bơm cát ở một đầu của đoạn để nước chảy tràn về đầu kia và thoát ra ngoài, còn khi bơm cát ở giữa đoạn thì để nước chảy về hai đầu và thoát ra ngoài. Cách quản lý này làm cho nước bơm cát được lắng cặn sơ bộ, hạn chế được thất thoát cát ra bên ngoài và hạn chế được nước bơm cát chảy tràn ra 2 bên gây ảnh hưởng đến cây trồng và sinh hoạt của người dân cấp tuyến. Mặt khác, để hạn chế sạt lở do nước bơm cát chảy tràn ra ngoài, vị trí chảy tràn được lót bạt cao su.

+ *Nước thải xây dựng khác:* Phát sinh từ quá trình đào móng, đóng cừ, trộn bê tông, vệ sinh dụng cụ xây dựng, bảo dưỡng bê tông,... có tải lượng nhỏ được tận dụng tưới mặt bằng thi công.

#### **❖ Công trình, biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn**

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

+ Trong suốt thời gian xây dựng chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thu gom vật liệu thừa trong mỗi ca làm việc vào nơi chứa vật tư, không để nước mưa cuốn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm.

+ Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công cam kết sử dụng máy móc, thiết bị thi công còn thời gian đăng kiểm; sử dụng máy móc, thiết bị không bị hỏng, rò rỉ dầu nhớt và cam kết không để dầu nhớt rơi vãi trong thời gian thay dầu nhớt.

+ Ngoài ra, khi thi công đất đào được tận dụng đắp lề đường, taluy, bờ bao, đắp trả hố móng, lung cống,... của dự án. Đào đến đâu sẽ tận dụng đất đào đắp đến đó, không để tạm trên mặt đường; không tập kết khối lượng lớn vật liệu, hạn chế làm các vật liệu thi công như đất, đá, cát rơi đổ xuống kênh, rạch, mương thoát nước. Chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công hạn chế làm rơi vãi vật liệu xuống kênh, rạch, mương thoát nước và thi công nạo vét ngay những nơi lòng kênh, rạch, mương thoát nước bị bồi lắng để khai thông suốt thời gian thi công dự án; sử dụng cọc tràm và tôn hoặc đal gia cố ngay những nơi bị sạt lở để đảm bảo hoạt động thoát nước của kênh, rạch, tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

#### **c. Công trình, biện pháp quản lý, thu gom chất thải rắn thông thường**

##### **❖ Công trình, biện pháp quản lý, thu gom chất thải rắn sinh hoạt**

Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân xây dựng được giảm thiểu ô nhiễm bằng cách:

- Trang bị thùng chứa rác ở dọc tuyến và hướng dẫn công nhân thu gom rác thải sinh hoạt vào thùng rác. Thùng rác được thỏa thuận bố trí tại vườn dân cấp dự án hay chân taluy; không bố trí thùng rác trên mặt đường.

- Hợp đồng đơn vị thu gom rác định kỳ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ dự án về bãi rác.

### **❖ Biện pháp quản lý, thu gom chất thải rắn xây dựng**

Toàn bộ rác thải xây dựng được công nhân hàng ngày thu gom, phân loại bán phế liệu hoặc san lấp mặt bằng dự án. Cụ thể:

- Đất đào được tận dụng đắp chân taluy cho dự án. Đào đến đâu sẽ tận dụng đất đào đắp đến đó, không để tạm trên mặt đường (Đất đào đủ tận dụng đắp chân taluy cho dự án, nên không có đất đào dư phải vận chuyển đi nơi khác).

- Xà bần (bê tông, cát, đá... vụn) được vun đóng tạm trên chân taluy, hàng ngày cho người dân, không tập kết xà bần tạm trên mặt đường.

- Ván cốp pha, giấy các tông, ni lông, thùng nhựa, đinh ốc, sắt thép vụn,... được thu gom riêng, hợp đồng cơ sở mua phế liệu bán trong ngày hoặc gửi tạm nhà dân lân cận dự án trước khi bán, không tập kết trên mặt đường.

### **d. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại**

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công bố trí nơi chứa an toàn, trang bị thùng chứa riêng từng loại CTNH theo quy định, ... và định kỳ đơn vị thi công hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định. Trước khi nghiệm thu dự án, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công xử lý triệt để kho lưu chứa CTNH, xử lý CTNH còn lại trong kho,... đúng quy định.

### **3.1.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải**

#### **a. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất đai của dự án**

Để giảm thiểu tác động tiêu cực do việc thu hồi đất thực hiện dự án, chủ đầu tư sẽ lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng đúng quy định hiện hành. Tổng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến khoảng 31.716.617.000 đồng. Tiến độ thực hiện theo tiến độ thi công, Chủ dự án cam kết hoàn thành công tác bồi thường trước khi triển khai thi công.

#### **b. Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng**

Sau khi đền bù, hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành các hạng mục vi phạm phần đất thực hiện dự án như hàng rào, cây trồng,... sẽ thỏa thuận với người dân bị ảnh hưởng để người dân tự di dời, tháo dỡ, chặt phá,... nhằm tận dụng các phế thải như sắt thép, gạch vỡ, cây cối,... để sửa chữa nhà cửa, làm chất đốt,... ổn định cuộc sống.

Phần chất thải do người dân bỏ lại, chủ yếu là sinh khối thực vật được thu gom, hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển về bãi rác hoặc xử lý theo quy định.

#### **c. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung**

Để giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, độ rung đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các giải pháp sau:

- Tất cả các máy móc, thiết bị sử dụng thi công còn thời hạn đăng kiểm và được



trang bị bộ hãm thanh cho ống xả khói. Trường hợp bị hư hỏng bộ hãm thanh khi đang thi công, sẽ ngưng hoạt động của thiết bị, máy móc để sửa chữa bộ hãm thanh trước khi cho máy móc, thiết bị hoạt động trở lại.

- Hạn chế hoạt động thi công vào các giờ nghỉ ngơi, đặc biệt là các máy móc gây ồn cao của người dân lân cận dự án.

- Không bố trí nhiều máy móc, thiết bị làm việc cùng thời điểm để hạn chế tiếng ồn tăng cường độ do cộng hưởng.

- Không vận chuyển lượng lớn nguyên vật liệu cùng một thời gian để tránh việc làm tăng mật độ giao thông đột biến trong khu vực.

- Không tập kết VLXD, thi công và san lấp mặt bằng sau 21 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Quy định tốc độ của xe khi hoạt động trong khu vực dự án và không chở quá tải trọng.

- Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công, đơn vị san lấp, đơn vị cung cấp VLXD không được bấm còi, rú ga phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công cơ giới khi vào khuôn viên dự án.

Để giảm thiểu ô nhiễm do rung động, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các giải pháp sau:

- Rung động phát sinh trong giai đoạn thi công lớn (chủ yếu do hoạt động lu rung), nhưng không thường xuyên, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công trước khi thi công đường phải khảo sát chi tiết kết cấu các công trình như trụ sở cơ quan, trường học... và nhà dân lân cận hai bên tuyến, kết hợp chụp lưu hình ảnh làm tư liệu theo dõi, bồi thường thiệt hại sau này (nếu có); sẽ thông báo lịch trước khi lu nền đường cho người dân chuẩn bị và phân công nhân viên thường xuyên theo dõi các công trình, nhà cửa gần dự án suốt thời gian lu nền để sớm phát hiện sự cố, hướng dẫn người dân phòng tránh tai nạn có thể xảy ra.

- Trường hợp các nhà dân lân cận bị ảnh hưởng rung động do quá trình thi công dự án gây ra, các biện pháp xử lý như sau:

+ Ngừng việc thi công xây dựng.

+ Báo cho cơ quan có chức năng đến xử lý.

+ Bồi thường, khắc phục thiệt hại do quá trình thi công gây ra cho những nhà dân bị ảnh hưởng.

+ Thay đổi biện pháp thi công ít gây rung động hơn.

#### **d. Biện pháp giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự**

- Lập nội quy quản lý công nhân xây dựng nhằm hạn chế mâu thuẫn giữa công nhân hay giữa công nhân với người dân trong khu vực.

- Yêu cầu đơn vị thi công không được văng ném rác thải từ dự án ra các thửa đất lân cận.

#### **e. Giảm thiểu sạt lở**

Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, ứng phó với sự cố sạt lở QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng, cụ thể:

- Đắp bờ bao xung quanh dự án theo đúng thiết kế được duyệt, sử dụng cọc tràm, tôn che chắn, chống sạt lở đất ở những khu vực dự án ngang qua ao, mương hay những đoạn bờ kênh, rạch,...có dấu hiệu sụp, lún, nứt đất,...

- Yêu cầu đơn vị thi công không tập kết máy móc, thiết bị thi công,... gần kênh, rạch, sông,...

- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra bờ bao xung quanh dự án, bờ rạch suốt thời gian thi công nhằm sớm phát hiện dấu hiệu sạt lở, sụp, lún,... gia cố kịp thời.

- Trường hợp bờ kênh, rạch bị sạt lở trong thời gian thi công, chủ đầu tư dự án sẽ kết hợp đơn vị thi công khảo sát, đánh giá mức độ ảnh hưởng, yêu cầu đơn vị thi công nạo vét ngay những nơi lòng rạch bị bồi lắng để khai thông; sử dụng cọc tràm và tôn hoặc đal gia cố ngay những nơi bị sạt lở để đảm bảo hoạt động cấp thoát nước của rạch, hạn chế ảnh hưởng hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân trong vùng.

- Trường hợp sạt lở bờ bao làm nước, đất cát từ dự án chảy tràn vào các thửa đất lân cận sẽ khắc phục ngay những đoạn bị sự cố. Kết hợp cùng chính quyền địa phương, người dân bị ảnh hưởng,... khảo sát, khoanh vùng khu vực bị ảnh hưởng nhằm sớm đánh giá mức độ thiệt hại, bồi thường cho người dân.

#### **f. Đảm bảo nhu cầu đi lại**

Để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh khi thi công dự án chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công chia nhỏ khối lượng VLXD cần tập kết, chỉ tập kết đủ sử dụng hàng ngày; thực hiện công tác đào đắp nền đường theo từng bên (đất đào tới đâu, đắp đến đó, không để đất thừa trên mặt đường); thực hiện công tác rải đá kết hợp lu rung từng lớp, từng bên; tưới nhựa dính bám và thảm bê tông nhựa từng bên; các cấu kiện bê tông đúc sẵn như hố gas, trụ đèn, cống thoát nước,... được tập kết gần ngay tại vị trí dự kiến lắp đặt, sát lề đường để thuận lợi thi công cũng như hạn chế ảnh hưởng nhu cầu đi lại. Tiến hành thi công cuốn chiếu theo từng đoạn. Không để vật liệu, xe máy thi công che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện trên đường bộ đang khai thác. Bố trí các biển báo, biển chỉ dẫn cho người dân, phân luồng thi công và giao thông trong quá trình thi công.

Khi đào mương đặt cống qua đường giao thông phải tiến hành 2 bước: Đào nửa đường, lắp cống, lấp đất, sau đó phải làm tiếp phần còn lại để đảm bảo lưu thông bình thường.

Hệ thống biển hiệu, đèn tín hiệu công trường: các biển báo quy định và rào chắn di động tại hai đầu mỗi đoạn thi công, lắp dựng hàng rào tạm dọc theo phần công trường thi công.

Các thiết bị thi công trên công trường đảm bảo có đầy đủ thiết bị an toàn như hệ thống phanh, đèn, còi, gương chiếu hậu... được tập kết gọn gàng khi ngừng hoạt động để không cản trở hoặc gây nguy hiểm cho người và các phương tiện giao thông, đặc biệt là các khu vực tập trung đông dân cư, trường học, chợ như Trường Tiểu học

Trà Côn C, Chùa Mới, Chợ Thới Hòa, Trường mầm non Trà Côn, Trường Tiểu học Trà Côn A, Trạm Y tế xã Thới Hòa,...Bố trí đường dân sinh phục vụ cho hoạt động đi lại của người dân trong quá trình thi công.

Ngoài ra, chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công trước khi triển khai dự án sẽ thông báo cho chính quyền địa phương biết để thông báo cho dân và sẽ thông báo cho các tổ chức khu vực dự án về thời gian thi công.

**g. Đảm bảo thoát nước, cấp điện, cấp nước của người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh khi thi công dự án**

Việc di dời trụ điện, đường ống cấp nước, thi công cầu cống gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp điện, cấp nước khu vực, hoạt động thoát nước và cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của người dân trong vùng. Do đó, để giảm thiểu ảnh hưởng chủ đầu tư dự án sẽ áp dụng các giải pháp sau:

- Đối với hoạt động cấp điện, cấp nước: Việc di dời sẽ được thực hiện và hoàn thành trước khi thi công các hạng mục công trình để đảm bảo không làm gián đoạn sản xuất, sinh hoạt trong suốt thời gian thi công các hạng mục công trình. Thông báo lịch cắt điện, tạm ngừng cấp nước trên từng đoạn tuyến trước ít nhất 01 tháng đến cơ quan hành chính, người dân để có kế hoạch sắp xếp lịch sinh hoạt, làm việc phù hợp. Thời gian tạm ngừng cấp nước, cấp điện không quá 24 giờ mỗi ngày. Tiến hành di dời cuốn chiếu theo từng đoạn.

- Đối với hoạt động thoát nước: Để đảm bảo hệ thống thoát nước cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân khi thi công hạng mục cống thoát nước ngang đường, chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công hợp đồng mua cống bê tông ly tâm đúng kích thước với thiết kế và với khối lượng đủ để lắp đặt cho dự án và sẽ tập hợp đủ vật tư, thiết bị thi công trước khi bắt đầu thi công hệ thống thoát nước chung để giảm thời gian thi công cống. Thi công cuốn chiếu theo từng đoạn, từng hạng mục để tránh ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước toàn khu vực.

Ngoài ra, khi thi công đất đào được tận dụng đắp lề đường, taluy, bờ bao, đắp trả hố móng, lưng công,...của dự án. Đào đến đâu sẽ tận dụng đất đào đắp đến đó, không để tạm trên mặt đường; không tập kết khối lượng lớn vật liệu, hạn chế làm các vật liệu thi công như đất, đá, cát rơi đổ xuống kênh, rạch, mương thoát nước. Chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công hạn chế làm rơi vãi vật liệu xuống kênh, rạch, mương thoát nước và thi công nạo vét ngay những nơi lòng kênh, rạch, mương thoát nước bị bồi lắng để khai thông suốt thời gian thi công dự án; sử dụng cọc tràm và tôn hoặc đal gia cố ngay những nơi bị sạt lở để đảm bảo hoạt động cấp thoát nước của rạch.

- Chủ đầu tư dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công nạo vét ngay những nơi lòng kênh, rạch bị bồi lắng để khai thông suốt thời gian thi công dự án; sử dụng cọc tràm và tôn hoặc đal gia cố ngay những nơi bị sạt lở để đảm bảo hoạt động cấp thoát nước của rạch.

## **h. Đảm bảo hoạt động giao thông thủy**

Trước khi thi công các hạng mục dưới nước nhà thầu phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng kế hoạch đảm bảo giao thông và bố trí người điều tiết giao thông đường thủy. Bố trí biển báo và đèn tín hiệu trên sông Trà Ngoa, kênh Giã Dách,... để đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền qua lại trong khu vực. Khi thi công cầu, các thiết bị thi công như cần cẩu, thiết bị đóng cọc ... phải được kiểm tra đúng qui định về kỹ thuật an toàn trong xây dựng trước khi tập kết đến công trường; nền đất tại các vị trí tập kết, thao tác của các thiết bị phải đảm bảo ổn định, chắc chắn; các thao tác của cầu không ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh cũng như các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến

### **3.1.2.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố**

#### **a. Biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa tai nạn lao động**

- Xây dựng và thực hiện nội quy làm việc tại công trường.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công, vấn đề bố trí máy móc thiết bị, nguyên, vật liệu,...
- Công nhân trực tiếp thi công xây dựng, vận hành máy thi công thường xuyên được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, khi có sự cố luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

Công nhân được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng,... trong quá trình làm việc tại công trường, đặc biệt trong khâu thi công nấu nhựa đường và tưới nhựa mặt đường.

#### **b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ**

Để phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố cháy nổ xảy ra trong công trường, khu vực dự án trong quá trình thi công, xây dựng dự án, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau nhằm đảm bảo theo QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng:

- Lựa chọn vị trí nấu nhựa tưới đường tại những vị trí trống trải, không có thực bì khô dễ gây cháy. Công nhân được yêu cầu mang khẩu trang khi thực hiện công việc nấu nhựa.
- Nấu sơn được sử dụng thiết bị chuyên dụng kết hợp với việc vận chuyển bằng xe tải nên không ảnh hưởng đến các công trình, kiến trúc xung quanh.
- Trong quá trình hàn cấu kiện phải trang bị đầy đủ các dụng cụ và vật liệu chữa cháy như cát, bình chứa khí CO<sub>2</sub>,... ở những vị trí thích hợp nhất để thuận tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy sẽ luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng tốt nhất.
- Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.

#### **c. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông**

Đối với hoạt động giao thông đường bộ:

- Xây dựng, xếp lịch trình vận chuyển vật tư hợp lý, không để ùn tắc gây cản trở giao thông.

- Phương tiện vận chuyển đường bộ thì không được chở quá tải trọng, quá khổ, có bạt nhựa che phủ nhằm tránh rơi vãi cát, đá gây mất an toàn giao thông.

- Trong khi thi công sẽ cấm biển cảnh báo hoặc căng dây nhằm phân định rõ diện tích công trình đang thi công, hạn chế người và phương tiện ra vào để hạn chế tai nạn giao thông đường bộ. Vào ban đêm, có bố trí đèn chiếu sáng, đèn chớp cảnh báo những chướng ngại vật hoặc hố sâu để tránh tai nạn giao thông đường bộ.

Đối với hoạt động giao thông đường thủy: Trước khi thi công các hạng mục dưới nước nhà thầu phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng kế hoạch đảm bảo giao thông và bố trí người điều tiết giao thông đường thủy. Bố trí biển báo và đèn tín hiệu trên sông Trà Ngoa, kênh Giã Dách,... để đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền qua lại trong khu vực. Khi thi công cầu, các thiết bị thi công như cần cẩu, thiết bị đóng cọc ... phải được kiểm tra đúng qui định về kỹ thuật an toàn trong xây dựng trước khi tập kết đến công trường; nền đất tại các vị trí tập kết, thao tác của các thiết bị phải đảm bảo ổn định, chắc chắn; các thao tác của cầu không ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh cũng như các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến.

#### **d. Phòng tránh sự cố xì phèn**

Để phòng tránh sự cố xì phèn đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Thi công đúng với hồ sơ thiết kế, phương án thi công đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu.

- Đào đất trong quá trình thi công trong dự án trên tầng sinh phèn tiềm tàng (tại khu vực dự án chủ yếu là đất phù sa không có tầng sinh phèn tiềm tàng hoặc có tầng sinh phèn tiềm tàng sâu khoảng 100 - 150 cm).

### **3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

##### **3.2.1.1. Đánh giá tác động liên quan đến chất thải**

##### **a. Tác động của bụi và khí thải**

**Nguồn phát sinh bụi, khí thải:** Khi dự án hoạt động, bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển ngang dự án. Theo WHO, 1993 hoạt động của các phương tiện giao thông phát sinh khí thải có thành phần như CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>, VOC và bụi, với hệ số tải lượng như sau:

**Bảng 3. 9 Tải lượng khí thải phát sinh khi phương tiện giao thông di chuyển 1 km đoạn đường**

STT	Loại phương tiện	ĐVT	Chỉ tiêu ô nhiễm				
			Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>	CO	VOC
1	Xe mô tô động cơ <50 cc 2 kỳ	g/km	0,12	0,36S	0,05	10	6
2	Xe mô tô động cơ >50 cc 2 kỳ	g/km	0,12	0,6S	0,08	22	15
3	Xe mô tô động cơ >50 cc 4 kỳ	g/km	-	0,76S	0,3	20	3
4	Xe ô tô động cơ <1400 cc	g/km	0,07	1,27S	1,5	15,73	2,23

STT	Loại phương tiện	ĐVT	Chỉ tiêu ô nhiễm				
			Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>	CO	VOC
5	Xe ô tô động cơ 1400 – 2000 cc	g/km	0,07	1,62S	1,78	15,73	2,23
6	Xe ô tô động cơ >2000 cc	g/km	0,07	1,85S	2,51	15,73	2,23
7	Xe tải >3,5 tấn	g/km	0,4	4,5S	4,5	70	7
8	Xe tải <3,5 tấn	g/km	0,2	1,16S	0,7	1	0,15
9	Xe tải từ 3,5 ÷ 16 tấn	g/km	0,9	4,29S	11,8	6,0	2,6

Nguồn: PGS.TS Nguyễn Văn Phước và Nguyễn Thị Vân Hà, năm 2006, Giáo trình quản lý chất lượng môi trường, NXB Xây Dựng

**Ghi chú:** S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu.

Theo dự án đầu tư xây dựng thì lưu lượng xe thiết kế là 500 xe con quy đổi/ngày đêm. Dựa vào lưu lượng xe, chiều dài dự án (6.773,48m) và hệ số tải lượng ô nhiễm ước tính tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện giao thông di chuyển ngang dự án như sau:

**Bảng 3. 10 Tải lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông di chuyển ngang dự án**

STT	Thông số ô nhiễm	Tổng khối lượng	
		Kg/ngày đêm	mg/s
1	Bụi	0,14	0,98
2	NO <sub>x</sub>	3	21
3	CO	31,5	220
4	VOC	4,5	31,5

- **Đánh giá tác động:** Khi dự án hoạt động, bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông di chuyển ngang dự án là nguồn gây ô nhiễm chính đến môi trường không khí.

Khi dự án hoạt động, lưu lượng xe quy đổi vào khoảng 500 xe/ngày đêm; kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy tải lượng bụi và khí thải phát sinh không lớn và khi dự án hoạt động mật độ xe sẽ tương ứng hoặc thấp hơn mật độ xe trên đường chính (đường tỉnh 907, đường tỉnh 901) trong khi kết quả đo đạc ở chương 2 cho thấy, nồng độ bụi, khí (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>) đo tại điểm giao giữa dự án và đường tỉnh 907 và đường tỉnh 901 có giá trị nằm trong giới hạn cho phép. Do đó, bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông di chuyển ngang dự án không ảnh hưởng lớn đến môi trường không khí xung quanh và sức khỏe con người.

**b. Tác động của nước thải:** Hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động không phát sinh nước thải.

**c. Tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại:** Hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động không phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.

### 3.2.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

**Ảnh hưởng cấp thoát nước:** Đây là dự án đầu tư xây dựng mới. Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt; theo đó, hệ thống thoát nước của dự án là hệ thống thoát nước chung (thu gom chung nước mưa với nước thải). Khi triển khai dự án có tổng cộng 18 công thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Công C1 – Công 2 Thợ Thiết);

Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quẩn); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang)..Các cống tròn BTCT có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200 và D.1500 nhằm phục vụ cho công tác lưu thông trên tuyến và đảm bảo tưới tiêu, đảm bảo ngăn, thoát lũ. Do đó, việc đầu tư xây dựng tuyến đường không ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động cấp thoát nước của các thửa đất dọc hai bên tuyến của dự án.

### **3.2.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

Ùn tắc và tai nạn giao thông: Dự án đi qua khu vực có nhiều nhà dân, đặc biệt tiếp giáp khu dân cư và các tuyến đường huyết mạch của địa phương như tỉnh 907, đường tỉnh 901, nên các bất cẩn, các biểu hiện không tuân thủ Luật Giao thông của người tham gia giao thông (như phóng nhanh, vượt ẩu, lạng lách,...) hay các hành vi lấn chiếm lòng lề đường,... của người dân sinh sống trong khu vực có khả năng gây ùn tắc và tai nạn giao thông.

### **3.2.2.Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

#### **3.2.2.1.Biện pháp giảm thiểu tác động liên quan đến chất thải**

##### **❖ Giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải**

- Kết hợp cơ quan chức năng lắp đặt panô, băng rôn,... theo tuyến đường nhằm tuyên truyền quy định pháp luật về giao thông bộ, giúp người dân am hiểu quy định, không sử dụng phương tiện quá hạn đăng kiểm, quá thời hạn sử dụng.

- Đề nghị cơ quan chức năng như công an thị trấn, công an huyện,... thường xuyên tuần tra tuyến đường dự án để sớm phát hiện, ngăn chặn những phương tiện chuyên chở VLXD không che đậy kín, làm rơi vãi vật liệu khi tham gia giao thông.

#### **3.2.2.2.Các biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải**

Đảm bảo cấp thoát nước: Đây là dự án đầu tư xây mới,... Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt; theo đó, hệ thống thoát nước của dự án là hệ thống thoát nước chung (thu gom chung nước mưa với nước thải). Khi triển khai dự án có tổng cộng 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thọ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dầy); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Thạch Sáng Út), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu); Km3+161,09 (Cống C5A –

Cống Thạch Sơn Nay); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bôn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Ranh Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quân); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Hai Giang). Các cống tròn BTCT có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200 và D.1500 nhằm phục vụ cho công tác lưu thông trên tuyến và đảm bảo tưới tiêu, đảm bảo ngăn, thoát lũ. Do đó, việc đầu tư xây dựng tuyến đường không ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động cấp thoát nước của các thửa đất dọc hai bên tuyến của dự án.

Mặt khác, khi triển khai thi công cống ngang lộ, hố gas dọc đường dự án sẽ thông báo người dân biết lịch trình, hướng dẫn người dân và đơn vị thi công bố trí sẵn ống chờ, giúp người dân thuận tiện khi có nhu cầu đấu nối nước mưa, nước thải từ các thửa đất lân cận vào hệ thống thoát nước của dự án.

Toàn bộ vỉa hè của dự án có độ dốc nghiêng về lòng đường, đảm bảo nước mưa không chảy ngược vào vườn và nhà dân. Tuyến đường sau thi công có cao trình +2,4m (theo cao độ VN2000), đảm bảo cao hơn mực nước lũ đỉnh điểm khi triều cường tăng để hạn chế ngập úng mặt đường trong trường hợp khi đưa vào sử dụng gặp triều tăng kết hợp mưa lớn.

Ngoài ra, sẽ yêu cầu đơn vị quản lý dự án thường xuyên kiểm tra các hố gas, hệ thống thoát nước chung, nhất là vào mùa mưa lũ.

### **3.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu các rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành**

#### **a. Sự cố về giao thông**

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Cảnh sát Giao thông bố trí đầy đủ các biển báo giao thông đường bộ đúng quy định và ở các vị trí thích hợp cũng như các điểm dọc tuyến đường nhằm hạn chế tai nạn và các sự cố giao thông khác.

+ Xây dựng và lắp đặt hệ thống cột Km, cọc tiêu, biển báo, công trình phòng hộ, vạch sơn kẻ đường dọc tuyến theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

+ Đơn vị quản lý đường phối hợp với Cảnh sát Giao thông và chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền, giáo dục người dân địa phương về an toàn giao thông.

### **3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

Để triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho dự án đã được lựa chọn áp dụng. Chủ dự án xây dựng phương án về tài chính, tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường cho dự án như sau:

#### **a. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự trù kinh phí, tiến độ thực hiện các công trình BVMT của dự án**



**Bảng 3. 11 Bảng danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện**

TT	Công trình/ giải pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí dự kiến (đồng)
<b>I</b>	<b>Giai đoạn chuẩn bị</b>	<b>31.801.617.000</b>
1	Công tác đền bù giải phóng mặt bằng	31.716.617.000
2	Xử lý sinh khối thực vật	30.000.000
3	Trang bị bảo hộ lao động	15.000.000
4	Dọn dẹp mặt bằng	40.000.000
<b>II</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	<b>150.000.000</b>
1	Trang bị thùng chứa rác sinh hoạt	20.000.000
2	Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động	40.000.000
3	Trang bị biển báo an toàn giao thông	25.000.000
4	Trang bị nơi chứa, thùng chứa CTNH	25.000.000
5	Hợp đồng thu gom chất thải các loại	40.000.000
<b>III</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	<b>-</b>
1	Đảm bảo an toàn giao thông	Theo kế hoạch hàng năm
2	Tuần tra kiểm soát giao thông	Theo kế hoạch hàng năm
3	Khởi thông hồ gas, cống thoát nước	Theo kế hoạch hàng năm

**b. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường**

+ Trong thời gian chuẩn bị và thi công: Chủ đầu tư sẽ bố trí 01 cán bộ quản lý môi trường cho dự án.

+ Trong thời gian vận hành: Chủ đầu tư dự án sẽ bàn giao dự án cho địa phương quản lý dự án.

**3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo**

Đánh giá tác động môi trường và những rủi ro, sự cố môi trường có thể xảy ra khi triển khai thực hiện dự án được phân tích đánh giá một cách chi tiết đối với từng giai đoạn, từng nguồn phát sinh và từng đối tượng bị tác động. Các nguồn phát sinh tác động được phân tích, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, từ đó đưa ra những đánh giá mức độ tác động đến môi trường.

Bên cạnh đó, các số liệu, dữ liệu (thông số, tải lượng ô nhiễm) sử dụng trong báo cáo chủ yếu được trích lục từ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, từ các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học có uy tín, chuyên về lĩnh vực môi trường, và có tính toán, so sánh với điều kiện thực tế, với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam, nên các phương pháp áp dụng có mức độ tin cậy cao và phù hợp với dự án. Trong đó, phương pháp đánh giá nhanh có mức độ tin cậy khoảng 70%, phương pháp so sánh có mức độ tin cậy khoảng 80%, phương pháp dự tính, dự báo có mức độ tin cậy khoảng 90% và phương pháp tham vấn cộng đồng có mức độ tin cậy khoảng 90%.

**CHƯƠNG 4**  
**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI**  
**HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Theo quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học chỉ yêu cầu với các dự án khai thác khoáng sản; dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học do đó dự án không thuộc danh mục cần lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

**CHƯƠNG 5**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

**5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án**

Chương trình quản lý môi trường của dự án được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

**Bảng 5. 1 Chương trình quản lý môi trường của dự án**

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>	Hoạt động giải phóng mặt bằng	Chiếm dụng đất, di dân, tái định cư	Bồi thường, hỗ trợ cho người dân đúng quy định. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư ước tính 31.716.617.000 đồng	Trước khi triển khai thi công
		Chất thải rắn	- Thỏa thuận với người dân bị ảnh hưởng để người dân tự di dời, tháo dỡ, chặt phá,...	
	Hoạt động thi công	Bụi và khí thải	<p>Hoạt động đào đắp đất và rải đá cấp phối: Tưới nước mặt bằng thi công, tưới ẩm vật liệu, đá cấp phối trước khi rải đá.</p> <p>Hoạt động tập kết VLXD: Không tập kết khối lượng lớn vật liệu trong ngày, chia nhỏ khối lượng tập kết hàng ngày theo tiến độ thi công; che đậy kín vật liệu trong quá trình vận chuyển.</p> <p>Hoạt động vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa: không sử dụng máy thổi, sử dụng máy hút bụi để vệ sinh nền đường trước khi tưới nhựa.</p> <p>Hoạt động nấu và tưới nhựa đường: Dự án không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng tại dự án; nhựa nấu tại dự án chủ yếu cung cấp tưới nền để tạo độ dính bám cho đá nền, bố trí điểm nấu nhựa ở nơi ít dân cư, xa trụ sở cơ quan</p>	Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024
Nước thải xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thi công hồ gas: Bơm xả vào kênh, rạch</li> <li>- Nước thải xây dựng khác: Tận dụng tưới mặt bằng thi công.</li> <li>- Nước thải từ quá trình bơm cát: Nước phát sinh trong quá trình san lấp nền được khống chế bằng cách: Bơm cát theo từng đoạn, mỗi đoạn bơm cát được khống chế trong khoảng cách giữa hai cống ngang hoặc giữa 1 cống ngang và 1</li> </ul>			

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
			<p>cầu hoặc giữa 2 cầu. Quá trình bơm cát được thực hiện sau khi đã nạo vét bùn nền, đắp bờ bao phía ngoài và đắp bờ chặn ở 2 đầu của đoạn cần bơm cát. Kết hợp bơm cát ở một đầu của đoạn để nước chảy tràn về đầu kia và thoát ra ngoài, còn khi bơm cát ở giữa đoạn thì để nước chảy về hai đầu và thoát ra ngoài. Cách quản lý này làm cho nước bơm cát được lắng cặn sơ bộ, hạn chế được thất thoát cát ra bên ngoài và hạn chế được nước bơm cát chảy tràn ra 2 bên gây ảnh hưởng đến cây trồng và sinh hoạt của người dân cấp tuyến. Mặt khác, để hạn chế sạt lở do nước bơm cát chảy tràn ra ngoài, vị trí chảy tràn được lót bạt cao su.</p> <p>Đất đào được tận dụng đắp nền đường, đắp taluy,... xà bần cho người dân; ván cốp pha, giấy, nilon, đinh ốc, sắt thép vụn bán cho các cơ sở mua phế liệu.</p> <p>Yêu cầu đơn vị thi công bố trí nơi chứa an toàn, trang bị thùng chứa riêng từng loại CTNH theo quy định, ... và định kỳ đơn vị thi công hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định</p> <p>Sử dụng các thiết bị thi công còn thời hạn đăng kiểm và được trang bị bộ hãm thanh, không bố trí nhiều máy móc, thiết bị làm việc cùng thời điểm; không tập kết VLXD, thi công và san lấp mặt bằng sau 21 giờ tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau.</p> <p>- Tiến hành khảo sát công trình, nhà dân lân cận hai bên trước khi thi công, thường xuyên theo dõi công trình, nhà cửa gần dự án trong quá trình lu nền... - Trường hợp các nhà dân lân cận bị ảnh hưởng rung động do quá trình thi công dự án gây ra sẽ ngừng việc thi công xây dựng; báo cho cơ quan có chức năng đến xử lý; bồi thường, khắc phục thiệt hại do quá trình thi công gây ra cho những nhà dân bị ảnh hưởng; thay đổi biện pháp thi công ít gây rung động hơn.</p> <p>- Lập nội quy quản lý công nhân xây dựng. - Yêu cầu đơn vị thi công không được văng ném rác thải từ dự án ra các thửa đất lân cận.</p> <p>- Đắp bờ bao xung quanh dự án theo đúng thiết kế được duyệt, sử dụng cọc tràm, tôn che chắn, chống sạt lở đất ở những khu vực dự án ngang qua ao,</p>	<p>Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024</p>

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
		<p>Ảnh hưởng nhu cầu đi lại</p> <p>Ảnh hưởng thoát nước, cấp điện, cấp thoát nước của người dân</p> <p>Tai nạn lao động</p>	<p>mương hay những đoạn bờ rạch có dấu hiệu sụp, lún, nứt đất,...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đơn vị thi công không tập kết máy móc, thiết bị thi công,... gần kênh, rạch</li> <li>- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra bờ bao xung quanh dự án, bờ rạch suốt thời gian thi công</li> </ul> <p>Chia nhỏ khối lượng VLXD cần tập kết, chỉ tập kết đủ sử dụng hàng ngày; rải đá kết hợp lu từng lớp theo từng bên, tưới và thấm bê tông nhựa theo từng bên; các cấu kiện bê tông đúc sẵn như hố gas, trụ đèn, cống thoát nước,... được tập kết gần ngay tại vị trí dự kiến lắp đặt, sát lề đường. Trước khi triển khai dự án sẽ thông báo cho chính quyền địa phương.</p> <p>+ Đối với hoạt động cấp điện, cấp nước: thực hiện và hoàn thành trước khi thi công các hạng mục công trình để đảm bảo không làm gián đoạn sản xuất, sinh hoạt trong suốt thời gian thi công các hạng mục công trình. Thông báo lịch cắt điện, tạm ngừng cấp nước trên từng đoạn tuyến trước ít nhất 01 tháng đến cơ quan hành chính, người dân để có kế hoạch sắp xếp lịch sinh hoạt, làm việc phù hợp. Thời gian tạm ngừng cấp nước, cấp điện không quá 24 giờ mỗi ngày. Tiến hành di dời cuộn chiều theo từng đoạn.</p> <p>+ Đối với hoạt động thoát nước: Yêu cầu đơn vị thi công hợp đồng mua cống bê tông ly tâm với khối lượng đủ để lắp đặt cho dự án và sẽ tập hợp đủ vật tư, thiết bị thi công trước khi bắt đầu thi công hệ thống thoát nước chung để giảm thời gian thi công cống. Thi công cuộn chiều theo từng đoạn, từng hạng mục để tránh ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước toàn khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và thực hiện nội quy làm việc tại công trường.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đồ án tổ chức thi công, vấn đề bố trí máy móc thiết bị, nguyên, vật liệu,...</li> <li>- Công nhân trực tiếp thi công xây dựng, vận hành máy thi công thường xuyên được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, khi có sự cố luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.</li> <li>- Công nhân được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như: quần áo</li> </ul>	<p>Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024</p>

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
			bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...	Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024
		Cháy, nổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn vị trí nấu nhựa tươi đường tại những vị trí trống, không có thực bì khô dễ gây cháy. Công nhân mang khẩu trang khi thực hiện công việc nấu nhựa.</li> <li>- Nấu sơn được sử dụng thiết bị chuyên dụng kết hợp với việc vận chuyển bằng xe tải.</li> <li>- Trong quá trình hàn cầu kiện phải trang bị đầy đủ các dụng cụ và vật liệu chữa cháy như cát, bình chứa khí CO<sub>2</sub>,... ở những vị trí thích hợp nhất để thuận tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy sẽ luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng tốt nhất.</li> <li>- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.</li> </ul>	
		Tai nạn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, xếp lịch trình vận chuyển vật tư hợp lý, không để ùn tắc gây cản trở giao thông.</li> <li>- Phương tiện vận chuyển đường bộ thì không được chở quá tải trọng, quá khổ, có bạt nhựa che phủ.</li> <li>- Trong khi thi công phải cấm biển cảnh báo hoặc căng dây nhằm phân định rõ diện tích công trình đang thi công, hạn chế người và phương tiện khi ra vào. Vào ban đêm có bố trí đèn chiếu sáng, đèn chớp cảnh báo những chướng ngại vật hoặc hố sâu.</li> </ul>	
		Sự cố xì phèn	Thi công đúng với hồ sơ thiết kế, phương án thi công Đào đất trên tầng sinh phèn tiềm tàng	
	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải	Thỏa thuận nhà dân, quán ăn trong khu vực thi công để công nhân sử dụng chung nhà vệ sinh, hầm tự hoại với người dân	
		Rác thải	Trang bị thùng rác, hợp đồng thu gom, xử lý rác thải	
<b>Giai đoạn dự án hoạt động</b>	Hoạt động phương tiện tham gia giao thông	Bụi, khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp cơ quan chức năng lắp đặt panô, băng rôn,... theo tuyến đường.</li> <li>- Đề nghị cơ quan chức năng thường xuyên tuần tra các tuyến đường dự án.</li> </ul>	Suốt thời gian dự án hoạt động
		Ảnh hưởng cấp thoát nước	Bố trí 18 cống thoát nước ngang tại lý trình Km0+271,89 (Cống C1 – Cống 2 Thợ Thiết); Km0+740,80 (Cống C2- Cống Kim Sa Rin), Km1+046,52 (Cống C3 – Cống Bà Dày); Km1+974,61 (Cống C3A – Cống Út Thi), Km2+644,85 (Cống C4 – Cống Chùa); Km2+977,94 (Cống C5 – Cống Tư Hiếu);	

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
			<p>Km3+161,09 (Cống C5A – Cống Thạch Sơn Nar); Km3+348,88 (Cống C6- Cống Chi Bốn); Km4+107,98 (Cống C7- Cống Bé Tư); Km5+176,81 (Cống C8 – Cống Chín Phái); Km5+410,50 (Cống C9 – Cống Rạch Tường Hưng); Km5+526,90 (Cống C10 – Cống Tư Cui); Km5+596,70 (Cống C11 – Cống Sáu Quân); Km5+809,40 (Cống C12 – Cống Hai Đức); Km5+981,89 (Cống C13 – Cống Ba Long); Km6+034,29 (Cống C14 – Cống Tư Cường); Km6+119,15 (Cống C15 – Cống Hùng Đồng); Km6+267,82 (Cống C16 – Cống Năm Ngon). Các cống tròn BTCT có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200 và D.1500 nhằm phục vụ cho công tác lưu thông trên tuyến và đảm bảo tưới tiêu, đảm bảo ngăn, thoát lũ. Do đó, việc đầu tư xây dựng tuyến đường không ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động cấp thoát nước của các thửa đất dọc hai bên tuyến của dự án.</p> <p>Thông báo lịch trình, hướng dẫn người dân bố trí ống chờ sẵn để đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước</p> <p>Cao trình của tuyến đường đảm bảo cao hơn mực nước lũ đỉnh điểm</p> <p>Thường xuyên kiểm tra hồ gas, hệ thống thoát nước</p>	Suốt thời gian dự án hoạt động
		Ùn tắc và tai nạn giao thông	<p>+ Bố trí đầy đủ các biển báo giao thông đường bộ đúng quy định và ở các vị trí thích hợp cũng như các điểm dọc tuyến đường nhằm hạn chế tai nạn và các sự cố giao thông khác.</p> <p>+Xây dựng và lắp đặt hệ thống cột Km, cọc tiêu, biển báo, công trình phòng hộ, vạch sơn kẻ đường dọc tuyến theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.</p> <p>+ Đơn vị quản lý đường phối hợp với Cảnh sát Giao thông và chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền, giáo dục người dân địa phương về an toàn giao thông.</p>	

## **5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án**

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải định kỳ trong giai đoạn vận hành.



**CHƯƠNG 6**  
**KẾT QUẢ THAM VẤN**

**I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

**6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

**6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử**

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 26 của số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Chủ dự án đã tiến hành tham vấn trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Thông tin dự án đã được đăng tải theo đường dẫn <https://vinhlong.gov.vn/lay-y-kien-tham-van/key/detail/dtid/1012>

Thời gian đăng tải: Từ ngày 05/6/2023 đến hết ngày 15/6/2023.

**6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến**

Đề xin ý kiến của cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, Chủ dự án và UBND xã Trà Côn và xã Thới Hòa kết hợp cùng đơn vị tư vấn tổ chức cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư. Cuộc họp có sự tham dự của đại diện UBND các xã cùng với đó là sự có mặt của đại diện một số ban ngành, đoàn thể của xã nơi thực hiện dự án với đó là sự có mặt của đại diện một số ban ngành, đoàn thể của xã nơi thực hiện dự án và các hộ dân có nhà cửa, đất đai dọc theo hai bên tuyến.

(Đính kèm biên bản họp tại Phụ lục báo cáo).

**6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định**

Chủ dự án đã gửi công văn số 229/BQLDAGT ngày 31/5/2023 về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM của dự án đến UBND huyện Trà Côn, UBND xã Thới Hòa và xã Trà Côn nơi dự án đi qua.

Dự án đã nhận được đầy đủ văn bản trả lời tham vấn của UBND và UBNDTTQ xã Thới Hòa và xã Trà Côn. (Công văn trả lời được đính kèm trong Phụ lục báo cáo).

**6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng**

**Bảng 6. 1 Tổng hợp kết quả tham vấn cộng đồng**

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	<b>Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử</b>		
	Không có ý kiến		
II	<b>Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến</b>		
A	<b>Cộng đồng dân cư xã Trà Côn</b>		
1	Đề nghị CĐT khi thi công phải đẩy nhanh tiến độ, tránh kéo dài làm ảnh hưởng cuộc sống dân cư xung quanh	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ dân Lê Văn Non
2	Thi công phải có biện pháp rào chắn để không gây nguy hiểm cho dân cư và trẻ em, không thi công ban đêm gây ảnh hưởng thời gian nghỉ ngơi của người dân	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Trần Trọng Nghĩa
3	Có biện pháp giảm bụi khi san lấp, biện pháp tiêu thoát nước cho người dân	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Nguyễn Văn Sang

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
4	<p>Thông nhất về vị trí thực hiện dự án vì đây là tuyến đường liên 3 xã Nhơn Bình – Trà Côn – Thới Hòa. Nếu xây dựng tuyến đường này sẽ thúc đẩy địa phương phát triển kinh tế xã nhà nói riêng và huyện Trà Ôn nói chung.</p> <p>Thông nhất các nội dung về đánh giá tác động môi trường của dự án.</p> <p>Đề nghị sớm bồi thường cho người dân ảnh hưởng bởi công trình để ổn định cuộc sống. Cần sớm khởi công và đẩy nhanh tiến độ thi công đưa vào sử dụng. Thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng công trình đúng theo thiết kế để công trình được chất lượng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu</p>	<p>UBND xã Trà Côn</p>
5	<p>Ban Thường trực Mặt Trận Tổ quốc xã thông nhất cao với vị trí thực hiện dự án đầu tư. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng giữa các ấp đặc biệt khó khăn, các ấp có đông đồng bào dân tộc khmer sinh sống. Về vị trí thực hiện dự án này, sau khi công trình được thực hiện xong có sẽ có tác động to lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các ấp dân tộc nói riêng và góp phần hoàn thực hiện tiêu chí về giao thông trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng Nông Thôn mới của xã Trà Côn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu</p>	<p>UBMTTQ xã Trà Côn</p>
6	<p>Cần nghiên cứu kỹ hơn, sâu hơn đặc điểm riêng của địa phương nơi dự án thi công để đề ra các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của dự án đến môi trường sát hơn, hữu hiệu hơn; Cần thực hiện đúng việc cam kết các biện pháp, giải pháp giảm thiểu của tác động xấu đến môi trường của dự án</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu</p>	<p>UBMTTQ xã Trà Côn</p>
7	<p>Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Xã Trà Côn thông nhất cao việc đầu tư thực hiện dự án trên nhằm phục vụ lợi ích chung cho Nhân dân trong khu vực đồng thời tạo điều kiện đi lại, giao thương hàng hóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực ngày một đi lên. Bên cạnh đó Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trà Côn yêu cầu đơn vị chủ đầu tư sau khi thực hiện dự án cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nhất là UB. MTTQ Việt nam xã để giám sát việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công cũng như công khai minh bạch trong khi thực hiện dự án.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu</p>	<p>UBMTTQ xã Trà Côn</p>

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	- Cần ưu tiên lực lượng lao động tại địa phương trong quá trình thực hiện dự án nhằm tạo điều kiện cho lao động tại chỗ có thêm thu nhập để ổn định cuộc sống.		
<b>B</b>	<b>Cộng đồng dân cư xã Thới Hòa</b>		
1	Đề nghị chủ đầu tư có phương án vận chuyển nguyên vật liệu an toàn, không làm rơi vãi gây mất an toàn giao thông	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Trần Văn Thịnh
2	Chủ đầu tư phải có biện pháp giảm bụi để không làm ảnh hưởng sức khỏe người dân	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Lê Thị Ghi
3	Có biện pháp thi công cầu đường phù hợp để không làm ảnh hưởng nhà ở của dân cư xung quanh. Nếu làm hư hại nhà dân phải có biện pháp bồi thường thỏa đáng	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Phạm Văn Nga
4	Thi công nhanh dự án, không kéo dài làm ảnh hưởng cuộc sống dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường đã đề xuất	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	Hộ Nguyễn Thành Tổng
5	Thống nhất với các đề xuất từ chủ đầu tư Đề nghị chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp đã đề xuất, đồng thời xem xét các đề nghị của người dân để hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	UBND xã Thới Hòa
6	Thống nhất nội dung dự án, có biện pháp quản lý giảm thiểu bụi, nước thải, chất thải rắn như nilon, bao bì, sắt,...	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	UBND xã Thới Hòa
7	Thống nhất các nội dung và đề nghị chủ đầu tư thực hiện các biện pháp môi trường đã nêu	Tiếp thu ý kiến và đã hoàn thiện theo yêu cầu	UBMTTQ Xã Thới Hòa

**II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN (theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)**

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường do đó không cần phải thực hiện công tác tham vấn ý kiến của các nhà khoa học và chuyên gia liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án, chuyên gia trong lĩnh vực môi trường.

---

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 1. Kết luận

Khi dự án đi vào hoạt động góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông, để đảm bảo cho các phương tiện giao thông đường bộ trên tuyến được lưu thông thuận lợi, nâng cao chất lượng khai thác và đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đảm bảo an ninh quốc phòng của khu vực.

Báo cáo ĐTM của dự án đã được nghiên cứu, đánh giá khách quan nguồn gốc phát sinh chất thải, các sự cố có thể xảy ra trong quá trình xây dựng, các tác động của công trình khi đưa vào hoạt động, đồng thời báo cáo đưa ra các giải pháp giảm thiểu đối với từng nguồn phát sinh.

### 2. Kiến nghị

Với những lợi ích kinh tế, xã hội mà dự án mang lại, những giải pháp bảo vệ môi trường khả thi, Chủ dự án kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án làm cơ sở pháp lý để dự án sớm triển khai và đi vào hoạt động.

### 3. Cam kết

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động tới môi trường của dự án, trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Chủ dự án cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải, xử lý các chất thải đạt tiêu chuẩn sau:

Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Cam kết xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn,... đạt chất lượng theo quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành; cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH đúng quy định.
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. PGS.TS Nguyễn Văn Phước và Nguyễn Thị Vân Hà, năm 2006, Giáo trình quản lý chất lượng môi trường, NXB Xây Dựng.
2. PGS.TS Nguyễn Văn Phước, năm 2014, Giáo trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh
3. PGS.TS Đinh Xuân Thắng, năm 2014, Giáo trình Kỹ thuật xử lý Ô nhiễm không khí, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh và FTA, năm 2006.
4. Sở Khoa học và Công nghệ TP Hồ Chí Minh, năm 1998, Sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tập 2
5. WHO, Rapid Environment Assessment, 1993.
6. WHO, Assessment of Sources of air, Water and Land Pollution, 1993

# PHỤ LỤC

# PHỤ LỤC I

**PHỤ LỤC 1.1**  
**CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ**  
**LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN**



Số: 12 /GUQ-BQLDAGT

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2023

## GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tôi: **Phan Chí Cường** chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long nay ủy quyền cho ông **Nguyễn Minh Khoa** chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long được quyền thay mặt tôi tham gia các cuộc họp liên quan đến đánh giá tác động môi trường và ký tất cả hồ sơ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan được biết để phối hợp trong quá trình thực hiện./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Minh Khoa**

NGƯỜI ỦY QUYỀN  
GIÁM ĐỐC



**Phan Chí Cường**

**Nơi nhận :**

- UBND tỉnh Vĩnh Long (báo cáo);
- Sở TN&MT Vĩnh Long (để biết);
- Chi cục BVMT-Sở TN&MT VL (p/h);
- Lưu: VT 9.01.10. P 3b.



Số: 298 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 11 năm 2016.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long**

AN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Số: 167  
Ngày: 22/11/2016  
Thuyên: .....  
Số hồ sơ số: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 2563/TTr-SKHĐT, ngày 10/11/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng tuyến đường sẽ góp phần thực hiện đạt mục tiêu 100% xã trên địa bàn tỉnh có đường ô tô đến trung tâm xã, hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp, tránh ngập, chủ động ngăn lũ bảo vệ vườn cây ăn trái và cuộc sống của người dân, góp phần thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

- **Phần đường:** Dự án có điểm đầu giao với đường ĐH.75 thuộc địa phận ấp Tường Trí xã Nhơn Bình, điểm cuối giao với Đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa xã Trà Côn và tuyến nhánh giao với Đường tỉnh 901, với tổng chiều dài toàn tuyến là 11.060 m (trong đó chiều dài phần đường là 10.816m và 04 phần cầu là 244m). Tuyến đường được thiết kế xây dựng mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp VI đồng bằng, nền đường rộng 6,5m, mặt đường rộng 3,5m, lề đường



gia cổ mỗi bên rộng 0,85m có cùng kết cấu mặt đường, lề đất mỗi bên rộng 0,65m, cao độ thiết kế tim đường 2,4m, môđun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 91 \text{Mpa}$ , chịu tải trọng đơn 10 tấn.

- **Phần cầu:** Xây dựng mới 4 cầu (cầu Sa Co, cầu Trà Ngoa, cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm). Các cầu được xây dựng mới bằng BTCT, có chiều rộng 6,5m ( $5,2+2 \times 0,65$ )m, trong đó 5,2m là chiều rộng thông xe và 0,65m là chiều rộng lan can gờ chắn và dải an toàn. Cầu chịu tải trọng H8, tính không thông thuyền là 2,5 m (cầu Sa Co, cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm), riêng cầu Trà Ngoa là 3,5m.

- **Phần Cống:** gồm 24 cống thoát nước ngang đường, cống xây mới bằng BTCT đúc tại chỗ thân liền, chiều dài cống từ 10÷18m, đường kính cống từ 0,6÷1,5m (tùy theo từng vị trí).

**5. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Thịnh.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** Ks. Hoàng Anh Tuấn.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Nhơn Bình, xã Trà Côn và xã Thới Hòa huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**8. Diện tích sử dụng đất:** 109.696,31m<sup>2</sup>.

**9. Nhóm dự án:** Nhóm B.

**10. Loại và cấp công trình:** Công trình giao thông cấp VI đồng bằng.

**11. Số bước thiết kế:** 02 bước.

**12. Phương án thiết kế cơ sở**

**a) Phần đường**

Kết cấu từ trên xuống như sau:

- Kết cấu mặt đường:

+ Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3,0kg/m<sup>2</sup> dày 2,5cm.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

- Kết cấu lề đường (phần gia cố có cùng kết cấu mặt đường) như sau:

+ Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3,0kg/m<sup>2</sup> dày 2,5cm.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

- Nền đường:

+ Đắp cát nền đường đầm chặt  $K \geq 0,98$  (50cm trên cùng sát đáy KCAD), 50cm bên dưới đầm chặt  $K \geq 0,95$ .



+ Đào nền đường đến cao độ thiết kế, tận dụng đất để đắp lề đường, thay cát phần đào đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

- Lề đường đắp đất chọn lọc (tận dụng đất đào) đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

- Taluy nền đắp 1:1,5, đắp đất chọn lọc (tận dụng đất đào) đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

**b) Phần cầu**

- Dầm cầu: Dầm dự ứng lực tiết diện chữ “I” cho kết cấu nhịp cầu.

- Sơ đồ nhịp: cầu Sa Co, cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm là (15m+15m+15m); cầu Trà Ngoa là (18m+18m+33m+18m+18m).

- Bố trí mặt cắt ngang: Bố trí 05 dầm chính BTCT dự ứng lực mặt cắt chữ I, khoảng cách giữa các dầm 140cm. Riêng nhịp 33m thì bố trí 4 dầm, khoảng cách giữa các dầm 180cm.

- Kết cấu mặt cầu:

+ Lớp mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng C9,5 dày 5cm.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ dày 18cm.

+ Gờ chắn bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ.

+ Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu móng cầu:

+ Móng cầu dạng móng tường chữ U bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ.

+ Móng móng: móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi móng gồm 12 cọc, chiều dài cọc  $L_m$  (xem bảng bên dưới); chiều dài cọc chỉ dự kiến, khi triển khai thi công sẽ đóng cọc thử để xác định chiều dài cọc chính xác.

- Kết cấu trụ cầu:

+ Kết cấu trụ dạng thân đặc hoặc trụ bệ cao, BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ.

+ Mỗi trụ: Móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc, chiều dài cọc  $L_{tr}$  (xem bảng bên dưới), phân bố cọc làm hai hàng đóng xiên 10:1; chiều dài cọc chỉ dự kiến, khi triển khai thi công sẽ đóng cọc thử để xác định chiều dài cọc chính xác. Cụ thể như sau:

STT	Tên cầu	Móng cầu		Trụ cầu		
		Số cọc	Chiều dài cọc	Loại trụ	Số cọc	Chiều dài cọc
1	Cầu Sa Co	12	32	Bệ cao	12	30
2	Cầu Trà Ngoa	12	30	T1, T4 đặc thân hẹp	12	30
3	Cầu Già Dách	12	35,4	Bệ cao	12	35,4
4	Cầu Trạm Bơm	12	40	Bệ cao	12	40



- Thiết kế đường đầu cầu: Giống như phần đường chính.

**c) Phần công thoát nước ngang đường**

- Tường đầu, tường cánh, sân công: Bằng bê tông đá 1x2 M200.

- Móng công: Công được đặt trên các gôi công và bên dưới là móng bằng bê tông đá 1x2 M200, lớp lót đá 4x6 M100.

- Đất nền dưới móng công, tường đầu, tường cánh, sân công được gia cố bằng cừ tràm đường kính  $D=4,5\text{cm}$ ,  $L=4\text{m}$ , mật độ  $25\text{cây/m}^2$ .

- Ta luy hai phía thượng lưu và hạ lưu được gia cố bằng tấm BTCT lục giác.

**13. Hình thức đầu tư:** Xây dựng mới.

**14. Tổng mức đầu tư:** **133.609.637.000 đồng.**

*Trong đó:*

- |   |                      |
|---|----------------------|
| - Chi phí xây dựng:                       | 86.449.617.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án:                  | 1.313.056.000 đồng;  |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:         | 6.933.184.000 đồng;  |
| - Chi phí khác:                           | 5.724.781.000 đồng;  |
| - Chi phí dự phòng:                       | 15.652.315.000 đồng; |
| - Chi phí bồi thường GPMB và tái định cư: | 17.536.684.000 đồng. |

**15. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng giai đoạn 2016 - 2020) và nguồn vốn ngân sách địa phương.

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**17. Thời gian thực hiện:** Năm 2016 - 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND huyện Trà Ôn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*ly*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, 5.04.07.



**Lê Quang Trung**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 01 năm 2017.

### QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 20/TTr-SKHĐT, ngày 04/01/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, như sau:

Quyết định này thay thế quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 08/5/2009 và quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND huyện Trà Ôn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, 5.04.07.



**Lê Quang Trung**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

Số: 2046/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 9 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường  
đến trung tâm xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Số:.....

Ngày: 4/10/2017

Chuyên:.....

Lưu hồ sơ số:.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét tờ trình số 1924/TTr-SKHĐT-KT ngày 05/9/2017 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể điều chỉnh phương án thiết kế cơ sở của dự án như sau:

- Điều chỉnh kết cấu mặt đường là: Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12 cm; Thay cho kết cấu mặt đường đã phê duyệt là: Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

- Điều chỉnh kết cấu lề đường (phần gia cố có cùng kết cấu mặt đường):

+ Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3,0 kg/m<sup>2</sup>.

+ Đá 4x6 chèn đá dăm dày 12 cm.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 và Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (Chủ đầu tư) thuộc Sở Giao thông Vận tải triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, 5.04.07.





**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về sửa đổi, bổ sung Điều 1, Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với “Dự án Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1759/TTr-SKHĐT-KT, ngày 03/8/2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể điều chỉnh nội dung và quy mô đầu tư; diện tích sử dụng đất; phương án thiết kế cơ sở; tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện dự án, với các nội dung cụ thể như sau:

<b>Theo Quyết định 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>
<b>4. Nội dung và quy mô đầu tư</b> - <b>Phần đường:</b> Có điểm đầu giao với đường ĐH.75 thuộc địa phận ấp Tường Trí xã Nhơn Bình, điểm cuối giao với ĐT.907 thuộc ấp Trà Ngoa xã Trà Côn và tuyến nhánh giao với ĐT.901, với tổng chiều dài toàn tuyến là 11.060 m (trong đó chiều dài phần đường là 10.816m và 04 phần cầu là 244m), cao độ thiết kế tim đường 2,4m, chịu tải trọng đơn 10 tấn. - <b>Phần cầu:</b> Xây dựng mới 4 cầu (cầu	<b>4. Nội dung và quy mô đầu tư</b> - <b>Phần đường:</b> Có điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh 907 thuộc ấp Trà Ngoa xã Trà Côn; điểm cuối giao với đường tỉnh 901 thuộc xã Thới Hòa, tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 6.772m (trong đó chiều dài phần đường là 6.573m và chiều dài 03 cầu là 198m), cao độ thiết kế tim đường +2,4m, tải trọng thiết kế trục đơn 10 tấn. - <b>Phần cầu:</b> Xây dựng mới 3 cầu (cầu



<p>Sa Co, cầu Trà Ngoa, cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm). Cầu chịu tải trọng H8.</p> <p>- <b>Phần Công:</b> Gồm 24 công thoát nước ngang đường, công xây mới bằng BTCT đúc tại chỗ thân liền, chiều dài công từ 10÷18m.</p>	<p>Trà Ngoa, cầu Già Dách và cầu Trạm Bơm). Tải trọng thiết kế 0,5HL93.</p> <p>- <b>Phần công:</b> Xây dựng mới 18 công thoát nước ngang, sử dụng công bê tông cốt thép ly tâm, chiều dài công từ 12÷50m.</p>
<p><b>8. Diện tích sử dụng đất</b> 109.696,31m<sup>2</sup></p>	<p><b>8. Diện tích sử dụng đất</b> 115.887,75m<sup>2</sup></p>
<p><b>12. Phương án thiết kế cơ sở</b></p> <p><b>Cầu Trà Ngoa</b></p> <p>- Móng móng: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi móng gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=30m.</p> <p>- Móng trụ: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=30m.</p> <p><b>Cầu Già Dách</b></p> <p>- Móng móng: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi móng gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=35,4m.</p> <p>- Móng trụ: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=35,4m.</p>	<p><b>12. Phương án thiết kế cơ sở</b></p> <p><b>Cầu Trà Ngoa</b></p> <p>- Móng móng: Thiết kế cọc ống dự ứng lực D40cm, mỗi móng gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=33m.</p> <p>- Móng trụ: Thiết kế cọc ống dự ứng lực D40cm.</p> <p>+ Trụ T1 và T4: Gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=33m.</p> <p>+ Trụ T2 và T3: Gồm 15 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=38m.</p> <p><b>Cầu Già Dách</b></p> <p>- Móng móng: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi móng gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=35m.</p> <p>- Móng trụ: Thiết kế cọc bê tông cốt thép 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=35m.</p>
<p><b>14. Tổng mức đầu tư:</b> <b>133.609.637.000 đồng.</b></p> <p>Trong đó:</p> <p>- Chi phí xây dựng: 86.449.617.000 đồng;</p> <p>- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 17.536.684.000 đồng;</p> <p>- Chi phí quản lý dự án: 1.313.056.000 đồng;</p> <p>- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 6.933.184.000 đồng;</p> <p>- Chi phí khác: 5.724.781.000 đồng;</p> <p>- Dự phòng phí: 15.652.315.000 đồng.</p>	<p><b>14. Tổng mức đầu tư:</b> <b>114.037.000.000 đồng.</b></p> <p>Trong đó:</p> <p>- Chi phí xây dựng: 57.674.616.000 đồng;</p> <p>- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 31.716.617.000 đồng;</p> <p>- Chi phí quản lý dự án: 1.153.699.000 đồng;</p> <p>- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 5.165.750.000 đồng;</p> <p>- Chi phí khác: 2.205.121.000 đồng;</p> <p>- Chi phí dự phòng: 16.121.197.000 đồng.</p>

<p><b>15. Nguồn vốn đầu tư:</b> Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (từ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng giai đoạn 2016-2020) và nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>	<p><b>15. Nguồn vốn đầu tư:</b> Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là 61.500 triệu đồng (trong đó, giai đoạn 2016 - 2020 từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng là 1.500 triệu đồng; giai đoạn 2021-2025 là 60.000 đồng) và nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>
<p><b>17. Thời gian thực hiện dự án:</b> Năm 2016-2020</p>	<p><b>17. Thời gian thực hiện dự án:</b> Năm 2021-2025</p>

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND, ngày 17/11/2016; Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 18/01/2017; Quyết định số 2046/QĐ-UBND, ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND huyện Trà Ôn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.04.05.



**Lê Quang Trung**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình  
Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình,  
huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đối với “Dự án Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về sửa đổi, bổ sung Điều 1, Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với “Dự án Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1268/TTr-SKHĐ-KT, ngày 26/5/2022,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án, như sau:

<b>Theo Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>
<b>15. Nguồn vốn đầu tư:</b> Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là <b>61.500 triệu đồng</b> (trong đó, giai đoạn 2016-2020 từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng là 1.500 triệu đồng và	<b>15. Nguồn vốn đầu tư:</b> Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là <b>91.500 triệu đồng</b> (trong đó, giai đoạn 2016-2020 từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng là 1.500 triệu đồng và

giai đoạn 2021-2025 là <b>60.000 triệu đồng</b> ) và nguồn vốn ngân sách địa phương.	giai đoạn 2021-2025 là <b>90.000 triệu đồng</b> ) và nguồn vốn ngân sách địa phương.
--	--

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016; số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2017; số 2046/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 và Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND huyện Trà Ôn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ.VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.04.05.



**Lê Quang Trung**

Số: 157/QĐ-BQLDAGT

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 4 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**

### **GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CT GIAO THÔNG**

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22/11/2016;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-SGTVT ngày 02/02/2023 của Giám đốc Sở GTVT Vĩnh Long về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long; Bổ sung tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2017; Điều chỉnh tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 20/9/2017, Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 và Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 31/5/2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Công văn số 775/SGTVT-QLKCCL ngày 26/4/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và*

*Báo cáo kết quả thẩm định số 22/BC-TTĐ ngày 26/4/2023 của Tổ Thẩm định;*

*Căn cứ Báo cáo số 167/BC-SGTVT ngày 27/4/2023 của Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long về việc thẩm định báo cáo an toàn giao thông giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-KHHCTH ngày 28/4/2023 của Phòng Kế hoạch Hành chính Tổng hợp thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.*

## **QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Người phê duyệt:** Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông.

**2. Tên công trình:** Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**3. Tên dự án:** Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**4. Loại và cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp IV.

**5. Địa điểm xây dựng:** Xã Nhơn Bình, xã Trà Côn và xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh.

**7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh.

**8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Trung tâm Thẩm định Kiểm định Công trình GTVT.

**9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:**

**9.1. Phần đường:**

- Chiều dài toàn tuyến: 6.773,48m (bao gồm cả chiều dài cầu 198,20m), chia làm 02 phân đoạn:

+ Phân đoạn 1: Chiều dài tuyến 4.079,53m, lý trình từ (km0+000 - km4+079,53) và 01 cầu Trà Ngoa.

+ Phân đoạn 2: Chiều dài tuyến 2.693,95m, lý trình từ (km4+079,53 - km6+773,48) và 02 cầu (cầu Giã Dách và cầu Trạm Bơm).

- Tải trọng trục thiết kế : 10T.

- Tải trọng thiết kế cầu : 0,5HL93, người đi bộ là 3KN/m<sup>2</sup>.

- Vận tốc thiết kế : 30 km/h.
- Cao độ tim đường thiết kế : +2,40 m.
- Mặt đường : Cấp cao A2.
- Mặt cắt ngang đường:

- + Bề rộng mặt đường : 3,50m x 1 = 3,50m.
- + Lề đường : 2 x 1,50m = 3,00m.

*Trong đó:*

- + + Lề gia cố : 2 x 0,85m = 1,70m.
- + + Lề đất : 2 x 0,65m = 1,30m.

**Tổng cộng nền đường: = 6,50m.**

+ Độ dốc ngang mặt đường 3%, độ dốc ngang lề đường 6%, độ dốc mái taluy đắp nền đường 1:1,5.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu của mặt đường:  $K \times E_{yc} \geq 1,06 \times 91 = 96,46 \text{ Mpa}$ .

- Kết cấu áo đường:

\* Phần mặt đường và lề gia cố phần đường chính từ trên xuống như sau:

- + Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3,0kg/m<sup>2</sup>.
- + Mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm.
- + Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, đảm chặt  $K \geq 0,98$ .

\* Phần mặt đường và lề gia cố phần vị trí nút giao đầu tuyến giao với ĐT.907 và cuối tuyến giao với ĐT.901 từ trên xuống như sau:

- + Láng nhựa mặt đường 2 lớp tiêu chuẩn 3,0kg/m<sup>2</sup>.
- + Đá 4x6 cm chèn đá dăm dày 15cm,  $E_{yc} \geq 98 \text{ Mpa}$
- + Cấp phối đá dăm loại II dày 25cm,  $K \geq 0,98$ .

- Nền đường:

- + Đắp cát nền đường dày 50cm  $K \geq 0,98$ .
- + Đắp cát nền đường dày 50cm bên dưới  $K \geq 0,95$ .
- + Đào nền đến cao độ thiết kế thay bằng cát  $K \geq 0,90$ .

- Những vị trí tuyến đi qua ao vét bùn dày 30cm, và thay lại bằng cát  $K \geq 0,90$ .

- Lề đường, taluy:

- + Phần lề gia cố có kết cấu giống mặt đường.
- + Lề đường đắp đất (tận dụng đất đào khuôn đường) đảm chặt  $K \geq 0,90$ .
- + Taluy nền đắp 1:1,5.
- + Kết cấu gờ chặn: Bằng bê tông đá 1x2 M200 kích thước (100x15x25)cm, lớp lót bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Gia cố taluy nền đường các vị trí ao mương: Cừ tràm được đóng 2 hàng, cừ tràm L=4,0m, đk ngọn  $\geq 4,2 \text{ cm}$ , mật độ 14cây/md.

## **9.2. Phần công ngang đường:**

Toàn tuyến xây dựng 18 công ngang đường, chi tiết theo bảng sau:

STT	TÊN CÔNG	VỊ TRÍ	CHIỀU DÀI (m)	ĐƯỜNG KÍNH (mm)
Phân đoạn 1				
1	C1	Km0+271,89	15	D1000
2	C2	Km0+740,80	12	D1000
3	C3	Km1+046,52	12	D1200
4	C3A	Km1+974,61	12	D600
5	C4	Km2+644,85	12	D1500
6	C5	Km2+977,94	12	D1200
7	C5A	Km3+161,09	12	D600
8	C6	Km3+348,88	14	D1000
Phân đoạn 2				
1	C7	Km4+107,98	76	D1000
2	C8	Km5+176,81	28	D800
3	C9	Km5+410,50	12	D800
4	C10	Km5+526,90	12	D600
5	C11	Km5+596,70	12	D600
6	C12	Km5+809,40	50	D1500
7	C13	Km5+981,89	12	D600
8	C14	Km6+034,29	12	D600
9	C15	Km6+119,15	12	D600
10	C16	Km6+267,82	12	D600

- Kết cấu: Thân công bằng BTLT tải trọng H30, chiều dài mỗi đốt công từ L=1m đến L= 4m, đường kính công từ 0,6m đến 1,5m.

+ Mối nối: bằng joint cao su và bên ngoài bằng BTCT đá 1x2 M200.

+ Tường đầu, tường cánh, sân công: Bằng bê tông đá 1x2 M200.

+ Móng công: Công được đặt trên lớp móng bằng bê tông đá 1x2 M200, lớp lót bê tông đá 1x2 M150.

+ Móng công, tường đầu, tường cánh, sân công được gia cố bằng cừ tràm đường kính ngọn D>4,2cm, L=4,0m, mật độ 25cây/m<sup>2</sup>, trên là lớp cát đệm dày 10cm.

+ Phía thượng, hạ lưu công tại những vị trí đắp cao được gia cố bằng tấm đan BTCT dày 8cm, bên dưới là lớp bê lót đá 1x2 M150 dày 10cm, cát phủ đầu cừ dày 10cm, chét khe nhựa dày 2cm, Đất nền dưới chân khay được gia cố cừ tràm có đường kính ngọn D>4,2cm, L=4,0m với mật độ 16 cây/m<sup>2</sup>.

+ Phía thượng, hạ lưu công có thiết kế tấm ván gỗ ngăn nước.

- Xếp rọ đá chống xói trước sân công kích thước (2,0x1,0x0,5)m.



- Hồ ga:

+ Tại vị trí cống C7, C12 do điều kiện thoát nước theo địa hình ao mương nên bố trí các hồ ga để tiếp dẫn dòng. Kết cấu hồ ga bằng bê tông đá 1x2 M.200, có kích thước lọt lòng (1,6x1,4)m cho cống từ D1000 và hồ ga kích thước lọt lòng (1,8 x 1,8)m cho cống từ D1500, bê tông lót móng hồ bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, lớp cát phủ đầu cừ dày 10cm, gia cố cừ tràm đường kính ngọn  $D > 4,2\text{cm}$ ,  $L = 4,0\text{m}$ , mật độ 25cây/m<sup>2</sup>.

+ Tại vị trí cống C8 có bố trí hộp nổi bằng bê tông đá 1x2 M.200 kích thước lọt lòng (1,2 x 1,2)m cho cống D800. Bê tông lót móng hồ ga, hộp nổi bằng 1x2 M150 dày 10cm, lớp cát phủ đầu cừ dày 10cm, gia cố cừ tràm đường kính ngọn  $D > 4,2\text{cm}$ ,  $L = 4,0\text{m}$ , mật độ 25cây/m<sup>2</sup>.

**9.3. Phần cầu trên tuyến:** Trên tuyến thiết kế 03 cầu như sau:

TT	TÊN CẦU	Lý trình	Tĩnh không thông thuyền (BxH)	Sơ đồ nhịp
1.	Cầu Trà Ngoa	Km0+158,38	25x3,5m	(18+18+33+18+18)m
2.	Cầu Già Dách	Km4+706,59	10x2,5m	(15+15+15)m
3.	Cầu Trạm Bơm	Km6+571,99	10x2,5m	(15+15+15)m

#### 9.3.1. Cầu Trà Ngoa

- Tổng chiều dài cầu 106,20m (tính đến mép sau tường hậu mố).

- Khô cầu:  $(5,20 + 2 \times 0,65) = 6,50\text{m}$ .

- Bố trí mặt cắt ngang cầu:

+ Nhịp biên bố trí 05 dầm “I” 18m chiều cao dầm là 65cm, khoảng cách giữa các dầm 140cm.

+ Nhịp giữa bố trí 04 dầm “I” 33m chiều cao dầm là 140cm, khoảng cách giữa các dầm 180cm.

+ Dầm ngang bằng BTCT đá 1x2 M300.

- Kết cấu mặt cầu:

+ Lớp mặt cầu bằng bê tông nhựa chặt C9,5 dày 5cm.

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp phòng nước.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 M350 đổ tại chỗ dày 18cm.

+ Gờ chắn bằng BTCT đá 1x2 M350 đổ tại chỗ.

+ Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Khe co giãn dạng ray thép.

+ Bố trí thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC D104mm dày 4,9mm.

- Kết cấu móng cầu: Móng cầu dạng móng tường chữ U bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Móng cọc ống DƯL D40cm, mỗi móng gồm 12 cọc bố trí 2 hàng, chiều dài cọc dự kiến 33,0m. Sau móng đặt bản quá độ BTCT đá 1x2 M.300 dài 6,0m, rộng 5,76m, dày 30cm.

- Trụ cầu:

+ Trụ P2 và P3 sử dụng trụ đặc thân hẹp, chiều cao trụ thân trụ 4,50m. Kết cấu trụ bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Hệ móng bố trí 15 cọc ống DƯL D40cm bố trí 3 hàng, chiều dài dự kiến 38,0m.

+ Trụ P1 và P4 sử dụng trụ đặc thân hẹp, chiều cao trụ thân trụ 2,498m. Kết cấu trụ bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Hệ móng bố trí 12 cọc ống DƯL D40cm bố trí 2 hàng, chiều dài dự kiến 33,0m.

+ Trụ cảnh giới: được bố trí phía thượng lưu và hạ lưu trụ P2, P3 cách trụ P2 và P3 khoảng 10m. Kết cấu trụ cảnh giới được làm từ các thanh thép I liên kết kiểu hình tam giác.

### 9.3.2. Cầu Già Dách:

- Tổng chiều dài cầu 46m (tính đến mép sau tường hậu móng).

- Khổ cầu:  $(5,20 + 2 \times 0,65) = 6,5\text{m}$ .

- Bố trí mặt cắt ngang cầu:

+ Nhịp biên bố trí 05 dầm “I” 15m chiều cao dầm là 50cm, khoảng cách giữa các dầm 140cm.

+ Dầm ngang bằng BTCT đá 1x2 M300.

- Kết cấu mặt cầu:

+ Lớp mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng C9,5 dày 5cm.

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 Kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp phòng nước.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 M350 dày 18cm.

+ Gờ chắn lan can bằng BTCT đá 1x2 M350.

+ Khe co giãn dạng ray.

+ Lan can và tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Bố trí thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC D104mm dày 4,9mm.

- Móng cầu: Móng cầu dạng móng tường chữ U bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi móng gồm 12 cọc bố trí 2 hàng, chiều dài cọc dự kiến 35m. Bên phía móng A1 và A2, thi công bằng biện pháp ép cọc để không ảnh hưởng nhiều đối với công trình nhà dân lân cận. Sau móng đặt bản quá độ BTCT đá 1x2 M.300 dài 5,0m, rộng 5,76m, dày 30cm.

- Trụ cầu: Sử dụng trụ cầu bộ cao bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Trụ sử dụng móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc bố trí 2 hàng, chiều dài cọc dự kiến 35m, phân bố cọc làm hai hàng đóng xiên 10:1.

### 9.3.3. Cầu Trạm Bơm:

- Tổng chiều dài cầu 46m (tính đến mép sau tường hậu móng).
- Khổ cầu:  $(5,20+2 \times 0,65) = 6,5\text{m}$ .
- Bố trí mặt cắt ngang cầu:
  - + Nhịp biên bố trí 05 dầm “I” 15m chiều cao dầm là 50cm, khoảng cách giữa các dầm 140cm.
  - + Dầm ngang bằng BTCT đá 1x2 M300.
- Kết cấu mặt cầu:
  - + Lớp mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng C9,5 dày 5cm.
  - + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 Kg/m<sup>2</sup>.
  - + Lớp phòng nước.
  - + Bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 M350 dày 18cm.
  - + Gờ chắn lan can bằng BTCT đá 1x2 M350.
  - + Khe co giãn dạng ray.
  - + Lan can và tay vịn bằng thép mạ kẽm.
  - + Bố trí thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC D104mm dày 4,9mm.
- Mố cầu: Sử dụng mố tường chữ U bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi mố gồm 12 cọc bố trí 2 hàng, chiều dài cọc dự kiến 40m, thi công bằng biện pháp đóng cọc. Sau mố đặt bản quá độ BTCT đá 1x2 M.300 dài 5,0m, rộng 5,76m, dày 30cm.
- Trụ cầu: Sử dụng trụ bệ cao bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Trụ sử dụng móng cọc BTCT 40x40cm, mỗi trụ gồm 12 cọc bố trí 2 hàng, chiều dài cọc dự kiến 40m, phân bố cọc làm hai hàng đóng xiên 10:1.

#### 9.3.4. Đường vào cầu các cầu:

- Thiết kế mặt cắt ngang và kết cấu nền – áo đường: giống phần đường chính.

Riêng đường vào cầu cầu Già Dách bố trí tường chắn đất mố A2 cầu Già Dách: Để bảo vệ đất đắp không trượt phạm vi nhà dân mố A2 bên phải tuyến, bố trí tường chắn BTCT đá 1x2 M.300, chiều dài tường chắn là 10m (theo phương dọc cầu), tường chắn dày 30cm bằng BTCT M300 đổ tại chỗ. Tường chắn đặt trên nền cọc ép BTCT tiết diện 30x30cm, chiều dài cọc dự kiến L=27m, khoảng cách trung bình giữa các cọc 1,7m. Chiều cao của tường chắn thay đổi từ H=4,00m đến H=3,60m.

- Taluy tứ nón và đường đầu cầu được gia cố bằng tấm đan BTCT đá 1x2 M.200 dày 8cm. Chân khay bằng bê tông đá 1x2 M.200, móng chân khay được gia cố cừ tràm có đường kính ngọn  $D > 4,2\text{cm}$ ,  $L = 4,0\text{m}$  với mật độ 16cây/m<sup>2</sup>.

- Đường dân sinh hai bên cầu, có quy mô như sau:

TT	TÊN CẦU	Chiều dài	Bề rộng mặt đường	Bề rộng lề đường
1.	Cầu Già Dách			
	Đường dân sinh 01	51,58m	2,0m	0,5m
	Đường dân sinh 02	58,95m	2,0m	0,5m

	Đường dân sinh 03	54,67m	2,0m	0,5m
2.	Cầu Trạm Bơm			
	Đường dân sinh 04	51,54m	2,0m	0,5m
	Đường dân sinh 05	60,54m	2,0m	0,5m
	Đường dân sinh 06	62,14m	2,0m	0,5m
	Đường dân sinh 07	55,65m	2,0m	0,5m

+ Kết cấu nền - áo đường dân sinh:

- ✓ Mặt đường bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 8cm.
- ✓ Nilon lót đan.
- ✓ Cấp phối đá dăm loại II dày 15cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .
- ✓ Đắp cát dày 50cm đầm chặt  $K \geq 0,95$ .
- ✓ Đắp cát nền đường đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

+ Lê đường, taluy đắp đất chọn lọc  $K \geq 0,90$ , mái dốc 1:1,5.

#### 9.4. An toàn giao thông:

Hệ thống an toàn giao thông được bố trí theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa QCVN 39:2020/BGTVT.

**10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:** Phần đường 08 năm; Phần cầu 100 năm.

#### 11. Dự toán xây dựng công trình:

Dự toán xây dựng công trình là **114.033.188.457 đồng** (Một trăm mười bốn tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Trong đó:

Khoản mục phí	Dự toán (đồng)
Chi phí xây dựng	68.785.766.587
Chi phí quản lý dự án	1.375.965.462
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.739.800.207
Chi phí khác	2.198.095.406
Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	31.716.617.000
Chi phí dự phòng	4.216.943.795
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.033.188.457</b>

**12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN 39:2020/BGTVT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình kỹ thuật QCVN 07:2016; Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005; Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm (dự án được duyệt) 22TCN 211-06; Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN; Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN; Công tác đất - thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012; Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012; Kết cấu bê tông và cốt thép - Yêu cầu thiết kế TCVN 5574-2018; Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863-2011; Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859-2011; Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - thi công và nghiệm thu TCVN 9504:2012; Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu -Phần I: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường TCVN 13567-1:2022; Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - thi công và nghiệm thu TCVN 9115-2019; Tiêu chuẩn thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957-2008; Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu (Trừ mục 6.8 được thay thế bởi TCXDVN 304 - 2004) TCVN 4453-1995; Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7570-2006; Tiêu chuẩn thiết kế đường bộ 22 TCN 272-05; Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-2017; Cầu và cống - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu TCCS 05:2012/TCĐBVN và các quy trình, tiêu chuẩn hiện hành.

**13. Các nội dung khác:** Không.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

Phòng Kế hoạch Hành chính Tổng hợp, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng Quản lý dự án và Giám đốc Quản lý dự án thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông triển khai thực hiện công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước và lưu ý các ý kiến tại Công văn số 775/SGTVT-QLKCCCL ngày 26/4/2023 và Báo cáo số 167/BC-SGTVT ngày 27/4/2023 của Sở Giao thông Vận tải Vĩnh Long.

**Điều 3.** Trưởng phòng: Phòng kế hoạch Hành chính Tổng hợp, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng quản lý dự án và Giám đốc Quản lý dự án thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hưng Thịnh và Giám đốc Trung tâm Thẩm định Kiểm định Công trình GTVT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở GTVT (thay b/c);
- Sở KHĐT, Sở TC, KBNN;
- Lưu : VT.9.01.05; Phưng : 07 bản.

**GIÁM ĐỐC**



**Phan Chí Cường**

Số: 1838 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 8 năm 2017.

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đê bao  
sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND, ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định về phân cấp quản lý đầu tư và đấu thầu dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công;

Xét Tờ trình số 1811/TTr-SKHĐT-KT, ngày 18/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2), như sau:

**1. Tên dự án:** Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2).

**2. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng công trình nhằm kết hợp đồng bộ với các công trình hiện có, góp phần chủ động ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn, tiêu thoát nước, bảo vệ sản xuất vùng dự án, góp phần giảm tổn thất do tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời góp phần phát triển giao thông, bảo vệ môi trường sinh thái, phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần hoàn thành tiêu chí quốc gia về thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

#### **4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

- Nâng cấp đê bao: Đầu tư tuyến đê bao dọc 02 bên bờ sông Măng Thít với chiều dài tuyến đê bao L=41,218 km; Cao trình mặt đê bao +2,6m; Chiều



rộng mặt đê bao 5,0m kết hợp giao thông nông thôn với chiều rộng mặt đường: 2,0m đối với đê BTCT và 3,5m đối với đê lán nhựa.

- Công hờ: Đầu tư xây mới 17 công hờ gồm:

+ Công  $B_{\text{cửa}} \geq 15,0\text{m}$ : 03 công;

+ Công  $B_{\text{cửa}} \geq 5,0\text{m}$ : 08 công;

+ Công  $B_{\text{cửa}} \geq 10,0\text{m}$ : 06 công.

- Công ngầm: Đầu tư xây mới 96 công ngầm với đường kính từ (100 ÷ 150) cm.

- Kè bảo vệ bờ sông: Chiều dài tuyến kè  $L = 2.060\text{m}$ ; Cao trình đỉnh kè +2,7m; Hành lang kè +2,3m; Đồng thời bố trí đường giao thông, cây xanh và vỉa hè.

**5. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Liên danh Viện Thủy lợi và Môi trường và Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam – CTCP.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** Th.S Lê Xuân Bảo.

**7. Địa điểm xây dựng:** Các huyện Mang Thít, Tam Bình, Vũng Liêm và Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Khoảng 554.080 m<sup>2</sup>.

**9. Nhóm dự án:** Nhóm B.

**10. Loại và cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp I.

**11. Số bước thiết kế:** 02 bước.

**12. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở)**

**12.1 Tổng mặt bằng, phương án tuyến công trình:** Phương án bố trí tuyến và mặt bằng công trình nằm dọc theo tuyến sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long. Phù hợp với quy hoạch xây dựng phát triển và tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của khu vực.

**12.2 Kết cấu công trình**

**a. Nâng cấp đê bao**

- Đê bao được đắp bằng đất đào dưới lòng kênh để đắp bờ. Các đoạn qua ao, đập được gia cố bằng cừ tràm, cừ dừa, thép neo, cáp neo và ốc xiết cáp.

- Đoạn từ phà Mang Thít đến QL53: Mặt đê có kết hợp đê BTCT,  $B=2,0\text{m}$ .

- Đoạn từ ĐH74 đến sông Trà Côn kết hợp giao thông nông thôn mặt lán nhựa tiêu chuẩn 3kg/m<sup>2</sup>, đá 4x6; Nền cát  $K \geq 0,95$ .

- Bọng tròn dưới đê: Cao trình đáy bọng đặt theo đáy kênh hiện trạng. Cửa bọng bằng gỗ treo trên cọc BTCT.

### **b. Cổng hở**

- Thân cổng, bản đáy thân cổng bằng BTCT, nền được gia cố bằng cọc BTCT; Cao trình đáy từ  $-2,0 \div -5,0\text{m}$ ;
- Tiêu năng, sân sau tiêu năng và mái kênh thượng hạ lưu được gia cố bằng rọ đá;
- Cửa cổng bằng thép CT3 tráng kẽm, vận hành theo tự động và cưỡng bức.

### **c. Cổng ngầm**

- Bọng tròn bằng BTCT đặt trên nền đất tự nhiên có gia cố rọ đá ở thượng hạ lưu;
- Thân đập bằng đất được gia cố bằng hệ thống cọc BTCT có bản chắn, dầm giằng đầu cọc và thanh neo;
- Mái và mặt đập được gia cố bằng tấm BTCT;
- Cửa cổng bằng gỗ dạng treo.

### **d. Kè bảo vệ bờ sông**

#### **\* Kè loại 1**

- Kết cấu tường chắn dạng bán trọng lực kết hợp mái nghiêng tựa trên hệ cọc BTCT;
- Đỉnh kè  $+2,70$  và hành lang kè (kết hợp trồng cây xanh)  $+2,3\text{m}$ ,  $B=4,0 \div 6,0\text{m}$ ;
- Mái kè được gia cố bằng tấm lát BTCT  $m=1,5$ , phía ngoài có dầm chặn trên hệ thống cọc BTCT;
- Phía lòng sông thả thảm đá bảo vệ  $m=2,5$ . Tại các vị trí có hố xói được lấp bằng bao tải cát trước khi thả thảm gia cố.

#### **\* Kè loại 2**

- Kè dạng hệ thống dầm bản BTCT trên nền cọc liên kết với nhau bằng dầm, sàn BTCT cao trình  $+2,30$ ;
- Đỉnh kè  $+2,70$ , mặt kè và hành lang vỉa hè  $+2,3\text{m}$ ;
- Bảo vệ mái kè bằng vật liệu đá hộc xếp khảm, phía ngoài tường kè được thả thảm đá gia cố bảo vệ lòng sông dưới tác động của dòng chảy. Tại các vị trí có hố xói được lấp bằng bao tải cát trước khi thả thảm gia cố.

#### **\* Đường giao thông: Bề rộng mặt đường $B = 3,5\text{m}$**

- Tại vị trí thị trấn Trà Ôn huyện Trà Ôn và thị trấn Cái Nhum huyện Mang Thít: kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng theo tiêu chuẩn đường gom đô thị;
- Các vị trí còn lại: Kết cấu mặt đường bằng BTCT.



**13. Hình thức đầu tư:** Nâng cấp kết hợp xây dựng mới.

**14. Tổng mức đầu tư:** **1.196.242.000.000 đồng.**

*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng: 763.000.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 7.630.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 61.040.000.000 đồng;
- Chi phí khác: 53.410.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 146.907.000.000 đồng;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC: 164.255.000.000 đồng.

**15. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Ngân sách Nhà nước (Trong đó: Vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 là 950 tỷ đồng và nguồn vốn ngân sách địa phương là 246,242 tỷ đồng).

**16. Hình thức quản lý dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành quản lý dự án.

**17. Thời gian thực hiện:** Năm 2017 – 2020.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn) triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chủ đầu tư thực hiện đúng theo nội dung Công văn số 20/TĐ.DAĐT, ngày 16/8/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND các huyện: Mang Thít, Tam Bình, Vũng Liêm, Trà Ôn, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, 5.04.07.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quang**

Số: 89 /NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất  
trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG  
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

Tổng số công trình, dự án cần phải thu hồi đất là 81 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 8.817.074,5 m<sup>2</sup>.



(Kèm theo Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long).

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / *mm*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin VP.Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Nghiêm**



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Tên Công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm thực hiện	Huyện, thị xã, thành phố	Đơn vị đang ký	Tổng số	Số lượng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )			Đất phi nông nghiệp (đất bãi)	Đất dân dụng (đất bãi)	Hình thức sử dụng		Loại ngành sản xuất, kinh doanh	Văn bản tiền quyết của UBND tỉnh	Cơ chế ưu đãi	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Chú thích	
							Trong đó	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp			Chuyển mục đích sử dụng	Thuê đất							
<b>TOÀN TỈNH</b>																				
A	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN	2.749.576,9				6.863.163,1	3.531.185,3	3.142.142,8	190.835,0	1.953.911,4	-	-								
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CAPITAL	2.308.360,0				1.705.381,0	605.692,3	992.853,7	106.835,0	1.044.195,9	-	-								
1	Dương từ Quốc lộ 53 - Khu Công nghiệp Hòa Phú (Đường tỉnh 909B) - Đường Phú Lộc Bàu Các - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	11.150,0	Phường 3	TP Vĩnh Long	Sở giao thông vận tải	7.650,0		7.650,0		3.500,0			X		Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 13/7/2021; 628/QĐ-UBND ngày 31/2/2022 của UBND tỉnh	X	X	X		
2	Đường từ Quốc lộ 53 - Khu Công nghiệp Hòa Phú (Đường tỉnh 909B) - Đường Phú Lộc Bàu Các - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	337.505,0	Xã Phước Hòa, Xã Lạc Hòa, Xã Hòa Phú	Long Hồ	Sở giao thông vận tải	337.505,0	165.100,0	170.005,0	2.400,0				X		Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 13/7/2021; 628/QĐ-UBND ngày 31/2/2022 của UBND tỉnh	X	X	X		
3	Đường từ Quốc lộ 53 - Khu Công nghiệp Hòa Phú (Đường tỉnh 909B) - Đường Phú Lộc Bàu Các - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	12.590,0	Xã Phú Lộc	Tam Bình	Sở giao thông vận tải	8.399,0	3.010,0	5.389,0		4.200,0			X		Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
4	Bến xe Vĩnh Long (Giai đoạn 1)	22.193,0	Phường 8	TP Vĩnh Long	Sở giao thông vận tải	9.300,0	1.900,0	7.400,0		12.893,0			X		Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
5	Cầu và Đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn	115.887,8	Xã Trà Côn, Thới Hải	Trà Ôn	Sở giao thông vận tải	23.087,8	2.957,8	20.130,0		92.800,0			X		Quyết định 2094/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
6	Đường Thị Hạnh, thị trấn Vĩnh Liêm, huyện Vĩnh Lương, tỉnh Vĩnh Long	30.653,0	TT. Vĩnh Liêm	Vĩnh Liêm	Sở giao thông vận tải	27.100,0	2.300,0	24.800,0		3.553,0			X		Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
7	Đường vành đai 1, huyện Vĩnh Liêm	131.700,0	Xã Trưng Thành Đưng, TT. Vĩnh Liêm, xã Trung Thành	Vĩnh Liêm	Sở giao thông vận tải	124.300,0	34.800,0	59.000,0	30.500,0	7.400,0			X		Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 7/5/2019 của UBND tỉnh	X	X	X		
8	Kè chống sạt lở bờ sông Long Hồ, khu vực Phường 1, phường 5	13.500,0	Phường 5	TP Vĩnh Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.400,0	2.400,0			11.100,0			X		Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh	X	X	X		
9	Bãi đỗ xe Bùn phà Mỹ Thuận cũ, phường Tân Hòa, TP.VL, tỉnh Vĩnh Long	101.900,0	phường Tân Hòa, Tân Hội	TP Vĩnh Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55.600,0		55.600,0		46.300,0			X		Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh	X	X	X		
10	Đề bảo sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2), hạng mục Kè thi trấn Trà Ôn (bộ song hiện 146-1, từ bản đồ số 15 diện tích 50,2m <sup>2</sup> )	50,2	Thị trấn Trà Ôn	Trà Ôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,2		50,2					X		Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh	X	X	X	Thu hồi bộ song 50,2 m <sup>2</sup>	
11	Hệ thống thủy lợi Cù Lạc Sĩ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	337.352,0	Xã Lạc Sĩ Thành, Phú Thành	Trà Ôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54.682,0		53.832,0	850,0	282.670,0			X		Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và 964/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
12	Bê bao sông Măng Thít tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	800,0	Xã Quới An	Vĩnh Liêm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					800,0			X		Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và 964/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
13	Hà tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực Bình Ninh - Ngòi Tr - Lươn Mỏ, huyện Tam Bình (Hạng mục: Cầu Sủ Phai)	2.124,9	Xã Bình Ninh	Tam Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	926,5	926,5			1.198,4			X		Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh	X	X	X	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023 theo Văn bản đăng ký của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	
14	Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực TX Bình Minh và huyện Tam Bình (cầu Ông Bay)	1.443,2	Xã Phú Thạnh	Tam Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	500,0		500,0		943,2			X		Quyết định 2634/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 và 2140/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh	X	X	X		
15	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu Cầu An Bình đến phà An Bình), xã An Bình, huyện Long Hồ	291.500,0	Xã An Bình	Long Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	54.700,0		45.400,0	9.200,0	236.800,0			X		Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh	X	X	X		
16	HITTL Thanh Đức - Long Mỹ huyện Long Hồ và huyện Mang Thít	153.300,0	Xã Mỹ An	Mang Thít	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	102.500,0	34.100,0	53.100,0	15.300,0	50.800,0			X		Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 8/4/2022 của UBND tỉnh	X	X	X		









STT	Tên Công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố	Đơn vị đăng ký	Số lượng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )				Giá mua bán (tỷ đồng)	Hình thức sử dụng	Loại ngành kinh doanh	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, hồ sơ địa tư, hồ sơ xin	Cơ chế đầu tư	Dự kiến khởi công năm	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Chú chú
						Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp								
						Tổng số	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm									
30	Nhà văn hóa thể thao cụm ấp Long Hưng - Thành Hưng - Hưng Quới - Long Quới, xã Thành Đức	1.200,0	Xã Thành Đức	Long Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.200,0					x	Tỉnh + huyện	Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
31	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thành Đức	6.000,0	Xã Thành Đức	Long Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.800,0	4.800,0		1.200,0		x	Tỉnh + huyện	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
32	Trường Tiểu học thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít	3.000,0	Thị trấn Cái Nhum	Mang Thít	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.000,0			3.000,0		x	Huyện	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
33	Công viên triển lãm huyện Tam Bình	31.000,0	Thị trấn Tam Bình	Tam Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	31.000,0			31.000,0		x	Đư PTTT	Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
34	Trung tâm thể thao triển lãm huyện Tam Bình	2.000,0	Thị trấn Tam Bình	Tam Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000,0			2.000,0		x	Đư PTTT	Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
35	Cầu xã Đông Thành, thị xã Bình Minh	4.000,0	Xã Đông Thành	TX. Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Bình Minh	2.700,0	600,0		2.100,0	1.300,0	x	Tỉnh + thị xã	Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND thị xã	
36	Đường từ cầu Ngã Tư đến đường tỉnh 910, thị xã Bình Minh	23.800,0	Xã Thuận An	TX. Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Bình Minh	2.400,0	21.500,0		2.000,0	1.400,0	x	Tỉnh + thị xã	Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND thị xã	
37	Khu tái định cư dân cư khóm 4, phường Thành Phước (giai đoạn 1)	6.800,0	Phường Thành Phước	TX. Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Bình Minh	-				6.800,0	x	Thị xã	Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND TX. Bình Minh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND thị xã	
38	Khu tái định cư Khu công nghiệp Đông Bình, thị xã Bình Minh (giai đoạn 1)	90.000,0	Xã Đông Bình	TX. Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Bình Minh	85.500,0	59.700,0		23.800,0	6.500,0	x	Tỉnh (Doanh nghiệp) tỉnh	Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 08/02/2022 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND thị xã	
39	Khu tái định cư Khu công nghiệp Bình Tân (Khu công nghiệp Gầmca - Vĩnh Long, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long - giai đoạn 1)	98.600,0	Thị trấn Tân Quới	Bình Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	95.600,0	82.400,0		13.200,0	1.000,0		Tỉnh (Doanh nghiệp) tỉnh	Thông báo số 1227/TB-UBND ngày 01/10/2022 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện	
40	Trường Mầm Non 2, phường 2, TP.VL	5.470,0	Phường 2	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	3.400,0			2.900,0	500,0	x	Tỉnh + TP.VL	Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 1684/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
41	Trường Mầm Non 3, Phường 3, TP.VL	2.800,0	Phường 3	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	2.800,0			2.800,0		x	Tỉnh + TP.VL	Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND TP. Vĩnh Long	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
42	Bãi đậu xe phường 1, thành phố Vĩnh Long	1.900,0	Phường 1	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	-				1.900,0	x	TP.VL	Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND TP. Vĩnh Long	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
43	Mở rộng bãi đậu, bãi tập kết hàng hóa và điểm mua bán nông sản	7.839,0	Phường 1	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	-				7.839,0	x	TP.VL	Quyết định số 9327/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND TP.VL	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
44	Đường vào trường Mầm Non 2, phường 2, thành phố Vĩnh Long (GD 1 + GD 2)	4.000,0	Phường 2	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	800,0			800,0	3.200,0	x	TP.VL	Quyết định số 9326/QĐ-UBND ngày 07/9/2021, 3207/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND TP.VL	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
45	Đường vào Trường Mầm Non 3, Phường 3, thành phố Vĩnh Long	8.500,0	Phường 3	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	2.400,0			2.400,0	6.100,0	x	TP.VL	Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 09/10/2021 của UBND TP.VL	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
46	Đường dân sinh vận tải cơ C6 Chiến Phương 5, TP.VL	1.600,0	Phường 5	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	300,0			300,0	1.300,0	x	TP.VL	Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/07/2022 của UBND TP.VL	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	
47	Đường dân sinh Cầu Cái Cùn, Phường Trường An - TP. Vĩnh Long (đang mắc. Đường dân sinh Cầu Cái Cùn kết nối tiếp. Sân dân sự tổng)	2.649,6	phường Trường An	TP. Vĩnh Long	Ban QLDA ĐTXD TP.VL	-				2.649,6	x	TP.VL	Quyết định số 9325/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND TP.VL	x	x	Đư kiến bổ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TP.VL	



STT	Tên Công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm thực hiện		Đơn vị đăng ký	Sử dụng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )						Hình thức sử dụng			Loại nguồn vốn đầu tư TV, của Tỉnh, huyện, xã, nguồn khác	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bỏ trí vốn	Có chủ trương đầu tư	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Ghi chú						
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố		Tổng số	Đất nông nghiệp		Đất chôn cất	Đất phi nông nghiệp	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thuế đất	Đất	Đất chôn cất							Đất chôn cất	Đất chôn cất				
							Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm															Đất trồng cây khác	Đất khác	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
48	Trung Tâm Văn hóa - Thể thao cụm Phường 3, Phường 4	5.500,0	Phường 3	TP Vinh Long	Ban QLDA ĐTXD TPVL	5.500,0	5.500,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
49	Trung Tâm Văn hóa - Thể thao cụm Phường 1, Phường 5	3.734,0	Phường 5	TP Vinh Long	Ban QLDA ĐTXD TPVL	3.734,0	3.734,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
50	Nhà văn hóa (Kết hợp trụ sở làm việc: Ban nhân dân Khóm 4), phường 8, TP. Vinh Long	328,0	Phường 8	TP Vinh Long	Ban QLDA ĐTXD TPVL			328,0								x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
51	Trung tâm hành chính Phường 2	7.349,2	Phường 2	TP Vinh Long	Ban QLDA ĐTXD TPVL	3.422,8	3.422,8									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
52	Trung tâm hành chính Phường 4	1.859,1	Phường 4	TP Vinh Long	Ban QLDA ĐTXD TPVL	314,7	314,7									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
53	Đường vào trường Nguyễn Trãi GD2 (Đoạn giáp Trường Nguyễn Trãi đến công an Khu Ngoc-Vân)	1.600,0	Phường 3	TP Vinh Long	Phòng QLĐT	200,0	200,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
54	Đường cấp bê tông Cổ Chiến phường 5, TPVL (Đoạn từ Cầu Bạt đến giáp đường nhựa bê tông cổ Chiến)	7.800,0	Phường 5	TP Vinh Long	Phòng QLĐT	3.200,0	3.000,0	200,0								x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
55	Khu Tái định cư Phường 5	49.000,0	phường 5	TP Vinh Long	Phòng QLĐT	49.000,0	49.000,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND TPVL								
56	Trường Mầm non Nhom Bình (Mở rộng, điểm phụ ấp Bà Chua)	1.279,0	Xã Nhom Bình	Trà Ôn	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,0	500,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
57	Trường THCS Trà Ôn	7.500,0	Xã Trà Ôn	Trà Ôn	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.500,0	7.500,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
58	Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Trà Ôn	3.500,0	Xã Trà Ôn	Trà Ôn	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.500,0	3.500,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
59	Đường Rạch Dưng - Quang Đức	2.000,0	Xã Trung Chánh	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000,0	2.000,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
60	Trường mầm non giáo viên Thuận	3.500,0	Xã Hiếu Thuận	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD, Phòng TCKH, Phòng GDĐT	3.500,0	3.500,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
61	Trường tiểu học Huyện Văn Lợi	800,0	Xã Hiếu Thuận	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD, Phòng TCKH, Phòng GDĐT	800,0	800,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
62	Cầu Đập Ch. Lớn	900,0	Xã Hiếu Thuận	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD, Phòng TCKH	900,0	700,0	200,0								x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
63	Đường liên ấp Phú Cường	6.600,0	Xã Hiếu Thuận	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD, Phòng TCKH	6.600,0	6.600,0									x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								
64	Đường liên ấp Quang Trường	9.800,0	Xã Hiếu Thuận	Vĩnh Liêm	Ban QLDA ĐTXD, Phòng TCKH	9.800,0	5.000,0	4.800,0								x	x	Dự kiến bỏ trí vốn trong năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện								







Số: 116 /NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 6 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG  
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với nội dung như sau:

Bổ sung 16 công trình, dự án với tổng diện tích 305.450,4m<sup>2</sup> (Trong đó: diện tích đất trồng lúa là 74.698,4m<sup>2</sup>).

*(Kèm theo Phụ lục 1: Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long)*

Điều chỉnh 03 công trình, dự án với tổng diện tích 295.620,9m<sup>2</sup> (Trong đó, diện tích đất trồng lúa là 154.817,1m<sup>2</sup>).

*(Kèm theo Phụ lục 2: Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất điều chỉnh trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long).*

Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *qu*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin VP.Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Bùi Văn Nghiêm**





**DÃNH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH LONG**  
 Phụ lục 1  
 (Kèm theo Nghị quyết số *10* /NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vinh Long)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố	Đơn vị đang lý do nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )										Hình thức sử dụng	Loại nguồn vốn đầu tư	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn	Có chủ trương đầu tư	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023	Tạm hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Ghi chú
						Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp			Đất chưa sử dụng (đất bãi)		Chuyển mục đích sử dụng đất								
						Tổng số	Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất phi nông nghiệp	Đất khác trong nhóm đất nông	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng (đất bãi)	Chuyển mục đích sử dụng đất	Chuyển mục đích sử dụng đất								
<b>TOÀN TỈNH</b>		305.450,4				244.072,5	74.698,4	165.574,1	3.800,0	61.377,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	75.692,7				49.154,8	29.180,7	16.174,1	3.800,0	26.537,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>A.1</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH</b>	3.318,7				1.497,3	304,0	1.193,3	-	1.821,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Cầu Bông Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	3.048,0	Xã Vĩnh Xuân	Trà Ôn	Sở Giao thông vận tải	1.226,6	304,0	922,6	-	1.821,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Bổ sung vốn năm 2023		
2	Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2) - Công bố Trá Môn; bề rộng 270,73 m <sup>2</sup>	270,7	Xã Thuận Mỹ	Trà Ôn	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	270,7	270,7	270,7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Bổ sung vốn năm 2023 theo đề nghị của UBND thị xã Bình Minh		
<b>A.2</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN</b>	72.374,0				47.657,5	28.876,7	14.980,8	3.800,0	24.716,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Điện trung chuyển rác thải xã Bình Minh	8.500,0	Xã Thuận An	TX. Bình Minh	Ban QLDA DTXD thị xã Bình Minh	8.500,0	4.700,0	3.800,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Trường Mẫu giáo Tân Hưng, huyện Bình Tân	2.778,0	Xã Tân Hưng	Bình Tân	Ban QLDA DTXD huyện	2.778,0	2.778,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Thực hiện thủ tục thu hồi, giao đất		
5	Trường THCS Đồng Phú	8.500,0	Xã Đồng Phú	Long Hồ	Ban QLDA DTXD huyện	8.418,4	2.813,6	5.604,8	-	81,6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vốn năm 2023 của huyện Long Hồ		
6	Trường mẫu giáo Phú Quới	6.367,0	Xã Phú Quới	Long Hồ	BQL các Dự án DTXD huyện	6.367,0	4.495,0	1.872,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vốn năm 2023 của huyện Long Hồ		
7	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Phú Thuận A - Phú Thuận B - Phú Quới - Phú Hòa, xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít	2.000,0	Xã Nhơn Phú	Mang Thít	Ban QLDA DTXD huyện	2.000,0	2.000,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vốn năm 2023 của huyện Mang Thít		
8	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít	2.500,0	Xã Nhơn Phú	Mang Thít	Ban QLDA DTXD huyện	2.500,0	2.500,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Vốn năm 2023 của huyện Mang Thít		



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm thực hiện		Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )				Hình thức sử			Loại nguồn vốn đầu tư:	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn	Có chủ trương đầu tư	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố		Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng (đất bãi bồi)	Giao đất	Thuế đất	Chuyển mục đích sử dụng đất						
						Tổng số	Đất trồng lúa											
9	Trường trung học cơ sở Nhom Phú, huyện Mang Thít	3.100,0	Xã Nhom Phú	Mang Thít	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.989,0	1.989,0	1.111,0		x		Tỉnh + Huyện	Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Vốn năm 2023 của huyện Mang Thít		
10	Trung tâm hành chính xã Tân An Hội, huyện Mang Thít	4.000,0	Xã Tân An Hội	Mang Thít	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.035,0	1.965,0			x		Tỉnh + Huyện	Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh	x	x	Vốn năm 2023 của huyện Mang Thít		
11	Đường liên ấp Phước Trường - Quang Hòa (đán hiện đất)	8.140,0	Xã Quới An	Vũng Liêm	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.200,0	1.200,0	6.940,0		x		Tỉnh + Huyện	Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh	x	x	Bổ sung vốn năm 2023		
12	Đường liên ấp Quang Trạch - Quang Đức (Miền Ông Trá) (đán hiện đất)	5.489,0	Xã Trung Chánh	Vũng Liêm	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.458,1	100,0	3.930,9		x		Tỉnh + Huyện	Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh	x	x	Bổ sung vốn năm 2023		
13	Sân chừa kênh Ba Khương - từ kênh Sậy Đồn đến kênh Tư Ty	21.000,0	Xã Trung Ngãi, Xã Trung Nghĩa	Vũng Liêm	Phòng NN&PTNT huyện	8.347,0	2.250,0	12.653,0		x		Huyện	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh	x		Nhà nước và Nhân dân cùng làm; Nguồn kinh phí sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi bố trí ngân sách địa phương		
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	229.757,7				194.917,7	45.517,7	34.840,0										
B.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP THÌNH	9.917,7				9.917,7	-	-										
14	Trạm 110kV Tam Bình và đường dây đầu nối	6.417,7	Xã Hòa Lộc, xã Hòa Hiệp	Tam Bình	Công ty Điện lực Vĩnh Long	6.417,7	6.417,7			x		Vốn vay + Công ty	Quyết định số 3331/QĐ-BCT ngày 12/8/2016 của Bộ Công Thương; Văn bản số 3496/UBND-KTN ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh		x			
15	Trạm 110kV Trà Ôn và đường dây đầu nối	3.500,0	Xã Thiên Mỹ	Trà Ôn	Công ty Điện lực Vĩnh Long	3.500,0	3.500,0					Vốn vay + Công ty	Quyết định số 3331/QĐ-BCT ngày 12/8/2016 của Bộ Công Thương		x			
B.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN	219.840,0				185.000,0	149.400,0	34.840,0										
16	Khu đô thị mới Mỹ Hưng, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn	219.840,0	Xã Thiên Mỹ, thị trấn Trà Ôn	Trà Ôn	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	185.000,0	149.400,0	34.840,0		x		Xã hội hoá	Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND huyện Trà Ôn		x			



**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT ĐIỀU CHỈNH TRONG NĂM 2023**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH LONG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm thực hiện		Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )					Hình thức sử dụng đất			Loại nguồn vốn đầu tư: TW, của Tỉnh, huyện, xã, nguồn khác	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn	Có chủ trương đầu tư	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Ghi chú	
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố		Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng (đất bãi bồi)	Giao đất	Thuê đất	Chuyển mục đích sử dụng đất							
						Tổng số	Trong đó:													
							Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm												Các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp
<b>TOÀN TỈNH</b>		295.620,9				223.092,9	154.817,1	68.275,8	-	72.528,0	-									
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH</b>	246.668,3				178.636,6	153.990,1	24.646,5	-	68.031,7	-									
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Hòa Phú (Hạng mục đắp bờ bao và trồng cây xanh xung quanh khu đất)	147.600,0	Xã Hòa Phú	Long Hồ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	147.600,0	147.600,0						x		Tỉnh	Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 09/4/2021; 1219/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1385/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh	x	x	x	Điều chỉnh tên và diện tích thực hiện dự án
2	Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	99.068,3	Xã Thời Hoà, xã Trà Côn	Trà Ôn	Sở Giao thông Vận tải	31.036,6	6.390,1	24.646,5		68.031,7		x			TW+Tỉnh	Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016; 2094/QĐ-UBND 05/8/2021 của UBND tỉnh	x	x	x	Điều chỉnh diện tích dự án và diện tích các loại đất thu hồi
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN</b>	48.952,6				44.456,3	827,0	43.629,3	-	4.496,3	-									
3	Khu tái định cư Phường 5, thành phố Vĩnh Long	48.952,6	Phường 5	Tp. Vĩnh Long	Phòng Quản lý đô thị thành phố Vĩnh Long	44.456,3	827,0	43.629,3		4.496,3		x			Thành phố	Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND thành phố Vĩnh Long	x	x	x	Điều chỉnh diện tích dự án và diện tích các loại đất thu hồi



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117 /NQ-HĐND      Vinh Long, ngày 15 tháng 6 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**  
**KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 6**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*
- Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*
- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*
- Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*
- Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án;*
- Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng



đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án, nội dung cụ thể như sau:

- Bổ sung 14 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với tổng diện tích đất thực hiện dự án là 34,28ha, trong đó diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng đất là 7,55ha.

- Điều chỉnh diện tích 01 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại Phụ lục 8 của Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

*(Kèm theo Phụ lục: Tổng hợp danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa điều chỉnh, bổ sung trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8: Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa điều chỉnh, bổ sung trong năm 2023 theo từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố).*

Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / .mul

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin VP.Đoàn ĐBQH & HĐND;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Nghiê**



**Phụ lục**  
**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG**  
(Kèm theo Nghị quyết số ~~10~~ /NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình, dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú
	Toàn tỉnh	15	44,19	8,19	
I	Bổ sung công trình, dự án chuyên mục đích đất trồng lúa trong năm 2023	14	34,28	7,55	
1	Thành phố Vĩnh Long	1	4,90	0,08	Phụ lục 1
2	Thị xã Bình Minh	1	0,85	0,47	Phụ lục 2
3	Huyện Long Hồ	2	1,49	0,73	Phụ lục 3
4	Huyện Mang Thít	3	0,85	0,65	Phụ lục 4
5	Huyện Vũng Liêm	2	2,65	0,76	Phụ lục 5
6	Huyện Tam Bình	1	0,64	0,64	Phụ lục 6
7	Huyện Bình Tân	1	0,28	0,28	Phụ lục 7
8	Huyện Trà Ôn	3	22,63	3,94	Phụ lục 8
II	Điều chỉnh công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023	1	9,91	0,64	
1	Huyện Trà Ôn	1	9,91	0,64	Phụ lục 8





**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG TRONG NĂM 2023**  
**CỦA THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số **117** /NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vinh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú  (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
1	Khu tái định cư Phường 5, thành phố Vinh Long	Phường 5	Tờ 31, 32, 34, 35	4,90	0,08	Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND thành phố Vinh Long



Phụ lục 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC BÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG TRONG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
	<b>Toàn thị xã</b>			<b>0,85</b>	<b>0,47</b>	
1	Điểm trung chuyển rác thị xã Bình Minh	Xã Thuận An	Tờ 24, 25	0,85	0,47	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND thị xã Bình Minh

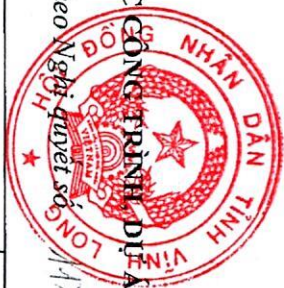


**Phụ lục 3**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG TRONG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
	<b>Toàn huyện</b>					
1	Trường THCS Đồng Phú	Xã Đồng Phú	Tờ 16	0,85	0,28	Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; 2209/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh
2	Trường mẫu giáo Phú Quốc	xã Phú Quốc	Tờ 12	0,64	0,45	Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh





**Phụ lục 4**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG TRONG NĂM 2023**  
**CỦA HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VINH LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số **117** /NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
	<b>Toàn huyện</b>					
1	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Phú Thuận A - Phú Thuận B - Phú Quới - Phú Hòa, xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít	Xã Nhơn Phú	Từ 6	0,20	0,20	Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh
2	Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít	Xã Nhơn Phú	Từ 23, 24	0,25	0,25	Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh
3	Trung tâm hành chính xã Tân An Hội, huyện Mang Thít	Xã Tân An Hội	Từ 11	0,40	0,20	Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BÒ SUNG TRONG NĂM 2023

Phụ lục 5

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)



STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
	Toàn huyện					
1	Đường liên ấp Quang Trạch - Quang Đức (Miếu Ông Tà) (dân hiến đất)	Xã Trung Chánh	Xã Trung Chánh	0,55	0,15	Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh
2	Sửa chữa kênh Ba Khương - từ kênh Sây Đôn đến kênh Tư Ty	Xã Trung Ngãi, Xã Trung Nghĩa	Xã Trung Ngãi, Xã Trung Nghĩa	2,10	0,61	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh



**Phụ lục 6**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG TRONG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số **12/2023/NQ-HĐND** ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
1	Toàn huyện Trạm 110KV Tam Bình và đường dây đầu nối	Xã Hòa Lộc, xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Lộc, xã Hòa Hiệp	0,64	0,64	Quyết định số 3331/QĐ-BCT ngày 12/8/2016 của Bộ Công Thương; Văn bản số 3496/UBND-KTN ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh





**Phụ lục 7**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỎ SUNG TRONG NĂM 2023**  
**CỦA HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VINH LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn/phường)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
1	Trường Mẫu giáo Tân Hưng, huyện Bình Tân	Xã Tân Hưng	Tờ 18, 19	0,28	0,28	Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh



**Phụ lục 8**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG NĂM 2023**  
**CỦA HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vinh Long)

STT	Tên dự án	Địa điểm (xã/thị trấn)	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Diện tích đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
	<b>Toàn huyện</b>			<b>32,54</b>	<b>4,58</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trong năm 2023</b>			<b>22,63</b>	<b>3,94</b>	
1	Cầu Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	Xã Vĩnh Xuân	Tờ 39	0,30	0,03	Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh; Công văn số 800/UBND-KTNV ngày 28/02/2023 UBND tỉnh
2	Trạm 110kV Trà Ôn và đường dây đấu nối	Xã Thiện Mỹ	Tờ 12, 18	0,35	0,35	Quyết định số 3331/QĐ-BCT ngày 12/8/2016 của Bộ công thương
3	Khu đô thị mới Mỹ Hưng, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn	Xã Thiện Mỹ, thị trấn Trà Ôn	Tờ 3, 7, 8, 11	21,98	3,56	Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND huyện Trà Ôn
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023</b>			<b>9,91</b>	<b>0,64</b>	
1	Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Xã Thới Hoà, xã Trà Côn	Xã Thới Hoà, xã Trà Côn	9,91	0,64	Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016; 2094/QĐ-UBND 05/8/2021 của UBND tỉnh



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023  
của huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ Trình số 3152/TTr-STNMT ngày 12 tháng 7 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tổng cộng có 17 công trình, dự án với tổng diện tích 358.010,7 m<sup>2</sup> (trong đó: diện tích đất trồng lúa 45.794,1 m<sup>2</sup>), đều phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trà Ôn đã được UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm:

+ Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận: 05 công trình, dự án với diện tích 325.727,0 m<sup>2</sup>;

+ Công trình, dự án khác (không do HĐND tỉnh chấp thuận): 12 công trình, dự án với diện tích 32.283,7 m<sup>2</sup>.

- Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích là 840.594,8 m<sup>2</sup> (trong đó chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 699.963,5 m<sup>2</sup>).

(Đính kèm theo Danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Trà Ôn và Danh sách các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 của huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn và đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Công bố công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... theo đúng bổ sung kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, P.CT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT, 4.08.04.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Văn Liệt**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023**  
**HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

*(Kèm theo Quyết định số 1798/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Địa điểm thực hiện (xã, thị trấn)	Đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Sử dụng từ các loại đất (m <sup>2</sup> )				Hình thức sử dụng			Loại nguồn vốn đầu tư: TW, của Tỉnh, huyện, xã, nguồn khác	Văn bản liên quan chủ trương đầu tư, bố trí vốn	Có chủ trương đầu tư	Dự kiến bố trí vốn trong năm 2023	Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Ghi chú		
					Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng (đất bãi bồi)	Giao đất							Thuê đất	Chuyển mục đích sử dụng đất
					Tổng số	Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp											
	<b>TOÀN HUYỆN</b>	<b>358.010,7</b>			<b>221.629,8</b>	<b>45.794,1</b>	<b>175.835,7</b>	<b>-</b>	<b>136.380,9</b>	<b>-</b>									
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CHẤP THUẬN</b>	<b>325.727,0</b>			<b>221.033,9</b>	<b>45.794,1</b>	<b>175.239,8</b>	<b>-</b>	<b>104.693,1</b>	<b>-</b>									
<b>A.1</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH)</b>	<b>102.387,0</b>			<b>32.533,9</b>	<b>6.694,1</b>	<b>25.839,8</b>	<b>-</b>	<b>69.853,1</b>	<b>-</b>									
1	Cầu Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	3.048,0	Xã Vĩnh Xuân	Sở Giao thông vận tải	1.226,6	304,0	922,6	-	1.821,4	x			Tỉnh	Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh; Công văn số 800/UBND-KTNV ngày 28/02/2023	x	x	x	Bổ sung vốn năm 2023	
2	Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	99.068,3	Xã Thới Hoà, xã Trà Cồn	Sở Giao thông Vận tải	31.036,6	6.390,1	24.646,5	-	68.031,7	x			TW+Tỉnh	Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/11/2016; 2094/QĐ-UBND 05/8/2021 của UBND tỉnh	x	x	x	Điều chỉnh diện tích dự án và diện tích các loại đất thu hồi	
3	Đê bao sông Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2) - Công hồ Trà Môn: bổ sung 270,73 m <sup>2</sup>	270,7	Thiện Mỹ	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	270,7	-	270,7	-	-	x			TW+Tỉnh	Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; 965/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh	x	x	x		
<b>A.2</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>223.340,0</b>			<b>188.500,0</b>	<b>39.100,0</b>	<b>149.400,0</b>	<b>-</b>	<b>34.840,0</b>	<b>-</b>									
<b>A.2.1</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP TỈNH</b>	<b>3.500,0</b>			<b>3.500,0</b>	<b>3.500,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>									
4	Trạm 110kV Trà Ôn và đường dây đầu nối	3.500	Xã Thiện Mỹ	Công ty Điện lực Vĩnh Long	3.500,0	3.500	-	-	-	x			Vốn vay + Công ty	Quyết định số 3331/QĐ-BCT ngày 12/8/2016 của Bộ công thương			x		
<b>A.2.2</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN</b>	<b>219.840,0</b>			<b>185.000,0</b>	<b>35.600,0</b>	<b>149.400,0</b>	<b>-</b>	<b>34.840,0</b>	<b>-</b>									
5	Khu đô thị mới Mỹ Hưng, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn	219.840,0	Xã Thiện Mỹ, thị trấn Trà Ôn	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện	185.000,0	35.600,0	149.400,0	-	34.840,0	x			Xã hội hoá	Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND huyện Trà Ôn			x		
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC</b>	<b>32.283,7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>595,9</b>	<b>-</b>	<b>595,9</b>	<b>-</b>	<b>31.687,8</b>	<b>-</b>									
6	Lập thủ tục giao đất (tờ 21, thửa 310)	557,9	Xã Xuân Hiệp	UBND xã	-	-	-	-	557,9	x			Khác				x	Lập thủ tục giao đất	
7	Lập thủ tục giao đất (tờ 24, thửa 55)	360,2	Xã Xuân Hiệp	UBND xã	-	-	-	-	360,2	x			Khác				x	Lập thủ tục giao đất	
8	Lập thủ tục giao đất (tờ 25, thửa 181)	895,9	Xã Xuân Hiệp	UBND xã	595,9	-	595,9	-	300,0	x			Khác				x	Lập thủ tục giao đất	
9	Lập thủ tục giao đất (tờ 15, thửa 158)	642,3	Xã Xuân Hiệp	UBND xã	-	-	-	-	642,3	x			Khác				x	Lập thủ tục giao đất	
10	Trường Mầm non Thuận Thới (lập thủ tục giao đất)	590,5	Xã Thuận Thới	Ban QLDADTXD huyện	-	-	-	-	590,5	x			Khác	Quyết định số 2287/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh	x		x	Lập thủ tục giao đất	





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ THỚI HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:35/TTr-UBND

Thới Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xin chuyển vị trí đặt bọng và bố trí thêm vị trí đặt bọng mới tại công trình Cầu – Đường đến trung tâm xã Nhơn Bình trên địa bàn xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**

**Kính gửi: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trà Ôn.**

Qua khảo sát thực tế hiện trạng dự án triển khai công trình Cầu – Đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình huyện Trà Ôn trong đó địa bàn xã Thới Hòa có 1,62 km nằm trong dự án để triển khai thực hiện, hiện tại đoạn đường trên cần chuyển vị trí đặt bọng và bố trí thêm vị trí ống bọng mới để phục vụ Tưới tiêu, khai thông nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp phát triển vườn cây ăn trái cho bà con nhân dân trong ấp.

Nay UBND Xã Thới Hòa lập tờ trình này trình Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trà Ôn xem xét chuyển vị trí đặt bọng và bố trí thêm vị trí đặt bọng mới cho phù hợp với hiện trạng thực tế tại địa phương vị trí đặt bọng như sau:

1. Bố trí đặt bọng mới tại vị trí nhà ông Phạm Văn Nga thuộc thửa đất số: Tách thửa: 116, tờ bản đồ số:12, phần đường kênh công cộng phục vụ sản xuất, tưới tiêu hơn 152 công.

**Lý do:** Vị trí kênh công cộng không có trong phương án bố trí đặt bọng của dự án công trình: Cầu – Đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình.

2. Chuyển vị trí đặt bọng từ hộ ông Trần Văn Giang tại Tách thửa:147, tờ bản đồ số:12 đến vị trí đặt bọng mới tại đất ông Lê Văn Ngươn thuộc tách thửa:151, tờ bản đồ số: 12, phần kênh công cộng phục vụ sản xuất, tưới tiêu hơn 100 công.

**Lý do:** Vị trí đặt bọng tại hộ ông Trần Văn Giang giáp với ông Đồng Văn Quận thuộc bọng cá nhân.

Rất mong sự xem xét của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện nhằm thực hiện nhiệm vụ chung.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đông Thị Trúc Linh**



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

## Biên Bản Họp Dân

Hôm nay vào lúc 16 giờ ngày 10-3-2023

- Địa điểm: Tại nhà ông: Phạm Văn Nga ngụ T.5 ấp Trường Hưng.

- Thành phần:

1- Địa: Huỳnh Văn Bé: chức vụ: Bí Thư Kim Trường Ấp

2- Địa: Nguyễn Minh Trí: " DT. Ấp, Thư Ký

- 3- Hộ dân tham dự: có mặt: 12/12 hộ

\* Nội Dung: Lấy ý kiến dân đặt ống bọng ngang lộ

- Thảo Luận: Bà con

\* Kết Luận chủ tọa:

- Ông: Huỳnh Văn Bé triển khai kế hoạch về việc làm lộ  
nửa xã trả còn về xã Chơn Hòa, Riêng ông  
ông Phạm Văn Nga và ông Huỳnh Công Lực có một ống  
bọng ngang lộ có nhiều hộ sử dụng

\* Ý kiến tập thể:

1- Ông: Phạm Văn Nga:

Cứ thời làm lúa cho đến trồng cam diện tích,  
vết ống sử dụng ống bọng này để tưới thoát nước trong  
mùa mưa lũ. Đề nghị cấp trên xem xét hỗ trợ  
bọng cho bà con sử dụng.

\* Số tập thể còn lại thống nhất 100% theo ý kiến của  
ông: Phạm Văn Nga đã nêu trên.

\* Kết Luận:

Thống nhất theo ý kiến của bà con trong cuộc họp  
Đề nghị cấp trên hỗ trợ ống bọng tập thể của bà con,  
Cuộc họp kết thúc vào lúc 17 giờ. 10 phút có đọc  
lại cho tập thể nghe đồng ý ký tên.



Chủ ký biên bản

Nguyễn

Nguyễn Minh Trí

Chủ trì cuộc họp

Nguyễn

Huyền Văn Bè

Đại diện Bộ Dân Kế Toán.

1. Phạm Văn Nga

Nguyễn

2. Huyền Công Hùng

Trần



- Danh sách: Dân Tham Sự:

Ký tên

1 - Ông: Phạm Văn Nga:

Nga

2 - Ông: Huỳnh Công Liệt:

Liệt

3 - Ông: Nguyễn Văn Hùng:

Hùng

4 - Bà: Huỳnh Thị Bò:

Bò

5 - Ông: Nguyễn Văn Chấn:

Chấn

6 - Ông: Lăng Văn Kỳ:

Kỳ

7 - Ông: Lăng Văn Cổ:

Cổ

8 - Bà: Lương Chi Ba:

Ba

9 - Ông: Nguyễn Văn Tú:

Tú

10 - Ông: Lăng Văn Tâm:

Tâm

11 - Ông: Trần Văn Sĩ:

Sĩ

12 - Ông: Lê Văn Tâm:

Tâm



# Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc 9 giờ, ngày 10/03/2023, tại nhà ông Trần Văn Giang, cư ngụ T.7, ấp Tủng Hông, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, Vĩnh Long.

### I. Thành phần tham dự:

1. Ông: Huỳnh Văn Bé - Bí Thư kiêm Trưởng ấp - làm chủ tọa.
2. Ông: Nguyễn Minh Trí - PT ấp, Thủ Ký.
3. Hộ có mặt: 09 hộ.

### II. Nội dung:

1. Lấy ý kiến các hộ dân khu vực để chuyển vị trí ông loong tại hộ ông Trần Văn Giang và ông Đông Văn Quân sang vị trí tại đất ông loong là Thi Năm (5 Ngõm) mang Tầm Tập Thể.

2. Ý kiến của địa phương.

3. Kết luận chủ tọa.

### \* Đi Vào Nội Dung

Ông: Huỳnh Văn Bé triển khai công trình thi công làm lộ nhựa đoạn từ xã Trà Ôn đến Thới Hòa. Riêng đoạn ấp Tủng Hông sẽ xây dựng lộ công mang Tầm tập thể để việc di chuyển nước về sau của địa phương được dễ dàng. Trong đó có công nêu trên.

### III. Ý kiến địa phương:

1. Ông: Đông Văn Quân

Hiện nay cũng như lâu dài thì cái công tại vị trí Trần Văn Giang giúp của tôi là mang Tầm cá nhân (chỉ 2 hộ giúp Rans sử dụng) còn cái loong tại vị trí đất của ông loong là Thi Năm (5 Ngõm) thì sử dụng nhiều hộ, mang Tầm tập thể với hộ là 14 hộ, diện tích hơn 100 công.

Tôi thống nhất chuyển ông loong từ vị trí đất ông Trần Văn Giang và của tôi là Đông Văn Quân sang vị trí xây loong tập thể tại đất của ông loong là Thi Năm (5 Ngõm) cho phù hợp hơn.

2. Tất cả địa phương trong cuộc họp đều thống nhất 100% theo ý kiến nêu trên của ông Đông Văn Quân. Không có ý kiến thêm, bớt hoặc ý kiến khác.

### IV. Kết luận:

1. Ông: Huỳnh Văn Bé



Cần lưu vào sổ sổ thống nhất của đơn con đã nêu trên.

Đề nghị trên xem xét chuyển ủy quyền cá nhân từ vị trí Ủy viên Văn Công giúp Ủy Ban Đoàn Văn Quân Sự vị trí công tác thế chỗ là Lê Thị Nam (5 Năm) để tập thể sử dụng sau này được đề nghị.

Biên bản có đọc lại cho các con cùng nghe và kết thúc lúc 10 giờ 25 phút cùng ngày.

Thư ký

*Nguyễn Minh Đức*

Nguyễn Minh Đức

Chủ tọa

*Nguyễn Văn Bè*

Nguyễn Văn Bè



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Quyết Tâm

Biên Bản Cuộc Họp Dân

Hôm Nay vào lúc 8h ngày 22-03-2023  
BND Ấp Thuận Kôn có tiến hành cuộc họp dân  
địa điểm tại nhà anh Thạch Sa phía tổ 14.

I) Thành phần

BND Ấp gồm có:

- 1) Đ/c Lê Thành Nhơn. DT - Trưởng Ấp. Chủ trì cuộc họp
  - 2) Đ/c Nguyễn Văn Sang. p. DT. T. B. C. T. M. T.
  - 3) Đ/c Thạch Sa Koa Hu. QH. (CCB) NCT
- Cộng 12 thành viên đại diện hộ tham dự.

II) Nội dung:

Chuyển đổi ông bong địa điểm Thạch Sang út  
địa điểm Thạch Sĩ phía tổ 14. qua địa điểm tổ 15  
qua ranh đất của ông Thạch Thuận và ông Thạch  
THI.

- Đ/c Lê Thành Nhơn triển khai một số nội dung  
có liên quan đến việc duy với ông bong tại chỗ  
ông Thạch Sang út đến địa điểm ông Thạch Thuận và  
ông Thạch THI.
- Sau này có kết nối ông bong nhỏ bên để tập thể  
phía trong sử dụng, nếu biết tin ông bong số liên  
báo nên thì tập thể phía trong cũng hưởng tiền  
và cùng sử dụng chung.
- Biên bản có đọc lại cho tập thể cùng nghe và  
thống nhất số 02.

Biên bản kết thúc vào lúc 9h cùng ngày,  
Thuận Kôn ngày 22-03-2023

Chủ trì cuộc họp đại diện tập thể người giữ liên kết

Thạch Sĩ
Thuận

Lê Thành Nhơn
Thạch Sĩ
Nguyễn Văn Sang

(8)

Thạch Thị Kim Trường

Quyết Tâm



Vĩnh Long, ngày 15 tháng 12 năm 2018

## BIÊN BẢN HIỆN TRƯỜNG

V/v Kiểm tra, thống nhất các vị trí lắp đặt cống thoát nước ngang đường trên tuyến,  
công trình: Cầu Và Đường Đến Trung Tâm Xã Nhơn Bình, Huyện Trà Ôn, Tỉnh  
Vĩnh Long

Hôm nay ngày 15./12./2018 tại hiện trường công trình Cầu Và Đường Đến Trung  
Tâm Xã Nhơn Bình, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long.

I/ Thành phần gồm có:

1/ ĐD Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông.

Ông: Hồ Văn Trí..... Chức vụ: PGD.....

Ông: Lê Quốc Hùng..... Chức vụ: CB/KT.....

2/ ĐD Phòng Kinh Tế Hạ Tầng huyện Trà Ôn.

Ông: Phạm Quốc Minh..... Chức vụ: Trưởng phòng.....

Ông: Lê Minh Tân..... Chức vụ: Công chức.....

3/ ĐD Phòng Nông Nghiệp huyện Trà Ôn.

Ông: Nguyễn Minh Thuận..... Chức vụ: phó phòng.....

Ông: Lê Văn Nam..... Chức vụ: CBKT.....

4/ ĐD UBND Xã Nhơn Bình

Ông: Bà Đặng Ngọc Mai..... Chức vụ: Chủ tịch.....

Ông: ..... Chức vụ: .....

5/ ĐD UBND Xã Trà Côn

Ông: Phan Chánh Vũ..... Chức vụ: chủ tịch.....

Ông: ..... Chức vụ: .....

6/ ĐD UBND Xã Thới Hòa

Ông: Nguyễn Văn Lâm..... Chức vụ: CHỦ TỊCH.....

Ông: ..... Chức vụ: .....

7/ ĐD Công ty TNHH TVTK Xây Dựng Hưng Thịnh

Ông: Nguyễn Phi Hùng..... Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Thọ..... Chức vụ: CBKT

II/ Nội dung: Các bên cùng đi thực tế hiện trường khảo sát, kiểm tra, rà soát các vị  
trí cần lắp đặt cống thoát nước ngang đường. Đoàn kiểm tra nhận thấy và thống nhất đề  
xuất bố trí hệ thống thoát nước ngang tuyến cụ thể sau:



• Bảng thông kê vị trí cống ngang trên tuyến.

+ Cống tuyến chính:

STT	TÊN CỐNG	VỊ TRÍ	LOẠI CỐNG	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG	GHI CHÚ
1	<b>C1</b>	Km0+249.42	D800	0.50	
2	<b>C2</b>	Km0+666.66	D800	0.05	
3	<b>C3</b>	Km0+749.66	D800	-0.10	
4	<b>C4</b>	Km0+856.27	D1500	-1.50	
5	<b>C5</b>	Km1+094.67	D800	-0.20	
6	<b>C6</b>	Km1+399.40	D800	-0.20	
7	<b>C7</b>	Km1+611.67	D1200	-0.50	
8	<b>C8</b>	Km2+592.81	D1200	-1.00	
9	<b>C9</b>	Km3+008.56	D800	-0.20	
10	<b>C10</b>	Km3+286.45	D800	0.20	
11	<b>C11</b>	Km3+927.13	D1000	0.20	

+ Cống đoạn bổ sung:

STT	TÊN CỐNG	VỊ TRÍ	LOẠI CỐNG	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG	GHI CHÚ
1	<b>C1</b>	Km0+000.00	D1000	-0.20	Cống 2 Thọ Thiết
2	<b>C2</b>	Km0+478.12	D1000	-0.20	Cống Kim Sa Rin
3	<b>C3</b>	Km0+783.84	D1200	-0.30	Cống Bà Dầy
4	<b>C3A</b>	Km1+822.24	D600	0.20	Cống Thạch Sáng Út, UB Xã Trà Côn Kiên nghị
5	<b>C4</b>	Km2+379.01	D1500	-0.75	Cống Chùa
6	<b>C5</b>	Km2+712.10	D1200	-0.75	Cống Tư Hiếu
7	<b>C5A</b>	Km2+895.26	D600	-0.20	Cống Thạch Sơn Nay, UB Xã Trà Côn Kiên nghị
8	<b>C6</b>	Km3+083.04	D1000	-0.75	Cống Chi Bôn
9	<b>C7</b>	Km3+862.53	D1000	-0.20	Cống Bé Tư
10	<b>C8</b>	Km4+911.94	D800	0.00	Cống Chín Phái
11	<b>C9</b>	Km5+145.62	D800	0.00	Cống Ranh Tường Hưng
12	<b>C10</b>	Km5+262.03	D600	0.00	Cống Tư Cui
13	<b>C11</b>	Km5+331.82	D600	0.00	Cống Sáu Quân
14	<b>C12</b>	Km5+544.52	D1500	-0.30	Cống Hai Đức
15	<b>C13</b>	Km5+717.01	D600	-0.30	Cống Ba Long



16	C14	Km5+769.42	D600	-0.30	Cống Tư Cường
17	C15	Km5+854.27	D600	-0.30	Cống Hùng Đồng
18	C16	Km5+914.04	D600	-0.30	Cống Hai Giang

Các bên cùng tham gia rà soát ngoài thực địa đã thống nhất các vị trí trên và ký vào biên bản, biên bản được lập thành . 4 bản, để làm cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc ...??. giờ 30.. phút cùng ngày.

**THÀNH PHẦN THAM GIA**

**BAN QLDA ĐTXD  
CÁC CTGT**



*Hồ Văn Tri*

**PHÒNG KTHT HUYỆN  
TRÀ ÔN**



*Phạm Quốc Minh*

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP  
HUYỆN TRÀ ÔN**



*Nguyễn Minh Thuận*

**UBND XÃ NHƠN BÌNH**



*Dặng Ngọc Minh*

**UBND XÃ TRÀ ÔN**



*Phan Chánh Vũ*

**UBND XÃ THỜI HÒA**



*Nguyễn Văn Lâm*

**CÔNG TY TNHH TVTK XD  
HÙNG THỊNH**



*GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Phi Hùng*

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 03 năm 2023

## BIÊN BẢN

Về việc kiểm tra, thống nhất các vị trí lắp đặt công thoát nước ngang đường phục vụ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh công trình đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Hôm nay, ngày 11/03/2023 tại công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

### I/ Thành phần gồm có:

#### 1/ ĐD: Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT

Ông: Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Lâm Thanh Phú Chức vụ: ĐHDA

#### 2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Trà Ôn

Ông: Nguyễn Minh Thuận Chức vụ: Phó trưởng phòng

#### 3/ ĐD: UBND xã Trà Côn

Ông: Phan Thanh Vũ Chức vụ: Chủ tịch

#### 4/ ĐD: UBND xã Thới Hòa

Ông: Nguyễn Anh Pha Chức vụ: Chủ tịch

#### 5/ ĐD: Công ty TNHH TVTK XD Hưng Thịnh

Ông: Lê Quý Lợi Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Thọ Chức vụ: CBKT

### II/ Nội dung:

Sau khi đi khảo sát hiện trường, kiểm tra, rà soát theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và thực tế hiện nay các vị trí cần lắp đặt công thoát nước ngang đường. Đoàn kiểm tra nhận thấy đề xuất bố trí hệ thống công thoát nước ngang đường cụ thể như sau:

UBND xã Trà Côn:







Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, được lập thành 2 bản có giá trị như nhau, để làm cơ sở thực hiện bước tiếp theo./.

### THÀNH PHẦN THAM GIA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**



*Nguyễn Minh Khoa*

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN TRÀ ÔN**



*Nguyễn Minh Thuận*

**UBND XÃ TRÀ CÔN**



*Phan Thanh Vũ*

**UBND XÃ THỜI HÒA**



*Nguyễn Anh Pha*

**PHỤ LỤC 1.2**  
**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**  
**MÔI TRƯỜNG NỀN**







TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thưởng, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
9	230508.NM.001	NM1: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)	Nước mặt
10	230508.NM.002	NM2: Vị trí xây Cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)	Nước mặt
11	230508.NM.003	NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)	Nước mặt

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quản trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.003)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	55,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,1	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,8	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	159	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	46	350
7	Carbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.462	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	31	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.003: KK1: Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, huyện Trà

Ôn (X= 1107598; Y= 553857)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.004)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,2	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,3	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,1	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,9	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	168	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	53	350
7	Carbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	4.115	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	52	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.004: KK2: Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc Ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1107746; Y= 555494)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thưng, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.005)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	45,6	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ (b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,4	-
3	Độ ẩm (b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,4	-
4	Tốc độ gió (b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,9	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	151	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	51	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.870	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	48	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.005: KK3: Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc Ấp Thôn Rôn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1107633; Y= 556162)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.006)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	42,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,2	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,6	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,7	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	148	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	54	350
7	Carbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.736	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	46	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.006: KK4: Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1106665; Y= 557574)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.007)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	42,8	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ (b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,0	-
3	Độ ẩm (b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,3	-
4	Tốc độ gió (b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) (b)	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	154	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) (b)	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	56	350
7	Carbon monoxit (CO) (b)	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.947	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) (b)	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	42	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.007: KK5: Giữa tuyến thuộc Ấp Tường Hùm, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106041; Y= 558880)

**VIMCERTS 076**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thưng, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230508.KK.008)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	58,1	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,3	-
3	Độ ẩm (b)	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,9	-
4	Tốc độ gió (b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,7	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	142	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	51	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.348	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	37	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230508.KK.008: KK6: Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc Ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện

Trà Ôn (X= 1105769; Y= 559182)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230508.Đ.001)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	4,87	150
4	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,04	70
5	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	14,6	100
6	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	52,3	200

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 230508.Đ.001: Đ1: Đất thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107643; Y= 553884)

# VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.Đ.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,58	70
4	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	14,2	100
5	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	45,2	200
6	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	5,40	150

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230508.Đ.002: Đ2: Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106046; Y= 558849)

**VIMCERTS 076**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230508.NM.001)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,46	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,66	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	19	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	24	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,77	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	28	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,3 x 10 <sup>3</sup>	7.500

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230508.NM.001: NMI: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230508.NM.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,48	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,47	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	84	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,94	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	57	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3,3 x 10 <sup>3</sup>	7.500

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230508.NM.002: NM2: Vị trí xây Cầu Già Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 01509/2023/PKQ-THH (23.1917)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230508.NM.003)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,49	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,05	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	52	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	27	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,76	10
8	Clorua (Cl) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	56	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,4 x 10 <sup>3</sup>	7.500

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230508.NM.003: NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cự Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



- Chủ đầu tư** : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH VĨNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu** : CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH, HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG
- Địa chỉ lấy mẫu** : Xã Trà Côn và Xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long
- Ngày lấy mẫu** : 08/05/2023
- Ngày trả kết quả** : 19/05/2023
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	230509.KK.065	KK1: Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn (X= 1107598; Y= 553857)	Không khí xung quanh
2	230509.KK.066	KK2: Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc Ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107746; Y= 555494)	Không khí xung quanh
3	230509.KK.067	KK3: Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc Ấp Thôn Rôn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107633; Y= 556162)	Không khí xung quanh
4	230509.KK.068	KK4: Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Già Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106665; Y= 557574)	Không khí xung quanh
5	230509.KK.070	KK5: Giữa tuyến thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106041; Y= 558880)	Không khí xung quanh
6	230509.KK.071	KK6: Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc Ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105769; Y= 559182)	Không khí xung quanh
7	230509.Đ.010	Đ1: Đất thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107643; Y= 553884)	Đất
8	230509.Đ.011	Đ2: Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106046; Y= 558849)	Đất

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thưởng, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
9	230509.NM.024	NM1: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)	Nước mặt
10	230509.NM.025	NM2: Vị trí xây Cầu Già Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)	Nước mặt
11	230509.NM.027	NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)	Nước mặt

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.065)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	56,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,3	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,2	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	148	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	54	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.445	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	32	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.065: KK1: Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn (X= 1107598; Y= 553857)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.066)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	55,0	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,5	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,6	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,9	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	168	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	56	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	4.117	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	48	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.066: KK2: Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc Ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1107746; Y= 555494)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.067)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	46,8	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,1	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,1	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,7	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	151	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	51	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.838	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	43	200



**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.067: KK3: Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc Ấp Thôn Rôn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1107633; Y= 556162)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thưởng, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.068)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	43,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,2	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,8	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	154	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	52	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.714	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	46	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.068: KK4: Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1106665; Y= 557574)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.070)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	43,8	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,4	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,3	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	151	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	48	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.918	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	42	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.070: KK5: Giữa tuyến thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106041; Y= 558880)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quản trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyền 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230509.KK.071)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	57,7	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,3	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,0	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,9	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	142	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	49	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.313	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	36	200

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230509.KK.071: KK6: Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc Ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105769; Y= 559182)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quản trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230509.Đ.010)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	4,40	150
4	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,63	70
5	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	14,8	100
6	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	51,4	200

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 230509.Đ.010: Đ1: Đất thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107643; Y= 553884)

**VIMCERTS 076**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 9/13





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.Đ.011)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,87	70
4	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	13,9	100
5	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	44,8	200
6	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	4,01	150

**Chú thích:** (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 230509.Đ.011: Đ2: Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106046; Y= 558849)

# VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

**Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230509.NM.024)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,50	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,27	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	20	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	23	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,73	10
8	Clorua (Cl) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	29	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,3 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230509.NM.024: NMI: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiêu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.NM.025)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,49	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,27	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	78	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	30	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,93	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	56	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3,1 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230509.NM.025: NM2: Vị trí xây Cầu Già Dách thuộc Ấp Ngã Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01510/2023/PKQ-THH (23.1913)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230509.NM.027)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,46	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,76	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	56	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	29	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,86	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	57	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,1 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230509.NM.027: NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



- 1. Chủ đầu tư : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH VĨNH LONG
- 2. Địa điểm lấy mẫu : CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH, HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG
- 3. Địa chỉ lấy mẫu : Xã Trà Côn và Xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long
- 4. Ngày lấy mẫu : 09/05/2023
- 5. Ngày trả kết quả : 19/05/2023
- 6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	230510.KK.059	KK1: Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn (X= 1107598; Y= 553857)	Không khí xung quanh
2	230510.KK.060	KK2: Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc Ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107746; Y= 555494)	Không khí xung quanh
3	230510.KK.061	KK3: Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc Ấp Thôn Rôn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107633; Y= 556162)	Không khí xung quanh
4	230510.KK.062	KK4: Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106665; Y= 557574)	Không khí xung quanh
5	230510.KK.063	KK5: Giữa tuyến thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106041; Y= 558880)	Không khí xung quanh
6	230510.KK.064	KK6: Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc Ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105769; Y= 559182)	Không khí xung quanh
7	230510.Đ.013	Đ1: Đất thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107643; Y= 553884)	Đất
8	230510.Đ.014	Đ2: Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106046; Y= 558849)	Đất

- 1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
9	230510.NM.016	NM1: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)	Nước mặt
10	230510.NM.017	NM2: Vị trí xây Cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)	Nước mặt
11	230510.NM.018	NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)	Nước mặt

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC

ThS. Phạm Thị Hải Yến

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.059)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	57,6	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,3	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	64,6	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	1.009	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	151	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	49	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.434	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	33	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.059: KK1: Điểm đầu dự án, tại vị trí giao với Đường tỉnh 907, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn (X= 1107598; Y= 553857)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.060)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>		TCVN 7878-2:2018	55,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>		QCVN 46-2012/BTNMT	31,4	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,9	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,7	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	165	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	53	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	4.075	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	47	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.060: KK2: Giữa tuyến, gần trường Tiểu học Trà Côn C, thuộc Ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107746; Y= 555494)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.061)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	44,6	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,2	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,8	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	159	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	52	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.847	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	44	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.061: KK3: Giữa tuyến, gần chùa Sangchayvathmay thuộc Ấp Thôn Rôn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1107633; Y= 556162)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.062)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	41,3	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,1	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,2	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	151	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	56	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.708	30.000
8	Nitơ đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	45	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.062: KK4: Giữa tuyến tại vị trí xây cầu Giã Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn

(X= 1106665; Y= 557574)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cự Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.063)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	43,2	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,5	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,5	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,8	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	160	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	51	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.925	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	42	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.063: KK5: Giữa tuyến thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106041; Y= 558880)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cù Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.KK.064)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn <sup>(a,b)</sup>	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	57,9	70 <sup>(1)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,4	-
3	Độ ẩm <sup>(b)</sup>	%	QCVN 46-2012/BTNMT	63,9	-
4	Tốc độ gió <sup>(b)</sup>	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,9	-
5	Bụi tổng số (TSP) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	145	300
6	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	48	350
7	Cacbon monoxit (CO) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	QT-PTKCO-29	3.326	30.000
8	Nito đioxit (NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	39	200

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 230510.KK.064: KK6: Điểm cuối tuyến, tại nút giao với Đường tỉnh 901 thuộc Ấp Tường Thịnh, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105769; Y= 559182)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.D.013)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	6,85	150
4	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,30	70
5	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	13,9	100
6	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	53,3	200

**Chú thích:** (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 230510.D.013: Đ1: Đất thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107643; Y= 553884)

# VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.Đ.014)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT : 2015/ BTNMT
					Đất nông nghiệp
1	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,40)	15
2	Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,049)	1,5
3	Chì (Pb) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	3,92	70
4	Đồng (Cu) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	12,3	100
5	Kẽm (Zn) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	47,6	200
6	Crom (Cr) <sup>(b)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	4,01	150

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 230510.Đ.014: Đ2: Đất thuộc Ấp Tường Hưng, xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1106046; Y= 558849)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.NM.016)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,44	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	4,64	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	17	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	22	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,75	10
8	Clorua (Cl) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	29	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,4 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230510.NM.016: NMI: Sông Trà Ngoa tại vị trí xây dựng Cầu Trà Ngoa, thuộc Ấp Trà Ngoa, xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn (X= 1107748; Y= 553907)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

## CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 230510.NM.017)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	7,30	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	5,04	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	80	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	32	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,91	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	58	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,8 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230510.NM.017: NM2: Vị trí xây Cầu Già Dách thuộc Ấp Ngãi Lộ B, xã Trà Cồn, Huyện Trà Ôn (X= 1106669; Y= 557574)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thù Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang  
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01503/2023/PKQ-THH (23.1915)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Mã hóa mẫu: 230510.NM.018)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT
					Cột B1
1	pH <sup>(b)</sup>		TCVN 6492:2011	6,20	5,5 ÷ 9
2	Oxy hòa tan (DO) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 7325 : 2016	5,55	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	54	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	15
5	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	31	30
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,009)	0,9
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,78	10
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	56	350
9	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,2 x 10 <sup>3</sup>	7.500

**Chú thích:** (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 230510.NM.018: NM3: Vị trí xây Cầu Trạm Bơm thuộc xã Thới Hòa, Huyện Trà Ôn (X= 1105883; Y= 559023)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

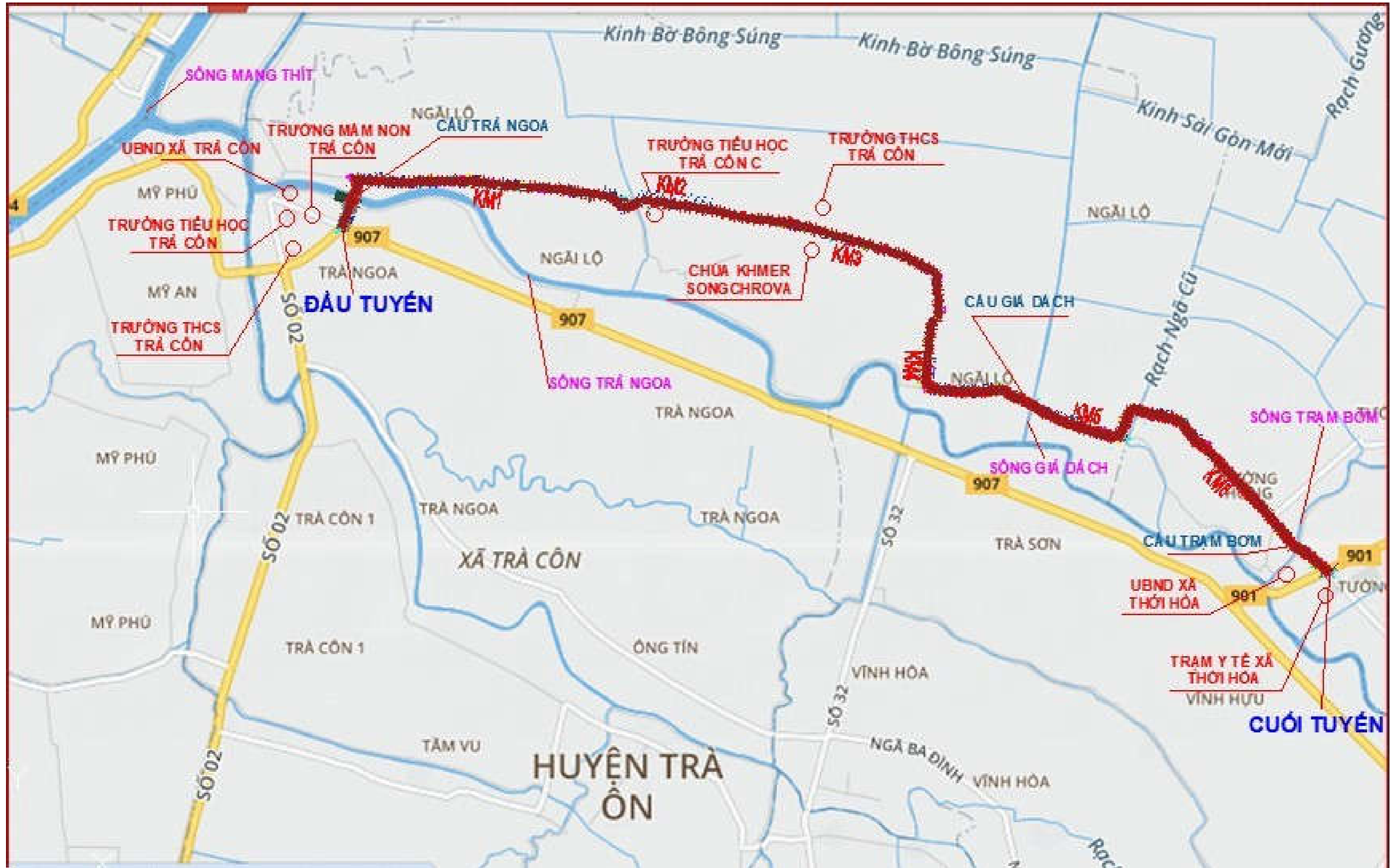
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

**PHỤ LỤC II**  
**CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ**  
**CỦA DỰ ÁN**

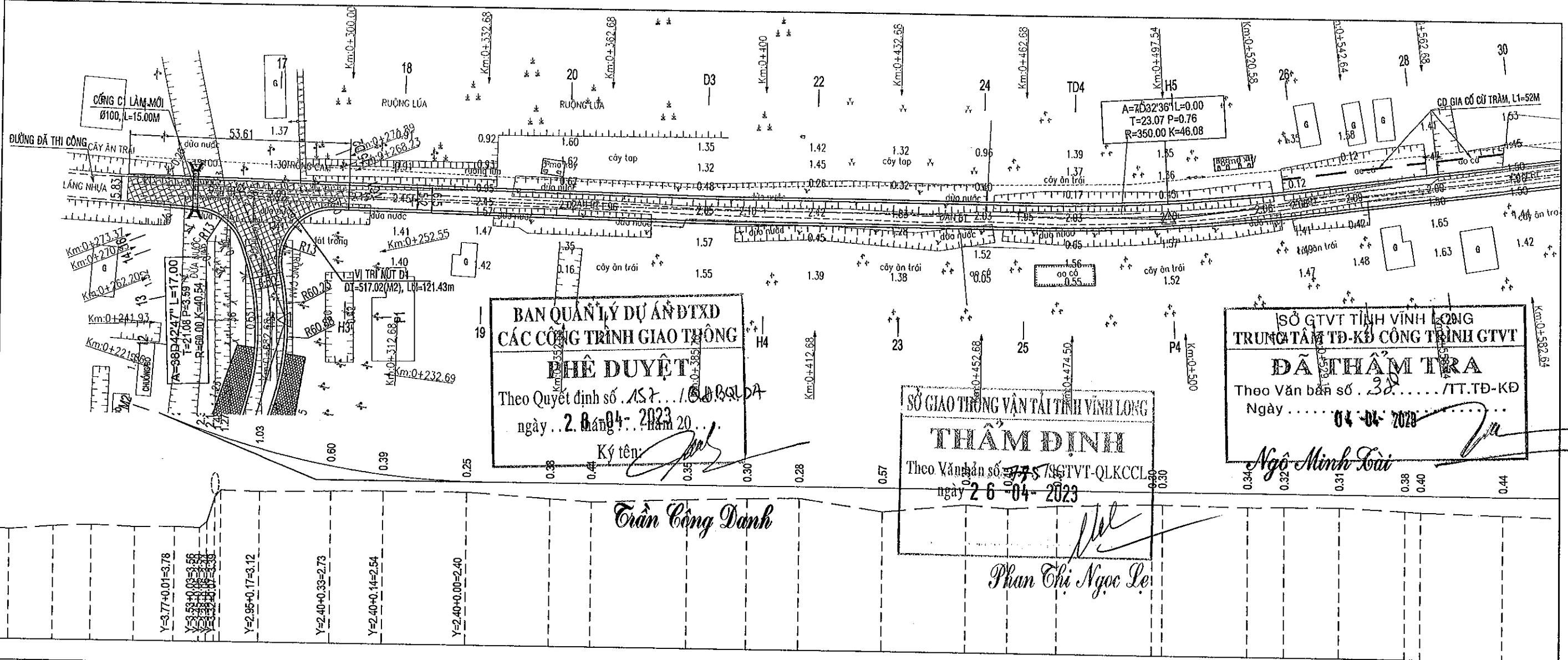


# BÌNH ĐỒ TOÀN TUYẾN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH, HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG







**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**PHÊ DUYỆT**  
Theo Quyết định số 157... /QĐ-BQLĐA  
ngày 28 tháng 04 năm 2023  
Ký tên: *Trần Công Danh*

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VINH LONG**  
**THẨM ĐỊNH**  
Theo Văn bản số 775 /SGTVT-QLKCLL  
ngày 26-04-2023  
Ký tên: *Phan Thị Ngọc Lê*

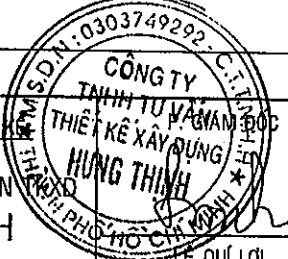
**SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**TRUNG TÂM TĐ-KĐ CÔNG TRÌNH GTVT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Theo Văn bản số 32... /TT.TĐ-KĐ  
Ngày 04-04-2023  
Ký tên: *Ngô Minh Tài*

4.00%																															
138.01	5.39	4.95	4.58	4.15	3.78	3.56	3.50	3.39	3.12	2.73	2.54	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	
	1.12	1.21	1.25	1.21	1.23	1.21	1.21	1.09	2.09	2.13	2.15	2.15	2.40	2.02	1.96	2.05	2.10	2.12	2.40	1.83	2.03	1.95	2.03	2.10	2.10	2.40	2.06	2.08	2.09	2.40	2.40
	11.03	9.24	10.62	9.65	6.03	1.88	1.88	9.31	17.32	12.68	20.00	20.00	10.00	23.08	14.24	12.68	20.00	20.00	10.00	11.82	23.04	2.05	20.58	8.62	13.45	16.10	3.94	19.96	17.36		
	221.66	232.69	241.93	252.55	262.20	268.23	270.05	273.99	282.68	300.00	312.68	332.68	352.68	362.68	385.76	400.00	412.68	432.68	452.68	462.68	474.50	497.54	500.00	520.58	528.19	542.64	558.74	562.68	582.64		
TD1		P1		TC1	15 D2				H3		18	19		21		H4	22	23		25		P4	TC4		27		29		30		
		12		13	14	16	17		H3							D3					24		TD4		26		28				
									H3							H4							H5								
	A=38D4247" R=60.00 K=40.54 T=21.08 P=3.59 l=4.00 LN=17.00 W=0.75 WL=0.75		112D45'22"												1D2'14"						A=7D32'38" R=350.00 K=46.08 T=23.07 P=0.76										

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
SỞ GTVT TỈNH VINH LONG  
BAN QUẢN LÝ ĐÀT XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG:**  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
HƯNG THỊNH



**THIẾT KẾ:** HUYỀN PHẠM LÊ HUY  
**KIỂM TRA:** TÔN THẮT HÙNG  
**CHỦ TRÌ TK:** HOÀNG ANH TUẤN  
**CHỦ NHIỆM TK:** NGUYỄN VĂN BAO

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:**  
CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG  
ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG  
HẠNG MỤC: GIAO THÔNG  
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỚI HÒA HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG

**BÌNH ĐỒ - TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ**

TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KỶ HIỆU
1/1000: 1/100	..... /..... / 2023....	BV 3 / 15	ĐÀT_HTO

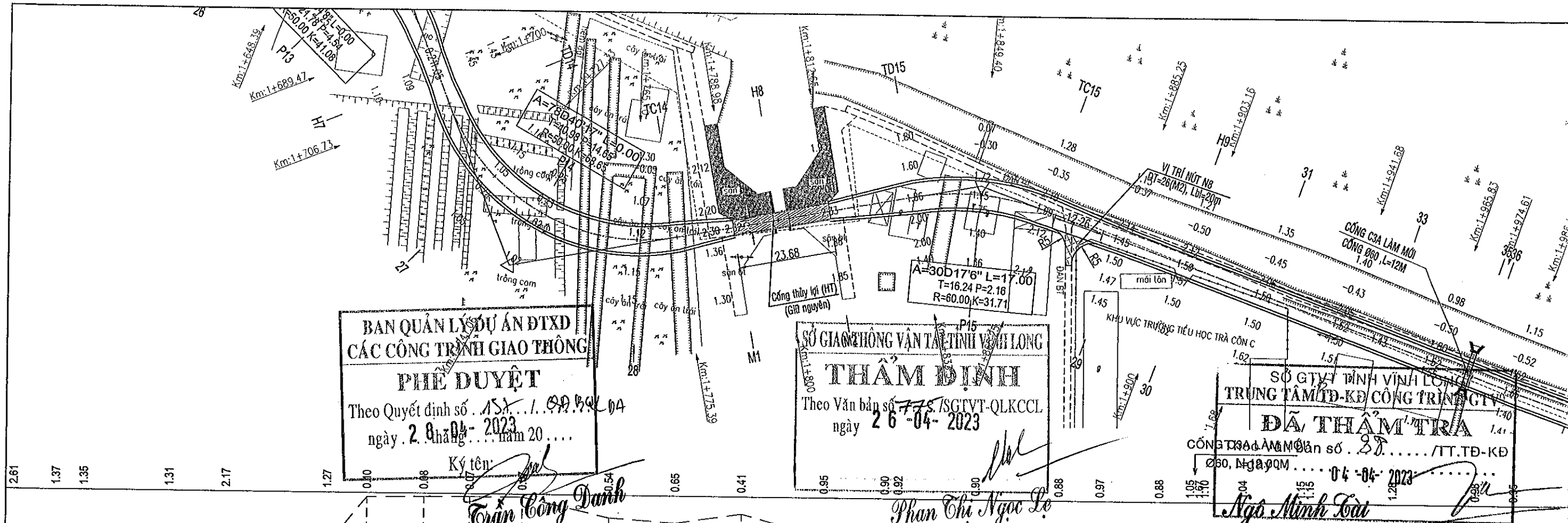












2.61	1.37	1.35	1.31	2.17	1.27	0.80	0.88	0.85	0.41	0.95	0.90	0.92	0.90	0.88	0.97	0.88	1.05	1.10	0.04	1.15	1.28	1.25	1.25	1.12	1.42	1.45		
2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	
-0.21	1.03	1.05	1.09	0.23	1.13	2.30	2.32	2.33	2.33	1.86	1.75	1.99	1.45	1.50	1.48	1.50	1.52	1.43	1.52	1.35	1.36	1.36	1.25	1.25	1.12	1.42	1.45	
10.53	6.73	20.59	13.73	24.64	9.68	13.59	11.02	12.65	20.88	15.86	15.86	20.00	14.75	3.16	18.53	20.00	10.00	14.15	7.51	17.16	10.27	13.98	2.16	20.03	20.00	9.46	14.18	
1689.47	1700.00	1706.73	1727.33	1741.06	1765.70	1775.39	1788.98	1800.00	1812.65	1833.54	1849.40	1865.25	1885.25	1900.00	1903.16	1921.68	1941.68	1951.68	1965.83	1973.34	1974.67	1986.04	2000.00	2002.16	2022.19	2042.19	2051.65	
C13	H7	TD14	27	P14	28	TC14	M1	H8	M2	TD15	P15	TC15	29	30	H9	31	32	33	34	C3A	37	D16	1	2	3			
	H7							H8						H9						3536		KM2						

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
**SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**BAN QUẢN LÝ ĐÁT XÂY DỰNG**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN**  
**HƯNG THỊNH**

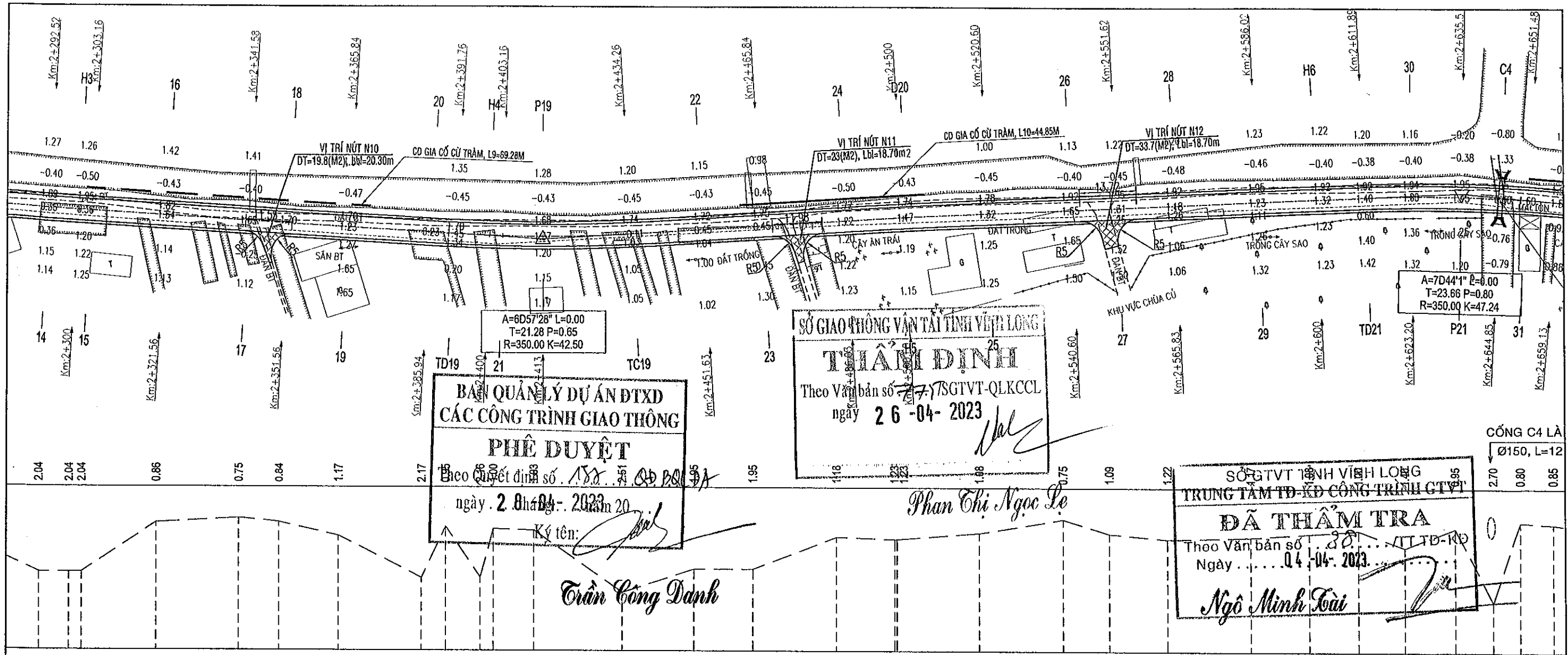
**THIẾT KẾ:** HUYNH PHẠM LÊ HUY  
**KIỂM TRA:** TÔN THẮT HÙNG  
**CHỦ TRÌ TK:** HOÀNG ANH TUẤN  
**CHỦ NHIỆM TK:** NGUYỄN VĂN BAO

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:**  
**CÔNG TRÌNH:** CẦU VÀ ĐƯỜNG  
**ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG**  
**HẠNG MỤC:** GIAO THÔNG  
**ĐỊA ĐIỂM:** XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG

**BÌNH ĐỒ - TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ**

TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KÝ HIỆU
1/1000: 1/100	..... / ... / 2023...	BV 8 / 15	ĐÁBT_HTO



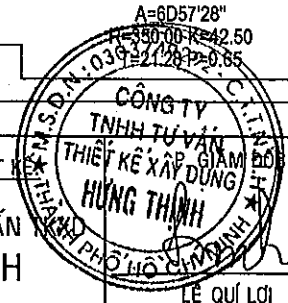


**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số 158/QĐ-ĐLĐĐ  
 ngày 28/04/2023  
 Ký tên: Trần Công Danh

**SỞ GIAO THÔNG VÀ TÀI CHÍNH TỈNH VINH LONG**  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số 77/SGTVT-QLKCL  
 ngày 26-04-2023  
 Phan Thị Ngọc Lê

**SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**TRUNG TÂM TD-KD CÔNG TRÌNH GTVT**  
**ĐÃ THĂM TRA**  
 Theo Văn bản số 20/TTĐ-KD  
 Ngày 04-04-2023  
 Ngô Minh Tài

0.0%																													
4333.18																													
2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40		
0.36	0.36	0.36	1.54	1.65	1.56	1.23	0.23	1.45	0.24	1.40	1.37	-0.11	0.45	0.45	1.22	1.17	1.17	1.32	1.65	1.31	1.18	1.23	1.32	1.40	1.00	1.45	-0.30	1.60	1.55
7.48	3.16	18.40	20.02	9.98	14.28	20.10	5.82	8.24	3.16	9.85	21.25	17.36	14.21	20.19	13.97	20.00	20.00	11.02	14.21	20.19	13.98	11.89	11.31	12.31	9.34	6.64	7.64	6	
2292.52	2300.00	2303.16	2321.56	2341.56	2351.56	2365.84	2385.94	2391.76	2400.00	2403.16	2413.01	2434.26	2451.63	2465.84	2485.03	2500.00	2500.60	2520.60	2540.60	2551.62	2565.83	2586.02	2600.00	2611.89	2623.20	2635.51	2644.85	2651.48	2659.13
14	15		17	18	19	TD19	21		TC19	23		H5	25		27		29	TD21		P21	31								
H3	H3	16		18		20	H4	P19		22		24	D20		26		28		H6		30	C4	TC21						
H3							H4					H5						H6											



**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
**SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**BAN QUẢN LÝ ĐÁT XÂY DỰNG**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN**  
**HƯNG THỊNH**

**THIẾT KẾ:** HUỖNH PHẠM LÊ HUY  
**KIỂM TRA:** TÔN THẮT HÙNG  
**CHỦ TRÌ TK:** HOÀNG ANH TUẤN  
**CHỦ NHIỆM TK:** NGUYỄN VĂN BAO

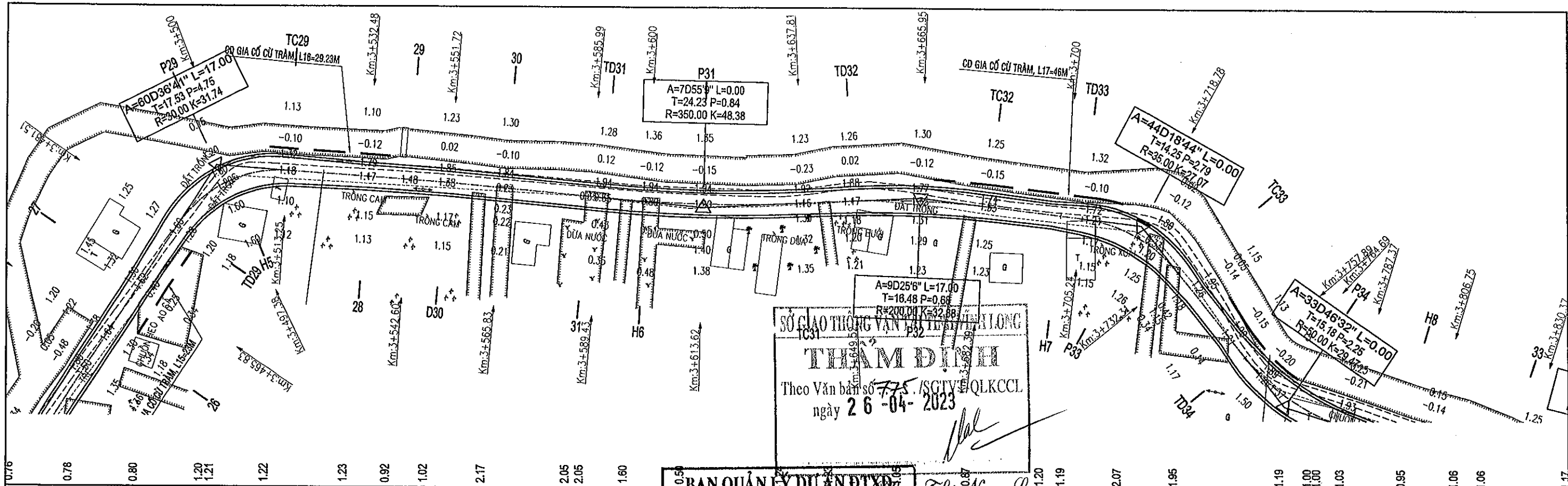
**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:**  
**CÔNG TRÌNH:** CẦU VÀ ĐƯỜNG  
**ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG**  
**HẠNG MỤC:** GIAO THÔNG  
**ĐỊA ĐIỂM:** XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG

**BÌNH ĐỒ - TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ**

TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KÝ HIỆU
1/1000: 1/100	..... / .... / 2023.....	BV 10 / 15	ĐAĐT_HTO







SỞ GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN VIỆT NAM  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số 775/SGTVT-QLKCCCL  
 ngày 26-04-2023

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số 151/1.000/BQLDA  
 ngày 28 tháng 04 năm 2023  
 Ký tên: *Trần Công Danh*

SỞ GTVT TỈNH VINH LONG  
**TRUNG TÂM TD-KD CÔNG TRÌNH GTVT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số 38/TT.TD-KD  
 Ngày 04-04-2023  
*Ngô Minh Hải*

0.76	0.78	0.80	1.20	1.21	1.22	1.23	0.92	1.02	2.17	2.05	2.05	1.60	0.58	0.58	0.87	1.20	1.19	2.07	1.95	1.19	1.00	1.03	0.95	1.06	1.06	1.17	
2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
1.64	1.62	1.60	1.20	1.19	1.18	1.17	1.48	1.38	0.23	0.35	0.35	0.80	1.90	1.16	1.17	1.35	1.53	1.20	1.21	0.33	0.45	1.21	1.37	1.45	1.34	1.34	1.23
14.80	15.69	15.87	2.62	13.25	19.23	10.12	9.12	14.11	20.16	3.44	10.57	13.62	24.19	11.71	16.44	16.44	17.61	5.24	13.53	13.53	25.58	14.74	14.74	12.63	6.75	20.00	
3465.83	3481.51	3497.38	3500.00	3513.25	3532.48	3542.60	3551.72	3565.83	3585.99	3589.43	3600.00	3613.62	3637.81	3649.52	3665.95	3682.39	3700.00	3705.24	3718.78	3732.31	3757.89	3772.63	3787.37	3800.00	3806.75	3826.75	
27	TD29	H5	TC29	28	D30	30	TD31	P31	TD32	TC32	H7	P33	TC33	TD34	TC34	H8	33										
	H5			H6				H6			H7			H8													
W=1.00 WL=1.00 I=5.00 LN=17.00 A=60D36'41" R=30.00 K=31.74 T=17.53 P=4.75			1D148"			A=7D55'9" R=350.00 K=48.38 T=24.23 P=0.84			W=0.35 WL=0.35 I=3.00 LN=15.00 A=9D25'6" R=200.00 K=32.88 T=16.48 P=0.68			W=1.00 WL=1.00 I=5.00 LN=17.00 A=44D18'44" R=35.00 K=27.07 T=14.25 P=2.79			A=33D46'32" R=50.00 K=29.47 T=15.18 P=2.25 I=4.00 LN=17.00 W=0.75 WL=0.75												

**CHỦ ĐẦU TƯ:** **SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**BAN QUẢN LÝ ĐÁT XÂY DỰNG**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:** **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỘC LẬP HƯNG THỊNH**  
 LÊ QUÍ LỢI

**THIẾT KẾ:** HUỖNH PHẠM LÊ HUY  
**KIỂM TRA:** TÔN THẮT HÙNG  
**CHỦ TRÌ TK:** HOÀNG ANH TUẤN  
**CHỦ NHIỆM TK:** NGUYỄN VĂN BAO

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:**  
**CÔNG TRÌNH:** CẦU VÀ ĐƯỜNG  
**HẠNG MỤC:** GIAO THÔNG  
 ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG  
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ƠN - TỈNH VINH LONG

**BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ**

TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KÝ HIỆU
1/1000: 1/100	..... / ... / 2023....	BV 14 / 15	ĐAĐT_HTO

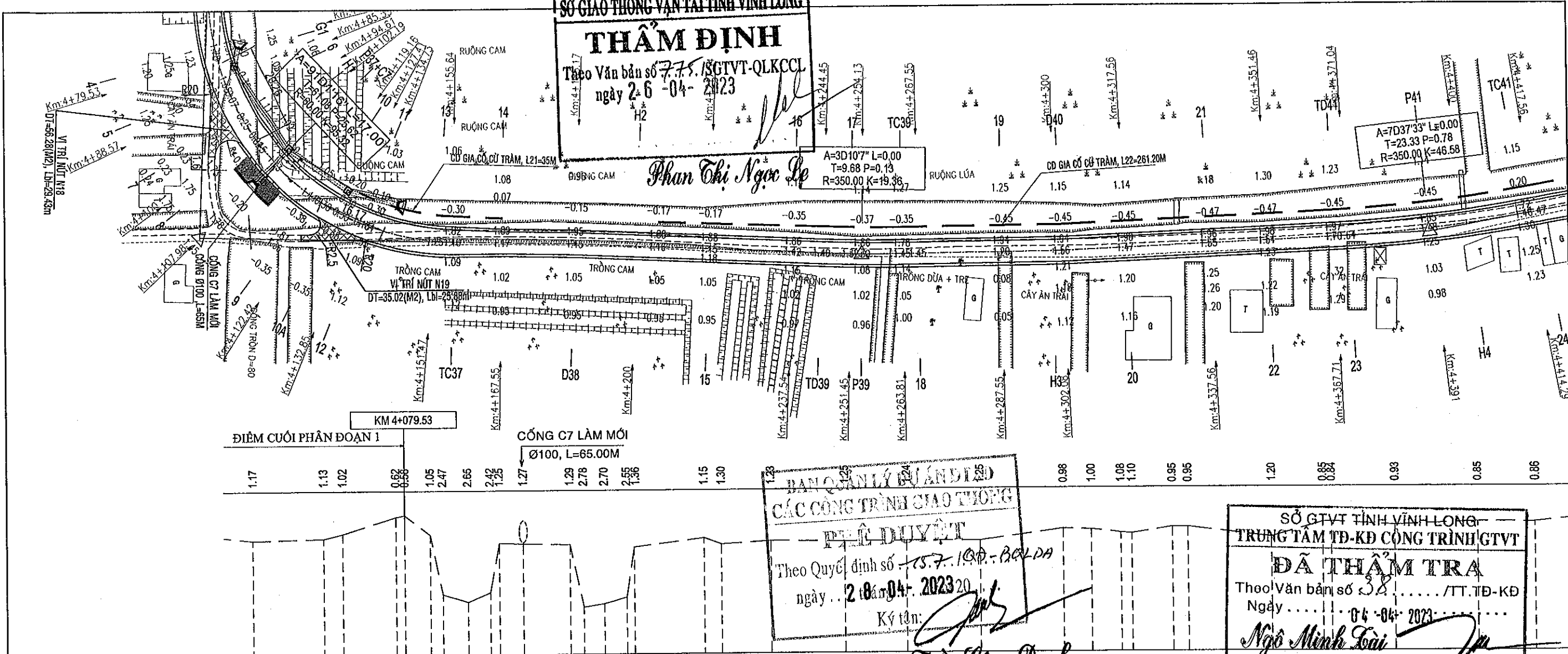




**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VINH LONG**  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số 775/SGTVT-QLKCC  
 ngày 26-04-2023  
 Phan Chi Ngọc Lê

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỀU**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số 15.7.10.0.0 - BQLDA  
 ngày 28/04/2023  
 Ký tên: Trần Công Danh

**SỞ GTVT TỈNH VINH LONG**  
**TRUNG TÂM TB-KD CÔNG TRÌNH GTVT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số 38/TT.TB-KD  
 Ngày 04-04-2023  
 Ngô Minh Tài



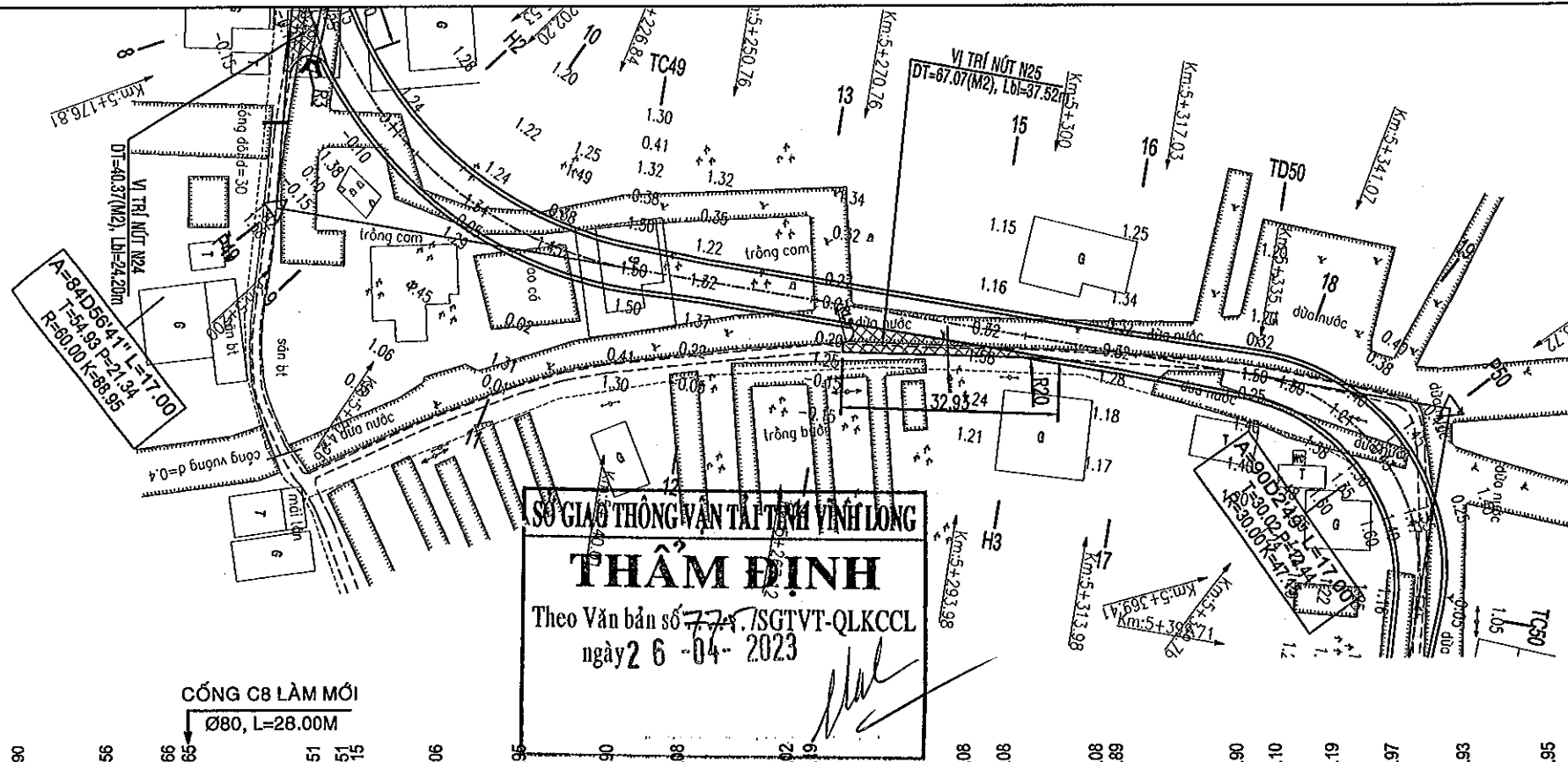
BÌNH ĐỒ SƠ LƯỢC																																		
DỐC ĐỌC THIẾT KẾ (%)																																		
CAO ĐỘ THIẾT KẾ TİM ĐƯỜNG (M)	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40									
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)	1.23	1.27	1.38	1.78	1.82	1.35	0.07	0.25	0.02	1.15	1.43	1.11	0.38	0.30	0.15	1.04	1.25	1.10	1.17	1.15	1.16	1.15	1.42	1.40	1.32	1.30	1.45	1.45	1.20	1.58	1.58	1.47	1.55	1.54
KHOẢNG CÁCH LỀ (M)	29	17.37	4.55	12.56	2.10	6.01	3.04	6.04	5.39	2.13	5.79	11.18	3.26	4.99	5.44	16.73	4.17	11.91	17.82	14.83	17.54	20.00	6.91	7.00	2.68	9.68	3.74	20.00	12.45	2.08	15.48	20.00	13.90	16
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN (M)	4042.95	4060.32	4064.87	4077.45	4079.55	4085.53	4088.57	4094.61	4100.00	4102.19	4107.98	4119.16	4122.42	4127.41	4132.85	4134.73	4151.47	4155.64	4167.55	4185.17	4200.00	4217.54	4237.54	4244.45	4251.45	4254.13	4263.81	4267.55	4287.55	4300.00	4302.08	4317.56	4337.56	4351.46
TÊN CỌC	2	TD37	3	4	5	7	8	9	10A	12	TC37	D38	15	TD39	P39	18	19	H3	20	21	22													
LY TRÌNH	H1											H2					H3																	
ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	A=91D1*16 R=60.00 K=95.32 T=61.08 B=25.62 L=4.00 N=22.00 W=0.75 W0=0.75											1D12*31"					A=3D10*7" R=350.00 K=19.36 T=9.68 P=0.13								1D5*7"									

<b>CHỦ ĐẦU TƯ:</b> SỞ GTVT TỈNH VINH LONG BAN QUẢN LÝ ĐÀT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TKXD HƯNG THỊNH	THIẾT KẾ KIỂM TRA CHỦ TRÌ TK CHỦ NHIỆM TK LÊ QUÍ LỢI	HUỖNH PHẠM LÊ HUỤY TÔN THẮT HÙNG HOÀNG ANH TUẤN NGUYỄN VĂN BAO	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG: CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG HẠNG MỤC: GIAO THÔNG ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG	<b>BÌNH ĐỒ - TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ</b>			
					TỈ LỆ 1/1000: 1/100	HOÀN THÀNH ..... / ..... / 2023.....	BẢN VẼ SỐ BV 1 / 10	KÝ HIỆU DABT_HTO









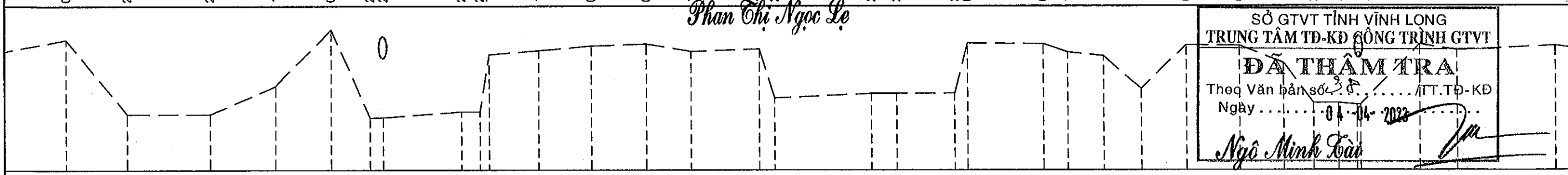
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
 CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số 757/QĐ-BQLĐA  
 ngày 28/04/2023, 20....  
 Ký tên:

*Trần Công Danh*

SỞ GIAO THÔNG VÀ TÀI CHÍNH VINH LONG  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số 774/SGTVT-QLKCC  
 ngày 26/04/2023

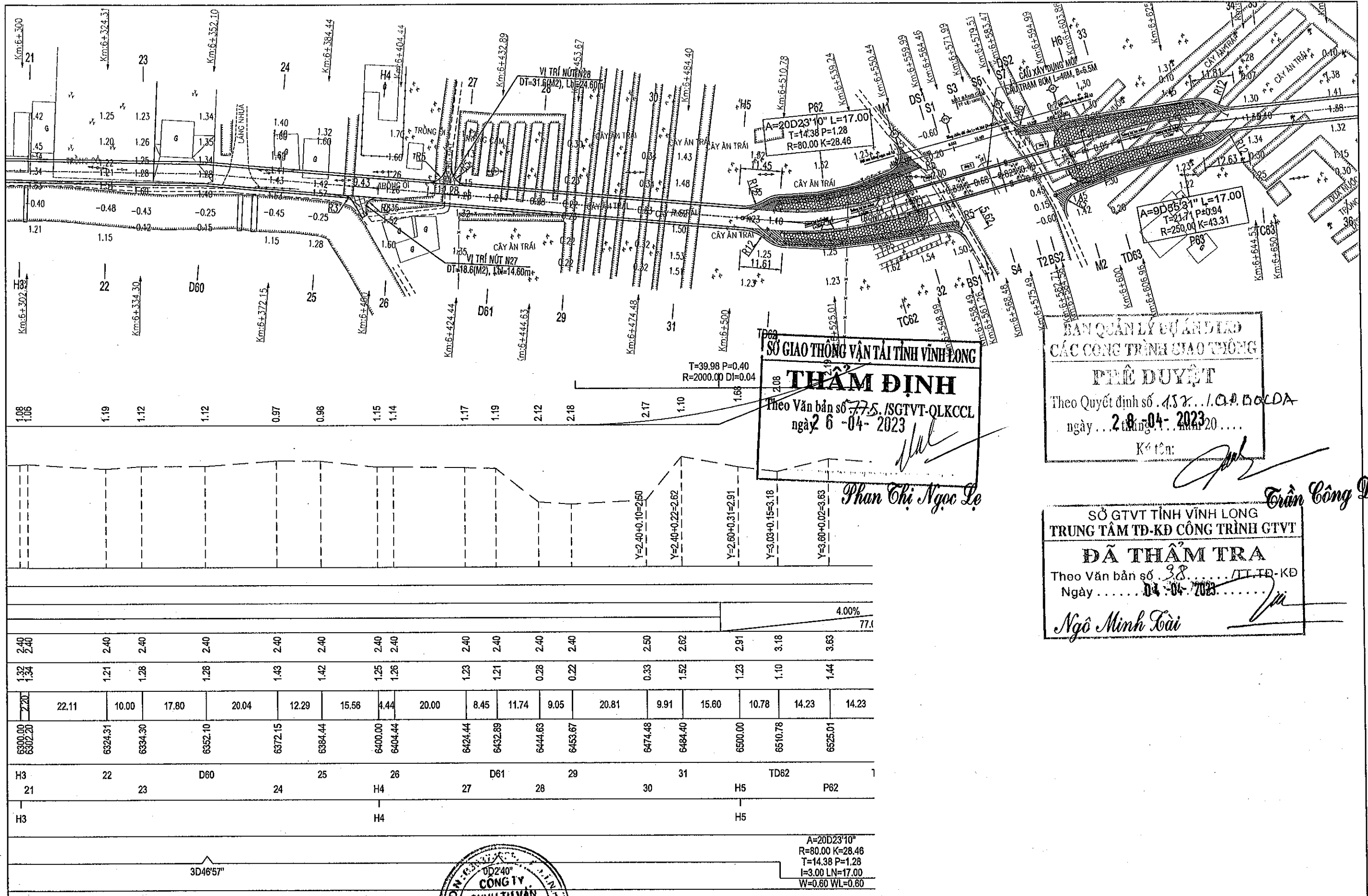
*Phan Thị Ngọc Lê*

SỞ GTVT TỈNH VINH LONG  
 TRUNG TÂM TD-KD CÔNG TRÌNH GTVT  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số 38/TT.TD-KD  
 Ngày 04/04/2023  
*Ngô Minh Đào*



17.64	14.88	20.00	16.18	13.25	9.43	3.08	18.72	4.47	2.20	12.08	12.58	13.17	10.75	16.37	3.63	23.22	6.02	13.98	3.05	18.12	5.92	8.69	8.96	10.69	12.88	10.42	7.29	6.04	4.46	14.59	8.85	23.57	
5100.00	5114.88	5134.88	5151.06	5164.31	5173.73	5176.81	5195.53	5200.00	5202.20	5214.26	5226.84	5240.01	5250.76	5267.12	5270.76	5293.98	5300.00	5313.98	5317.03	5335.15	5341.07	5349.76	5358.72	5369.41	5382.29	5392.71	5400.00	5406.04	5410.50	5411.36	5425.95	5434.80	5458.37
H1	5	6	TD49	7	8	C8	P49	9	H2	10	11	TC49	12	13	14	15	H3	16	17	18	19	P50	20	TC50	21	H4	22	C9	23	P51	TC51		
H1									H2								H3										H4						
A=84D56'41" R=60.00 K=88.95 T=54.93 P=21.34 l=4.00 LN=22.00 W=0.75 WL=0.75										W=1.00 WL=1.00 l=5.00 LN=33.00 A=90D2'49" R=30.00 K=47.15 T=30.02 P=12.44										A=7D43'0" R=350.00 K=47.14 T=23.61 P=0.80													

CHỦ ĐẦU TƯ: <b>SỞ GTVT TỈNH VINH LONG</b> BAN QUẢN LÝ ĐÁT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: <b>CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TKXD HƯNG THỊNH</b>	GIÁM ĐỐC THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG HƯNG THỊNH	THIẾT KẾ HUỖNH PHẠM LÊ HUY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG: CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG HẠNG MỤC: GIAO THÔNG ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG	<b>BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ</b>
			KIỂM TRA TÔN THẤT HÙNG		



**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG**  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số 775 /SGTVT-QLKCCCL  
 ngày 6-04-2023

*Phan Thị Ngọc Lê*

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DTLĐ**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số 457... /QĐ.BQLDA  
 ngày 28-04-2023

*Trần Công Danh*

**SỞ GTVT TỈNH VĨNH LONG**  
**TRUNG TÂM TD-KD CÔNG TRÌNH GTVT**  
**ĐÃ THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số 38... /TT.TD-KD  
 Ngày 04-04-2023

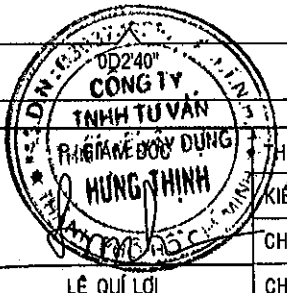
*Ngô Minh Tài*

A=20D23'10"  
 R=80.00 K=28.46  
 T=14.38 P=1.28  
 l=3.00 LN=17.00  
 W=0.60 WL=0.80

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
**SỞ GTVT TỈNH VĨNH LONG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG**  
**CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TKXD**  
**HÙNG THỊNH**



THIẾT KẾ	HUYNH PHẠM LÊ HUY
KIỂM TRA	TÔN THẤT HÙNG
CHỦ TRÌ TK	HOÀNG ANH TUẤN
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN VĂN BAO

*Phan Thị Ngọc Lê*  
*Tôn Thất Hùng*  
*Hoàng Anh Tuấn*  
*Nguyễn Văn Bao*

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:**  
**CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG**  
**ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**  
**HẠNG MỤC: GIAO THÔNG**  
**ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH - XÃ THỜI HÒA HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

<b>BÌNH ĐỒ - TRẮC DỌC THIẾT KẾ</b>			
TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KÝ HIỆU
1/1000: 1/100	..... /... / 2023....	BV 9 / 10	ĐAĐT_HTO





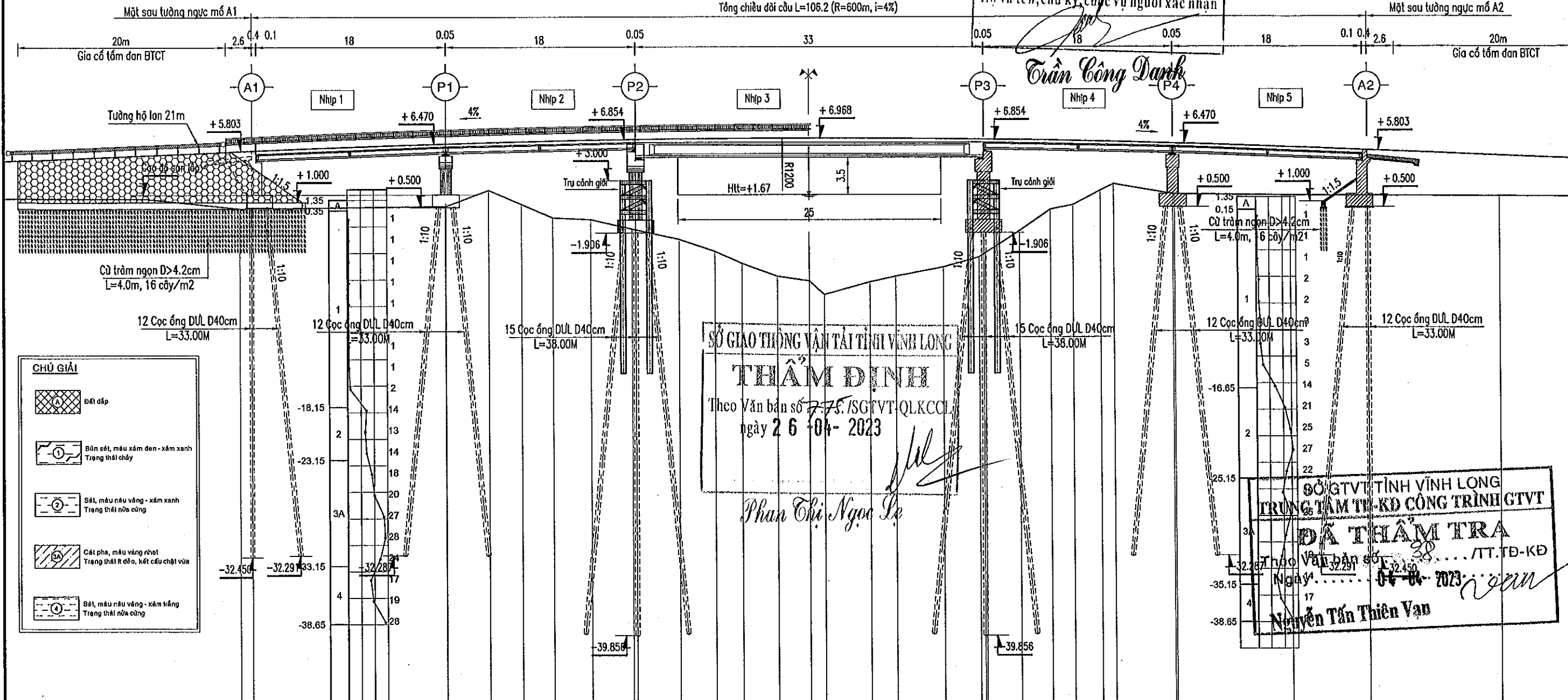


**BỐ TRÍ CHUNG CẦU TRÀ NGOA**  
TỶ LỆ: 1/400

Tổng chiều dài cầu L=106.2 (R=600m, i=4%)

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
**BẢN VẼ THI CÔNG**  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
..... ngày 28 tháng 4 năm 2023  
Họ và tên, chữ ký, chức vụ người xác nhận

*Trần Công Danh*



**CHÚ GIẢI**

- Bê tông
- Bùn sét, màu xám đen - xám xanh  
Trạng thái chảy
- Sét, màu nâu vàng - xám xanh  
Trạng thái nửa cứng
- Cát pha, màu vàng nhạt  
Trạng thái R dẻo, kết cấu chặt vừa
- Sét, màu nâu vàng - xám trắng  
Trạng thái nửa cứng

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (M)	0.40	0.41	0.59	0.61	2.11	0.78	0.48	0.66	1.55	1.62	2.52	3.65	4.79	6.00	6.45	7.73	6.55	6.00	5.15	4.20	3.81	1.74	0.25	0.70	2.03	2.65	1.72	1.70	1.58	1.55	1.50
CỰ LY LỀ (M)	1.21	18.47	0.66	4.07	3.17	2.98	3.58	3.91	4.10	3.49	2.53	3.34	3.06	1.44	4.25	2.49	4.52	3.39	3.26	2.95	2.13	2.62	1.30	5.64	10.96	7.41	12.59				
TÊN CỌC	M1	T1	S1	S3	T2	S6	S8	S10	S12	S14	S15	S17	BS2	T4	15	M2	16														
	11	12	BS1	S2	S4	S5	S7	S9	S11	S13	T3	S16	S18	13	14																



<b>CHỦ ĐẦU TƯ:</b> SỞ GTVT TỈNH VĨNH LONG BAN QUẢN LÝ ĐÁBT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:</b> CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TKXD HƯNG THỊNH	LÊ QUÝ LỢI	THIẾT KẾ: HUỲNH PHẠM LÊ HUY	<b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:</b> CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG HẠNG MỤC: CẦU TRÀ NGOA ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH, THỚI HÒA - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG	<b>BỐ TRÍ CHUNG CẦU</b>			
			KIỂM TRA: TÔN THẮT HÙNG		CHỦ TRÌ TK: TÔN THẮT HÙNG	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN VĂN BAO	TỈ LỆ:	HOÀN THÀNH: ...../ 2023

# BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ CẦU

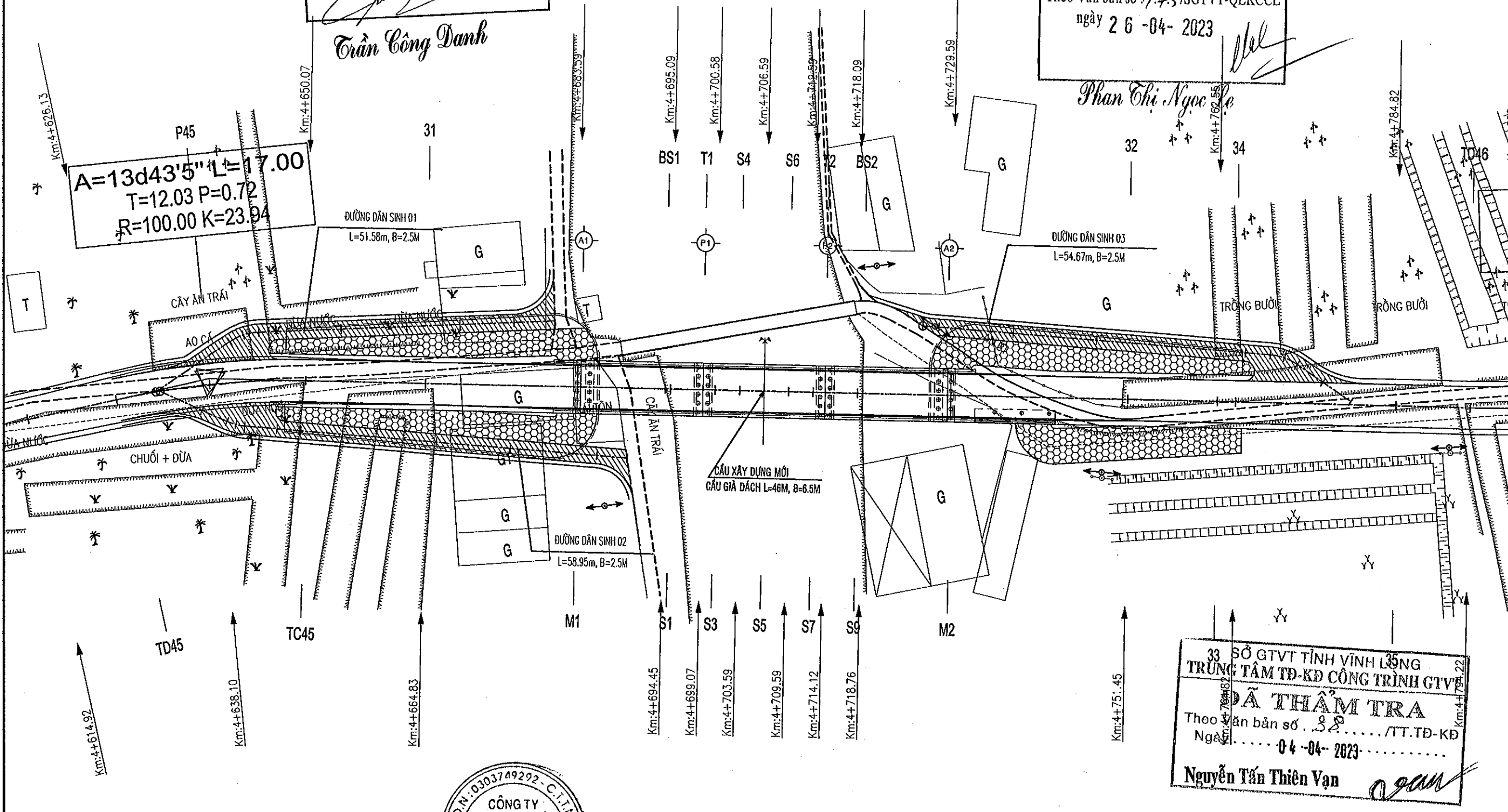
TỶ LỆ : 1/500

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
**BẢN VẼ THICÔNG**  
ĐÃ PHÊ DUYỆT  
..... ngày 28 tháng 04 năm 2023  
Họ và tên, chữ ký, chức vụ người xác nhận

*Trần Công Danh*

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG  
**THẨM ĐỊNH**  
Theo Văn bản số 775/SGTVT-QLKCCCL  
ngày 26-04-2023

*Phan Thị Ngọc Lê*



$A=13d43'5''$   $L=17.00$   
 $T=12.03$   $P=0.72$   
 $R=100.00$   $K=23.94$

33 35  
SỞ GTVT TỈNH VĨNH LONG  
TRUNG TÂM TĐ-KĐ CÔNG TRÌNH GTVT  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Theo Văn bản số 32/TT.TĐ-KĐ  
Ngày 04-04-2023  
Nguyễn Tấn Thiên Vạn



<b>CHỦ ĐẦU TƯ:</b> SỞ GTVT TỈNH VĨNH LONG BAN QUẢN LÝ ĐAĐT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:</b> CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ GIÁM SÁT <b>HƯNG THỊNH</b> LÊ QUI LỢI	THIẾT KẾ HUỲNH PHẠM LÊ HUY	<b>THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:</b> CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG HẠNG MỤC: CẦU GIÀ DÁCH ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH, THỊ HÒA - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG	<b>BÌNH ĐỒ CẦU</b>			
			KIỂM TRA TÔN THẤT HÙNG					



# BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ CẦU

TỶ LỆ : 1/500

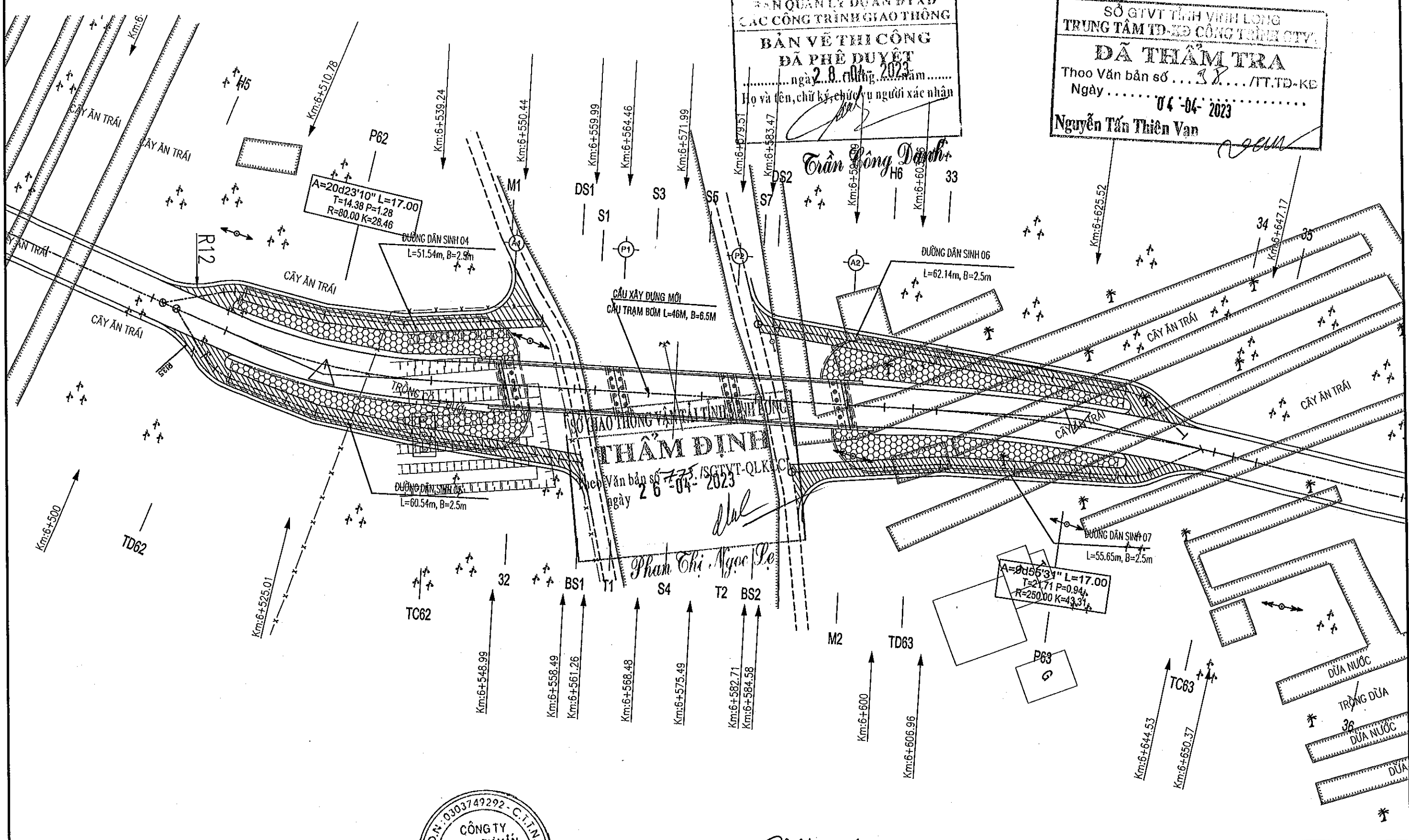
BAN QUẢN LÝ DỰÁN ĐTXD  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
**BẢN VẼ THI CÔNG**  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
ngày 28 tháng 04 năm 2023  
Họ và tên, chữ ký, chức vụ người xác nhận

SỞ GTVT TỈNH VINH LONG  
TRUNG TÂM TĐ-ĐD CÔNG TRÌNH GTVT  
**ĐÃ THẨM TRA**  
Thảo Văn bản số 38 /TT.TĐ-KĐ  
Ngày 04-04-2023  
Nguyễn Tấn Thiên Văn

*Trần Công Danh*  
H6 33

**THẨM ĐỊNH**  
Văn bản số 77 /SGTVT-QLKĐ  
ngày 26-04-2023

*Phạm Thị Ngọc Lê*



CHỦ ĐẦU TƯ:  
SỞ GTVT TỈNH VINH LONG  
BAN QUẢN LÝ ĐAĐT XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG



ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT  
**HƯNG THỊNH**



THIẾT KẾ	HUYỀN PHẠM LÊ HUY
KIỂM TRA	TÓN THẤT HÙNG
CHỦ TRÌ TK	TÓN THẤT HÙNG
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN VĂN BAO

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:  
CÔNG TRÌNH: CẦU VÀ ĐƯỜNG  
ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NHƠN BÌNH - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG  
HẠNG MỤC: CẦU TRẠM BƠM  
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN BÌNH, THỜI HÒA - HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VINH LONG

BÌNH ĐỒ CẦU			
TỈ LỆ	HOÀN THÀNH	BẢN VẼ SỐ	KÝ HIỆU
ĐÃ GHI	.... / 2023	----	BD

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN**  
**ĐẾN QUÁ TRÌNH THAM VẤN**  
**CỘNG ĐỒNG**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
TỈNH VĨNH LONG  
**BAN BIÊN TẬP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/CTTĐT-BBT  
V/v thông báo đăng tải tham vấn  
trong quá trình thực hiện đánh  
giá tác động môi trường của Dự  
án Đầu tư xây dựng công trình  
Cầu và đường đến Trung tâm xã  
Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh  
Vĩnh Long

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông  
Sở Giao thông vận tải

Căn cứ Công văn số 228/BQLDAGT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban  
Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Sở Giao thông vận tải  
về việc đề nghị đăng tải tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi  
trường trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử  
tỉnh Vĩnh Long đã đăng tải toàn văn văn bản trên với các nội dung như sau:

- Tiêu đề đăng tải: Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi  
trường của Dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cầu và đường đến Trung tâm xã  
Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Thời gian đăng tải: từ ngày 05/6/2023 đến hết ngày 19/6/2023.

- Tổng số ý kiến đóng góp hồ sơ dự thảo qua Cổng TTĐT tỉnh: không.

Xem chi tiết nội dung đăng tải trên trang chủ Cổng thông tin điện tử của tỉnh  
tại mục “*Lấy ý kiến tham vấn*”, xem tại đây:

<https://vinhlong.gov.vn/lay-y-kien-tham-van/key/detail/dtid/1012>

Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Long thông báo để Ban Quản  
lý dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Sở Giao thông vận tải biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng ban;
- Phó Trưởng ban;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC TTTH-CB**

**Hồ Văn Chính**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRÀ CÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/UBND

Trà Côn, ngày 15 tháng 6 năm 2023

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình.”

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông

Ủy ban nhân dân xã Trà Côn nhận được Văn bản số 228/BQLDAGT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng công trình cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình”

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân xã Trà Côn có ý kiến như sau:

1. Ý kiến về vị trí thực hiện dự án đầu tư

UBND xã thống nhất về vị trí thực hiện dự án đầu tư tuyến đường này, vì đây là tuyến đường liên 3 (xã Nhơn Bình – Trà Côn - Thới Hòa). Nếu xây dựng tuyến đường này sẽ thúc đẩy địa phương phát triển kinh tế xã nhà nói riêng và huyện Trà Ôn nói chung.

2. Ý kiến về tác động môi trường của dự án đầu tư

UBND xã thống nhất cao báo cáo tham vấn cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường của dự án.

3. Ý kiến về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

UBND xã thống nhất về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như trong tài liệu. Kiến nghị trong quá trình thi công phải đảm bảo môi trường nhất là tiến ồn, bụi ... để ảnh hưởng đến người dân.

4. Ý kiến về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

UBND xã thống nhất về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như đã trình bày.

5. Ý kiến về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Sớm bồi thường cho người dân ảnh hưởng bởi công trình để ổn định cuộc sống. Cần sớm khởi công và đẩy nhanh tiến độ thi công đưa vào sử dụng. Thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng công trình đúng theo thiết kế để công trình được chất lượng.



Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Trà Côn gửi Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Phan Thanh Vũ**



**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC  
XÃ TRÀ CÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 CV/MTTQ-BTT

Trà Côn, ngày 12 tháng 6 năm 2023

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện  
đánh giá tác động môi trường của Dự án  
“Đầu tư xây dựng công trình cầu và  
đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện  
Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long”

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông

Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Trà Côn nhận được Văn bản số 229 ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng công trình cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long”.

Sau khi xem xét, Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Trà Côn có ý kiến như sau:

**1. Ý kiến về vị trí thực hiện dự án đầu tư**

Ban Thường trực Mặt Trận Tổ quốc xã thống nhất cao với vị trí thực hiện dự án đầu tư. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng giữa các ấp đặc biệt khó khăn, các ấp có đông đồng bào dân tộc khmer sinh sống. Về vị trí thực hiện dự án này, sau khi công trình được thực hiện xong có sẽ có tác động to lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các ấp dân tộc nói riêng và góp phần hoàn thực hiện tiêu chí về giao thông trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng Nông Thôn mới của của xã Trà Côn.

**2. Ý kiến về tác động môi trường của dự án đầu tư**

MTTQ xã Trà Côn đồng ý về những tác động xấu của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội như nội dung được trình bày trong tài liệu

**3. Ý kiến về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường**

Ban Thường trực Mặt trận xã Đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đã trình bày trong tài liệu.

Đề nghị chủ dự án: cần nghiên cứu kỹ hơn, sâu hơn đặc điểm riêng của địa phương nơi dự án thi công để đề ra các biện pháp giải pháp giảm thiểu tác động xấu của



dự án đến môi trường sát hơn, hữu hiệu hơn; Cần thực hiện đúng việc cam kết các biện pháp, giải pháp giảm thiểu của tác động xấu đến môi trường của dự án;

**4. Ý kiến về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Mặt trận Tổ quốc xã thống nhất với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

**5. Ý kiến về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư**

Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Xã Trà Côn thống nhất cao việc đầu tư thực hiện dự án trên nhằm phục vụ lợi ích chung cho Nhân dân trong khu vực đồng thời tạo điều kiện đi lại, giao thương hàng hóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực ngày một đi lên. Bên cạnh đó Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trà Côn yêu cầu đơn vị chủ đầu tư sau khi thực hiện dự án cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nhất là UB. MTTQ Việt nam xã để giám sát việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công cũng như công khai minh bạch trong khi thực hiện dự án.

- Cần ưu tiên lực lượng lao động tại địa phương trong quá trình thực hiện dự án nhằm tạo điều kiện cho lao động tại chỗ có thêm thu nhập để ổn định cuộc sống.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban mặt trận tổ quốc Xã Trà Côn gửi Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
  
Nguyễn Thị Kim Ngọc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu và đường đến trung tâm xã  
Nhơn Bình

Thời gian họp: Hôm nay, vào lúc 10 giờ.....phút, ngày 11 tháng 6 năm 2023

Địa chỉ nơi họp: Tại trụ sở ấp Ngãi Lộ B

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp.

Ông/Bà: Phan Thanh Vũ Chức vụ: CT UBND xã

Ông/Bà: Lương Hoàng Sơn Chức vụ: CC-ĐC-NN-XD-MT

1.2. Chủ dự án là đồng chủ trì phiên họp.

Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông

Đại diện: Ông Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó giám đốc

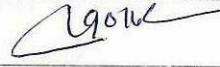

Đại diện:.....Chức vụ:.....

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

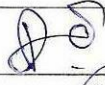
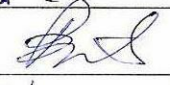

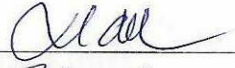


Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Môi trường Arttek

Đại diện: Bà Lê Ngọc Hiền Chức vụ: giám đốc chi nhánh

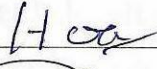
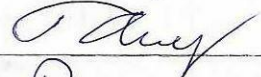
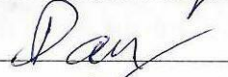
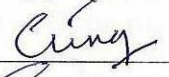


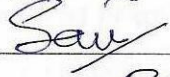

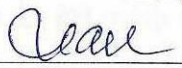
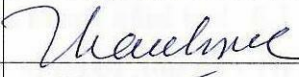
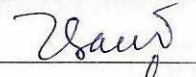

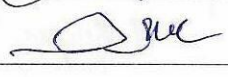

1.4. Đại biểu tham dự: đại diện của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản.

STT	Họ và Tên	Chức vụ/địa chỉ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Kim Ngọc	PC. MTTQ	
2	Lê Thị Sáu	CT. Hội LHPN	



3	Trần Văn Đê	CT. HMD	
4	Nguyễn Thanh Bình	CT. HCCB	
5	Nguyễn Trọng Hiền	B.T. xã Hoàn	
6	Lê Văn Nam	TẬP Ngãi LSB	
7	Lê Thành Mến	TẬP. Thôn Kôn	
8	Thạch Việt	Trình ấp Ngãi LSB	
9			
10			

### 1.5 Danh sách các hộ dân tham gia:

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Chữ ký
1	Lê Thị Hòa	Ngũ Lộ B	
2	Lê Thị Hữu Cường	Ngũ Lộ B	
3	Lê Văn Dân	Ngũ Lộ B	
4	Nguyễn Chí Cường	Ngũ Lộ B	
5	Nguyễn Văn Sơn	Ngũ Lộ B	
6	Thạch Cường	Ngũ Lộ B	
7	Đặng Văn Sáu	Ngũ Lộ B	
8	Thạch Chi Bôn	Ngũ Lộ B	
9	Lê Văn Nam	Ngũ Lộ B	
10	Lê Thành Mến	Thôn Kôn	
11	Nguyễn Văn Sang	Thôn Kôn	
12	Phạm Văn Cầu	Thôn Kôn	
13	Thạch Kim	Thôn Kôn	
14	Thạch Xây	Thôn Kôn	



15	Nguyễn Kiên Thiê	Thôn Rôn	Suu
16	Thạch Thị Sái Sa	Thôn Rôn	Sa Sse
17	Thạch Boul	Thôn Rôn	Boul
18	đếm Mung	Thôn Rôn	Mung
19	Thạch vút	Ngài Lô A.	<del>Th</del>
20	Trương Văn Nhu	Ngài Lô A.	Nhu
21	Thạch Thị Trọng Thủy	Ngài Lô A.	Thuy
22	Thạch Chuộc	Ngài Lô A.	Chuộc
23	Trần Hữu Lôi	Ngài Lô A.	Lôi
24	Trần Trọng Nghĩa	Ngài Lô A.	Nghĩa
25	Thạch Sơn	Ngài Lô A.	Sơn
26	Thạch Thống	Ngài Lô A.	Thống
27	Thạch Sang	Ngài Lô A.	Sang



**2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP:**

**2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự**

Mở đầu cuộc họp Ông/Bà... Phan Thanh Vũ.....- Đại diện  
 .... MBK và Trà Cờ..... chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu  
 thành phần tham dự liên quan đến vấn đề xin ý kiến tham vấn cộng đồng về nội dung báo cáo  
 ĐTM của dự án “.....”.

**2.2. Chủ dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án**

Ông/Bà... Nguyễn Minh Học..... - Chủ dự án giới thiệu tóm tắt về vị trí dự án  
 và tác động chính của dự án phát sinh.

Bà ... Lê Ngọc Hiền..... - Đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt về Báo cáo đánh  
 giá tác động môi trường của dự án “.....” về  
 các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, các biện  
 pháp giảm thiểu.

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp với chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề mà chủ dự án đã trình bày tại cuộc họp

a. Ý kiến cụ thể của từng hộ dân tham dự cuộc họp:

- Thống nhất với nội dung hồ sơ tham vấn đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án “ĐT.XD công trình cầu và đường đèo tung” do đơn vị tư vấn trình bày.  
tâm xã (Nhơn Bình)

- Ý kiến của hộ dân:

+ Ông/Bà: Lê Văn Non..... ý kiến về Dự án: Đề nghị chủ đầu tư thi công phải đẩy nhanh tiến độ, tránh kéo dài làm ảnh hưởng cuộc sống dân cư xung quanh.

+ Ông/Bà: Trần Trọng Nghĩa kiến về Dự án: Thi công phải có biện pháp an toàn chắn để không gây nguy hiểm cho dân cư và trẻ em, không thi công ban đêm gây ảnh hưởng thời gian nghỉ ngơi của người dân.

+ Ông/Bà: Nguyễn Văn Sang ý kiến về Dự án: có biện pháp giảm bụi khi san lấp; biện pháp giảm ồn cho người dân.

+ Ông/Bà:..... ý kiến về Dự án:.....

+ Ông/Bà:..... ý kiến về Dự án:.....



+ Ông/Bà:..... ý kiến về Dự án:.....

.....  
.....  
.....

b. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Trà Tân.....

Thống nhất theo báo cáo tham  
vấn công tác trong đánh giá tác  
động môi trường của dự án.

### 3. KẾT LUẬN

Ông/Bà..... Phan Thanh Vũ..... chủ trì cuộc họp thống nhất với nội dung hồ sơ tham vấn đánh giá tác động môi trường và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

ĐẠI DIỆN UBND xã Trà Tân  
Trà Tân, ngày... tháng... năm...  
(Ký, ghi họ tên)  
CHỦ TỊCH

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN  
(Ký, ghi họ tên)



Phan Thanh Vũ

Nguyễn Minh Khoa





Số: 15.../UBND

Thới Hòa, ngày 14 tháng 6 năm 2023

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện  
đánh giá tác động môi trường của Dự án “  
Đầu tư xây dựng công trình Cầu và Đường  
đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà  
Ôn, tỉnh Vĩnh Long”

**Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông**

Ủy ban nhân dân xã Thới Hòa nhận được Văn bản số 229/BQLDAGT, ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng công trình Cầu và Đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long”.

Sau khi xem xét, Ủy ban xã Thới Hòa có ý kiến như sau:

1. Ý kiến về vị trí thực hiện dự án đầu tư  
Thống nhất
2. Ý kiến về tác động môi trường của dự án đầu tư  
Không ý kiến
3. Ý kiến về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường  
Không ý kiến
4. Ý kiến về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường  
Có biện pháp quản lý giảm thiểu bụi, nước thải, chất thải rắn như nilon, bao bì, sắt,...
5. Ý kiến về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư  
Không ý kiến

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Thới Hòa gửi Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đông Thị Trúc Linh

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xã Hòa Hòa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/BMTTQ - HT

Thị trấn, ngày 14 tháng 6 năm 2023

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện

đánh giá tác động môi trường của Dự án “

Công trình Cầu Đập Đền Tam Xá xã Hòa Hòa, huyện Hòa Sơn, VT.

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông

Ủy ban mặt trận tổ quốc Xã Hòa Hòa nhận được Văn bản số 229/BĐT-DAT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Công trình Cầu Đập Đền Tam Xá xã Hòa Hòa, huyện Hòa Sơn, VT.”

Sau khi xem xét, Ủy ban mặt trận tổ quốc Xã Hòa Hòa có ý kiến như sau:

1. Ý kiến về vị trí thực hiện dự án đầu tư

Thống nhất vị trí thực hiện

2. Ý kiến về tác động môi trường của dự án đầu tư

Đề nghị chủ đầu tư thực hiện các biện pháp môi trường đề xuất

3. Ý kiến về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Đề nghị chủ đầu tư thực hiện các biện pháp môi trường đề xuất

4. Ý kiến về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường





thống nhất.

5. Ý kiến về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Không.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban mặt trận tổ quốc Ka Văn Tuấn gửi Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Ka Văn Tuấn





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình

Thời gian họp: Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 6 năm 2023

Địa chỉ nơi họp: UBND xã Thới Hòa

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp.

Ông/Bà: Ông Thái Trúc Linh Chức vụ: PCT - UBND xã

Ông/Bà: Chức vụ:

1.2. Chủ dự án là đồng chủ trì phiên họp.

Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông

Đại diện: Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Phó giám đốc

Đại diện: Chức vụ:

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Môi trường Arttek

Đại diện: Bà Lê Ngọc Hiền Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

1.4. Đại biểu tham dự: đại diện của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản.

STT	Họ và Tên	Chức vụ/địa chỉ	Chữ ký
1	Bà Lưu Đại	CT. NTTO xã	
2	Nguyễn Thanh Sĩ	CT. HCCB xã	
3	Nguyễn Chí Kiên Chọc	BT. Xã Hòa	
4	Nguyễn Văn Bình	CT. HNP xã	

5	Nguyễn Thị Thủy Anh	5/11/1977	Thủy
6	Nguyễn Văn Bé	19/11/1977	<del>Thủy</del>
7			
8			
9			
10			

**1.5 Danh sách các hộ dân tham gia:**

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Chữ ký
1	Phạm Thị Tiếp	Tầng Hẻm	tiếp
2	Đông Văn Quân	Tầng Hẻm	quân
3	Trần Văn Thỉnh	Tầng Hẻm	thỉnh
4	Ngô Văn Cường		cường
5	Đặng Văn Vinh		vinh
6	Nguyễn Văn Sốt		sốt
7	Nguyễn Kim Diên		diên
8	Ngô Văn Tường		tường
9	Ngô Văn Dũng		dũng
10	Võ Lê Quyền		quyền
11	Lê Văn Sĩ		sĩ
12	Trần Văn Luy		luy
13	Ngô Văn Tông		tông
14	Đặng Thị Kim Chi		chi
15	Đặng Thị Kim Liên		liên
16	Trần Văn Giang		giang
17	Lê Thị Ghi		ghi



18	Ng Thi Hang		- hang
19	Ng Van Tam		- Tam
20	Pham Van Nga		Nga
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			

## 2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP:

### 2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự

Mở đầu cuộc họp Ông/Bà Đông Chí Đức Linh.....- Đại diện UBND xã Thôn: A B C..... chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự liên quan đến vấn đề xin ý kiến tham vấn cộng đồng về nội dung báo cáo ĐTM của dự án “**Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình**”.

### 2.2. Chủ dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án

Ông/Bà Nguyễn Minh Khoa..... – Chủ dự án giới thiệu tóm tắt về vị trí dự án và tác động chính của dự án phát sinh.

Bà Lê Ngọc Hiền..... – Đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt về Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “**Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình**” về các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, các biện pháp giảm thiểu.

### 2.3. Thảo luận, trao đổi giữa cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp với chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề mà chủ dự án đã trình bày tại cuộc họp

#### a. Ý kiến cụ thể của từng hộ dân tham dự cuộc họp:





- Thống nhất với nội dung hồ sơ tham vấn đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án “Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình” do đơn vị tư vấn trình bày.

- Ý kiến của hộ dân:

+ Ông/Bà: Trần Văn Thiệu ..... ý kiến về Dự án: Đề nghị Chủ đầu tư có phương án vận chuyển nguyên vật liệu an toàn, không làm hư hại gây mất an toàn giao thông. ....

+ Ông/Bà: Lê Thế ghi ..... ý kiến về Dự án: Chủ đầu tư phải có biện pháp giảm bụi để không làm ảnh hưởng sức khỏe người dân. ....

+ Ông/Bà: Phạm Văn Nga ý kiến về Dự án: có biện pháp thi công cầu đường phù hợp để không làm ảnh hưởng nhà ở của dân cư xung quanh. Nếu làm hư hại nhà dân phải có biện pháp bồi thường thỏa đáng. ....

+ Ông/Bà: Nguyễn Thành Tôn ý kiến về Dự án: Thi công nhanh để rồi không kéo dài làm ảnh hưởng cuộc sống dân cư, cần kết thúc hiện trạng thi công tác bảo vệ môi trường đã đề xuất. ....

+ Ông/Bà: ..... ý kiến về Dự án: .....

+ Ông/Bà: ..... ý kiến về Dự án: .....



b. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Thời Hòa.....

Đồng nhất với các đề xuất bị chủ đầu tư.  
Đề nghị chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp  
đảm bảo đề xuất, đồng thời xem xét các đề nghị của người  
dân trong cuộc họp đề hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan  
có thẩm quyền xem xét.

3. KẾT LUẬN

Ông/Bà Đông Thị Trúc Linh..... chủ trì cuộc họp thống nhất với nội  
dung hồ sơ tham vấn đánh giá tác động môi trường và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

ĐẠI DIỆN UBND xã Thời Hòa

(Ký, ghi họ tên)

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Đông Thị Trúc Linh

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

(Ký, ghi họ tên)



Nguyễn Minh Khoa